



TRẦN DIÊN HIỂN (Chủ biên)
NGUYỄN ĐÌNH KHUÊ - ĐÀO THÁI LAI - NGUYỄN THÚY VÂN

Toán 1

SÁCH GIÁO VIÊN
1



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

TRẦN DIÊN HIỀN (Chủ biên)
NGUYỄN ĐÌNH KHUÊ – ĐÀO THÁI LAI – NGUYỄN THUÝ VÂN

TOÁN 1

SÁCH GIÁO VIÊN

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Các cụm từ viết tắt dùng trong sách

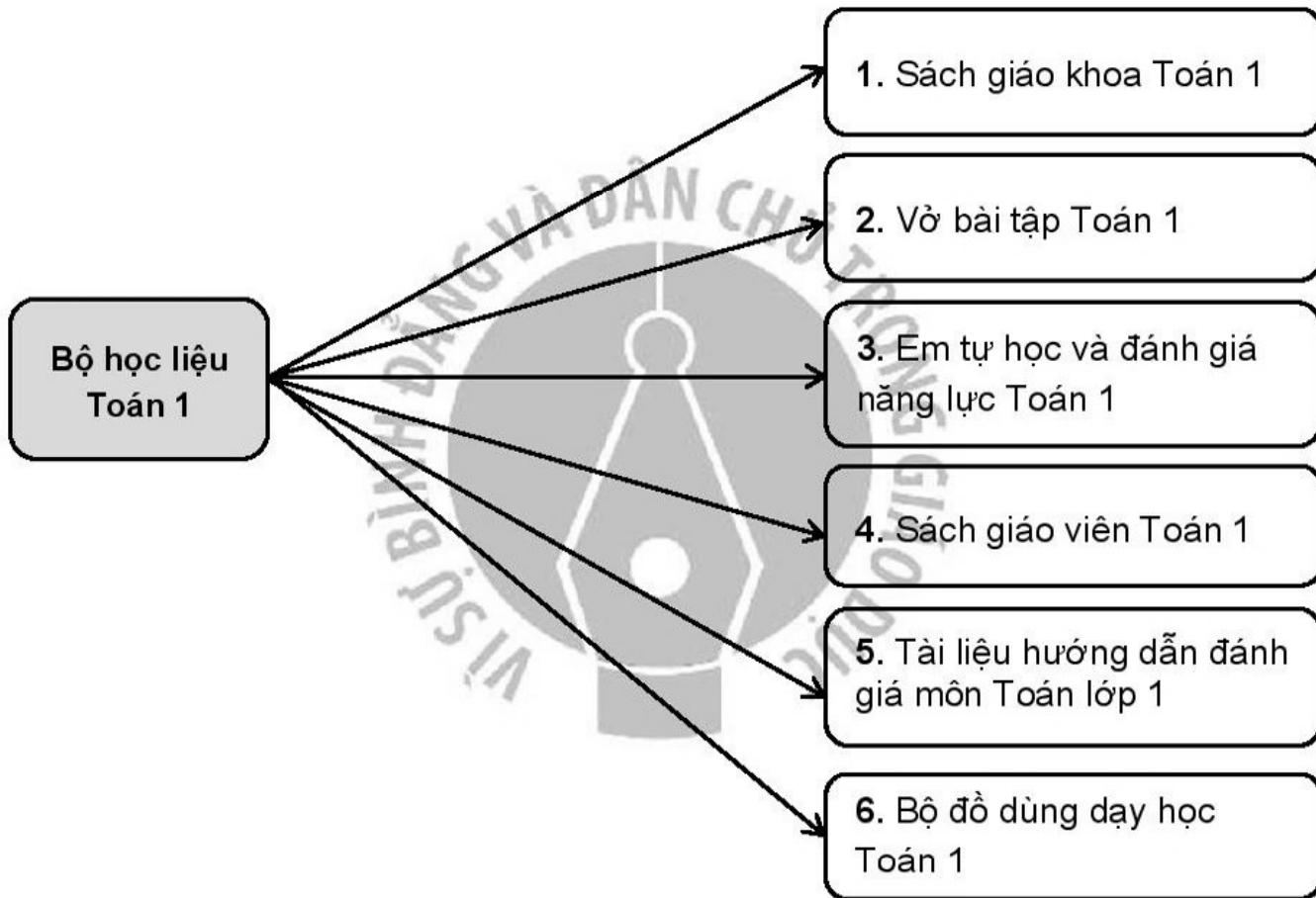
Từ viết tắt	Nội dung cụ thể
BT	Bài tập
ĐDHT	Đồ dùng học tập
ĐDDH	Đồ dùng dạy học
GV	Giáo viên
HS	Học sinh
HĐ	Hoạt động
HĐTN	Hoạt động trải nghiệm
PPDH	Phương pháp dạy học
SGK	Sách giáo khoa
SGV	Sách giáo viên

Các biểu tượng dùng trong sách

Biểu tượng	Ý nghĩa của biểu tượng
	Khởi động
	Khám phá – hình thành kiến thức mới
	Thực hành – luyện tập
	Vận dụng
	Củng cố

Phần một

GIỚI THIỆU CHUNG



A. TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN TOÁN LỚP 1

I. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH MÔN TOÁN LỚP 1

Nội dung chương trình môn Toán lớp 1 bao gồm hai mạch kiến thức: Số và phép tính; Hình học và đo lường. Ngoài ra còn có các hoạt động trải nghiệm.

1. Mạch Số và phép tính gồm các nội dung sau:

- Nhận dạng, đọc, viết, đếm, so sánh và tách các số trong phạm vi 10.
- Các bảng cộng và bảng trừ trong phạm vi 10.

- Đọc, viết, đếm, so sánh và phân tích cấu tạo các số trong phạm vi 100.
- Phép cộng và phép trừ không nhớ trong phạm vi 100.
- Vận dụng giải quyết vấn đề trong thực tiễn cuộc sống.

2. Mạch **Hình học và đo lường** gồm các nội dung sau:

- Nhận biết biểu tượng các hình hình học: hình vuông, hình chữ nhật, hình tròn, hình tam giác, khối lập phương và khối hộp chữ nhật.
- Nhận biết biểu tượng độ dài, các đơn vị đo độ dài quy ước và đơn vị đo độ dài là xăng-ti-mét (cm). Thực hành cộng và trừ các số đo độ dài với đơn vị cm.
- Tuần lễ, các ngày trong tuần.
- Xem giờ đúng trên đồng hồ.
- Thực hành đo độ dài (với đơn vị quy ước và dùng thước có chia vạch tới xăng-ti-mét). Thực hành xem giờ trên đồng hồ.

3. **Hoạt động trải nghiệm** gồm các hình thức sau:

- HS trải nghiệm để hình thành kiến thức mới, trải nghiệm để phát triển các kĩ năng toán học.
- Trải nghiệm bằng các hình thức thông qua các hoạt động trong và ngoài lớp học: Sân khấu hoá, Câu lạc bộ Toán học, Ngoại khoá toán,... tạo cơ hội cho HS vận dụng hiểu biết về Toán học để xử lí các tình huống trong cuộc sống.
- Tập thể tác giả đã thiết kế 4 chủ đề HĐTN trong và ngoài giờ lên lớp tạo cơ hội cho HS vận dụng hiểu biết về Toán học để xử lí các tình huống gặp trong cuộc sống.

II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH MÔN TOÁN LỚP 1

- HS đọc, viết, đếm, so sánh và tách được các số từ 0 đến 10 và vận dụng để xử lí các tình huống trong cuộc sống.
- HS đọc, viết, đếm, so sánh được các số trong phạm vi 100, biết phân tích cấu tạo các số có hai chữ số và vận dụng để xử lí các tình huống trong cuộc sống.
- HS thuộc các bảng cộng và bảng trừ trong phạm vi 10, vận dụng để tính toán và xử lí các tình huống trong cuộc sống.
- HS đọc, viết, đếm, so sánh được các số trong phạm vi 100, biết phân tích cấu tạo các số có hai chữ số (thành tổng của số chục và số đơn vị) và vận dụng để tính toán, xử lí các tình huống trong cuộc sống.
- HS thuộc và vận dụng được các quy tắc thực hành phép cộng và phép trừ không nhớ trong phạm vi 100 để tính toán và xử lí các tình huống trong cuộc sống.

Thực hiện được cộng, trừ nhầm các số trong phạm vi 10, cộng, trừ nhầm các số tròn chục.

- Nhận biết được biểu tượng về các hình hình học: hình vuông, hình chữ nhật, hình tròn, hình tam giác, khối lập phương và khối hộp chữ nhật trong sách vở và trong cuộc sống.
- HS đọc, viết được đơn vị đo độ dài là *cm* và vận dụng để tính toán. Thực hành đo độ dài (với đơn vị quy ước và đơn vị cm). Biết tuần lễ có bảy ngày và tên các ngày trong tuần. Đọc được giờ đúng trên đồng hồ. Biết ước lượng số đo độ dài của các vật.
- Thông qua các hoạt động trải nghiệm, HS phát hiện và xử lí được các tình huống trong cuộc sống bằng hiểu biết toán học của mình.

III. MỘT SỐ LƯU Ý KHI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Chương trình có cấu trúc đồng tâm theo các vòng số trong mạch số và phép tính. Các nội dung hình học và đo lường được tích hợp trong các vòng số phù hợp với kỹ năng tính toán.
- Trong quá trình thực hiện chương trình cần chú trọng hình thành và phát triển năng lực chung và năng lực đặc thù môn Toán cho học sinh. Vì vậy GV cố gắng tìm câu trả lời cho câu hỏi: “*Học xong bài này HS có thể làm được gì trong cuộc sống?*”.
- Một điểm mới trong chương trình lần này là tổ chức cho HS tham gia các hoạt động trải nghiệm trong quá trình dạy học toán trong giờ chính khoá hoặc các hoạt động dã ngoại.
- Đánh giá kết quả học tập môn Toán của HS được tiến hành theo thang đánh giá năng lực bốn bậc (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, phản hồi và phát triển) theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

B. GIỚI THIỆU BỘ HỌC LIỆU TOÁN 1

I. SÁCH GIÁO KHOA TOÁN 1

SGK Toán 1 gồm hai tập: Tập một gồm 53 tiết dạy học trong học kì I và tập hai gồm 47 tiết dạy học trong học kì II. Nội dung 100 tiết bám sát chương trình Giáo dục phổ thông môn Toán theo *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT* ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (5 tiết còn lại dành 2 tiết kiểm tra cuối mỗi học kì, 3 tiết dự phòng HS nghỉ lễ, nghỉ học do thiên tai đột xuất. Trong trường hợp những ngày nghỉ trên không trùng tiết Toán thì GV tự thiết kế nội dung 3 tiết còn lại cho HS ôn tập, sinh hoạt câu lạc bộ,...).

Chương trình môn Toán lớp 1 bao gồm hai mạch kiến thức:

- *Số và phép tính.*
- *Hình học và đo lường.*

Lấy mạch “*Số và phép tính*” làm trung tâm, chúng tôi phân chia SGK Toán 1 thành 5 chủ đề (dựa theo các vòng số trong chương trình):

♦ **Chủ đề 1. Các số đến 10**

Qua chủ đề này, HS cần đạt được các yêu cầu: đọc, viết, đếm, so sánh và tách được các số trong phạm vi 10. Để đạt các yêu cầu này, các tác giả hình thành theo từng nhóm số: (1, 2, 3); (4, 5, 6); (7, 8, 9); (0; 10). Với cách tiếp cận này, mỗi bài HS được tập trung luyện kĩ một trong số các yêu cầu trên (đọc, viết hoặc đếm, hoặc so sánh, hoặc tách số) trong một bài học, như vậy sẽ hiệu quả cao hơn và tránh sự nhảm chán. Thông qua các HD luyện tập, SGK giới thiệu cho HS số thứ tự gắn với thực tiễn cuộc sống.

♦ **Chủ đề 2. Phép cộng, phép trừ trong phạm vi 10**

Qua chủ đề này, HS cần đạt được các yêu cầu: Bước đầu hiểu được ý nghĩa của phép cộng, phép trừ trong phạm vi 10. Thuộc các bảng cộng và bảng trừ trong phạm vi 10. Vận dụng được bảng cộng và bảng trừ để tính toán và xử lí các tình huống gặp trong cuộc sống. Thực hiện được cộng, trừ nhầm các số trong phạm vi 10. Các tác giả chọn số hạng thứ nhất trong bảng để đặt tên cho bảng cộng. Cách lựa chọn này đảm bảo sự thống nhất với cách dạy bảng nhân sau này và thuận lợi khi HS vận dụng tính toán. Tương tự, các bảng trừ được đặt tên theo số bị trừ (đảm bảo thống nhất với cách dạy bảng chia sau này).

♦ **Chủ đề 3. Số và phép tính trong phạm vi 20**

Qua chủ đề này, HS cần đạt được các yêu cầu: đọc, viết và nhận biết được cấu tạo các số trong phạm vi 20; đếm được các số trong phạm vi 20; thực hành được phép cộng và phép trừ không nhớ trong phạm vi 20. Đo độ dài và viết được phép tính, nếu câu trả lời phù hợp với câu hỏi của bài toán có lời văn. Vận dụng để tính toán và xử lí các tình huống gặp trong cuộc sống. Để hướng tới các yêu cầu đó, SGK lần lượt giới thiệu cách đọc, viết và cấu tạo các số trong phạm vi 20. Đối với phép cộng và phép trừ không nhớ, SGK hình thành theo hai bước: giới thiệu cách đặt tính, hình thành quy tắc cộng, trừ không nhớ hai số trong phạm vi 20 và vận dụng để tính toán. Đại lượng độ dài lần lượt được giới thiệu từ biểu tượng độ dài, đo độ dài bằng đơn vị tự quy ước và đơn vị xăng-ti-mét. Học sinh được làm quen *Bài toán có lời văn* thông qua các dạng bài viết phép tính phù hợp với câu hỏi của bài toán.

◆ Chủ đề 4. Các số trong phạm vi 100

Qua chủ đề này, HS cần đạt được các yêu cầu: đọc, viết và nhận biết được cấu tạo các số trong phạm vi 100; đếm và so sánh được các số trong phạm vi 100; vận dụng để tính toán và xử lí các tình huống gấp trong cuộc sống. Để hướng tới các yêu cầu về đọc, viết, cấu tạo và đếm, SGK hình thành theo ba bước: các số tròn chục, các số có tận cùng khác 1, 4, 5 và các số có tận cùng bằng 1, 4, 5. Riêng kĩ năng so sánh được tách thành bài riêng.

◆ Chủ đề 5. Phép cộng, phép trừ không nhớ trong phạm vi 100

Qua chủ đề này, HS cần đạt được các yêu cầu: vận dụng được các quy tắc thực hành phép cộng, phép trừ không nhớ các số có hai chữ số để tính toán. HS vận dụng kĩ năng thực hành cộng, trừ không nhớ để xử lí được các tình huống gấp trong cuộc sống. Thực hiện được cộng, trừ nhầm các số tròn chục. Để hướng tới các yêu cầu nêu trên, SGK hình thành theo hai bước: giới thiệu cách đặt tính, hình thành quy tắc cộng không nhớ hai số trong phạm vi 100 và vận dụng để tính toán. Cũng tương tự đối với phép trừ không nhớ.

Khi hình thành các bảng cộng, trừ các số có hai chữ số và các quy tắc cộng, trừ không nhớ trong phạm vi 100, chúng tôi sử dụng chất liệu là que tính để đảm bảo tính khả thi ngay cả những vùng khó khăn nhất. Khi thực hành tính toán GV có thể mở rộng các chất liệu khác phù hợp với điều kiện thực tế. Khi thực hành, luyện tập có thể linh hoạt sử dụng các chất liệu khác, tùy vào hoàn cảnh cụ thể của quá trình dạy học.

◆ **Phản Hình học** trong chương trình lớp 1 chỉ yêu cầu HS biết các biểu tượng về các hình hình học, bao gồm: hình vuông, hình chữ nhật, hình tam giác, hình tròn, khối lập phương và khối hộp chữ nhật. Các yêu cầu này được thể hiện xen kẽ trong các bài học dưới dạng: *nhận dạng hình, đếm hình, lắp ghép hình và dãy hình*.

Tất cả các bài về lắp ghép hình trong SGK, **Em tự học và đánh giá năng lực Toán 1** và **Vở bài tập Toán 1** chúng tôi đều xuất phát từ “*Bộ lắp ghép hình*” trong bộ đồ dùng học tập. Vì vậy, trong quá trình dạy học dạng bài này GV cho HS thao tác trên các hình của *Bộ lắp ghép hình* để tìm ra lời giải.

Vì khi hình thành các số đến 10, HS thường xuyên phải tiếp cận với các biểu tượng hình học, đồng thời căn cứ vào yêu cầu cần đạt của mạch hình học trong chương trình nên chúng tôi đưa các tiết về hình học ngay từ tuần đầu để đáp ứng yêu cầu của các bài học sau, nhưng vẫn khả thi.

◆ **Phản Đo lường** trong chương trình môn Toán lớp 1 chỉ yêu cầu HS nhận biết được biểu tượng độ dài, đọc, viết được đơn vị đo độ dài là xăng-ti-mét (cm) và tính toán với số đo độ dài là xăng-ti-mét.

HS biết tuần lặp có bảy ngày và tên các ngày trong tuần; đọc được giờ đúng trên đồng hồ.

Tổ chức cho HS thực hành đo độ dài (với đơn vị quy ước và dùng thước có chia vạch đến xăng-ti-mét). HS biết ước lượng số đo độ dài của các vật với đơn vị là xăng-ti-mét.

- ◆ **Hoạt động trải nghiệm** được thực hiện theo 4 chủ đề. Mỗi chủ đề gắn với các hoạt động tạo cơ hội cho HS vận dụng kiến thức đã học để xử lý tình huống cụ thể gặp trong cuộc sống.

Day học phát triển năng lực HS là định hướng quan trọng trong đổi mới chương trình và SGK phổ thông lần này. Tiêu chí “*Phát triển năng lực của HS*” được các tác giả thể hiện theo logic: “**Học xong bài này em làm được gì trong cuộc sống?**”.

Trong SGK, HS được tiếp cận với các biểu tượng về robot, máy cộng (trừ) số; khi tổ chức các HD dạy học, GV và HS được tiếp cận với các phần mềm dạy học, các bản trình chiếu hiệu ứng, video clip, các thiết bị dạy học: máy chiếu, máy chiếu vật thể,... Thông qua đó, tạo cơ hội cho GV và HS bước đầu tiếp cận với những thành tựu của công nghệ 4.0.

Hệ thống câu lệnh được sử dụng thống nhất trong bộ sách như sau:

- ◆ **Tính nhẩm:** là những bài yêu cầu HS tính toán trong đầu và trả lời bằng miệng.
- ◆ **Đặt tính rồi tính:** là những bài yêu cầu HS đặt tính theo cột dọc rồi tính và ghi kết quả ở dưới.
- ◆ **Tính:** là những bài yêu cầu HS thực hiện các bước tính ra giấy nháp rồi viết kết quả vào bài làm.
- ◆ **Tính (theo mẫu):** là những bài HS phải thể hiện các bước tính trong bài làm theo bài mẫu đã cho.
- ◆ **Số ?** là dạng bài trắc nghiệm điền khuyết (HS phải tìm số thích hợp thay cho dấu?).
- ◆ **Tìm số hoặc chữ thích hợp thay cho ?**: là dạng bài trắc nghiệm điền khuyết. Nội dung cần chọn có thể là số hoặc chữ.
- ◆ **>, <, = ?** là dạng bài trắc nghiệm điền khuyết, trong đó nội dung phải chọn thay cho dấu ? là một trong các dấu >, < hoặc =.
- ◆ **D – S ?** là dạng bài trắc nghiệm đúng, sai, theo đó HS phải chọn **D** (đúng) hoặc **S** (sai) thay cho dấu ? tùy theo câu đó là đúng hoặc sai.

♦ **Tìm phép tính, nêu câu trả lời:** là câu hỏi áp dụng cho dạng bài toán có lời văn, HS phải tìm phép tính thay cho các dấu ? và nêu câu trả lời cho bài toán.

Trong SGK chúng tôi đưa vào một số *Bài đọc thêm* dành cho HS yêu thích toán hoặc giúp GV và HS giải đáp một số vướng mắc trong quá trình dạy học, chẳng hạn các cách đọc khác nhau của số có tận cùng bằng 1, 4, 5, ...

II. VỞ BÀI TẬP TOÁN 1

Để tạo điều kiện cho GV khi tổ chức dạy học và HS khi học bài trên lớp theo SGK Toán, chúng tôi biên soạn *Vở bài tập Toán 1*. Nội dung tài liệu bao gồm các bài tập trong SGK được biên soạn lại để HS có thể thực hiện bài giải vào vở trong khi vốn từ còn hạn chế, đồng thời GV có thể sử dụng vở này để thay cho việc thiết kế *phiếu học tập* khi thực hiện đổi mới PPDH. *Vở bài tập Toán 1* có thể được sử dụng thay cho vở ghi bài môn Toán.

III. TÀI LIỆU EM TỰ HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TOÁN 1

Khi biên soạn SGK, tập thể tác giả luôn quán triệt tiêu chí “*Đảm bảo tính vừa sức và tính khả thi cho tất cả các đối tượng HS trên các vùng, miền*”.

Em tự học và đánh giá năng lực Toán 1 là tài liệu hỗ trợ khi tổ chức dạy học phân hoá theo yêu cầu đổi mới giáo dục ở Tiểu học. Vì vậy, trong *Em tự học và đánh giá năng lực Toán 1* chúng tôi trình bày theo cấu trúc thống nhất:

- Bài tập được biên soạn theo từng tiết học (bám sát mục tiêu của bài học) được xác định trong SGK và SGV.
- Mỗi tiết học có 6 bài tập với thang đánh giá năng lực 4 mức (theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo): *Nhận biết (2 bài), Thông hiểu (2 bài), Vận dụng (1 bài), Phản hồi và phát triển (1 bài)*.
- GV có thể sử dụng *Em tự học và đánh giá năng lực Toán 1* trong quá trình dạy học để đáp ứng yêu cầu của từng đối tượng: HS đại trà và HS có năng lực vượt trội về môn Toán.
- *Em tự học và đánh giá năng lực Toán 1* cũng tạo cơ hội cho HS thường xuyên tiếp cận và rèn luyện trong từng tiết học theo yêu cầu đánh giá năng lực môn Toán của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

IV. SÁCH GIÁO VIÊN TOÁN 1

- Trong SGK thể hiện mục tiêu qua từng bài học bằng logo “*Em học xong bài này*” sau mỗi tiết học. Logo này giúp GV, HS trong quá trình dạy – học và các bậc phụ huynh khi kèm cặp con em mình xác định được yêu cầu cần đạt của bài học.

- Các tác giả không thể hiện các hình thức tổ chức dạy học cụ thể cho từng tiết học theo SGK để tránh sự áp đặt, khô cứng; đồng thời đảm bảo sự mềm dẻo, linh hoạt trong phương pháp dạy học.
- Trong SGV, khi hướng dẫn dạy mỗi tiết học, chúng tôi đều gợi ý một số sự lựa chọn (tùy thuộc điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học của từng vùng miền) khi tổ chức các HD dạy học.
- Trong cả bộ học liệu chúng tôi *sử dụng logo thống nhất* cho các hoạt động: *Khởi động*, *Thực hành – luyện tập*, *Vận dụng* và *Củng cố* cùng với một số sự lựa chọn đã nêu.
- SGV là tài liệu *Hướng dẫn dạy học* được biên soạn cho từng tiết học theo cấu trúc thống nhất:
 - **Mục tiêu:** là chuẩn đầu ra (yêu cầu cần đạt) của tiết học được xác định trong SGK (bằng logo “Em học xong bài này”)
 - **Đồ dùng dạy – học:** Giới thiệu một số sự lựa chọn dành cho những vùng có điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học và dành cho những vùng sâu, vùng xa có khó khăn về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học. Nguồn tranh ảnh, hình vẽ được lấy từ trang web: sachthietbigiaoduc.vn
 - **Gợi ý các hoạt động dạy – học chủ yếu:** Giới thiệu một số hình thức tổ chức dạy học cho từng HD.

Đối với các tiết dạy bài mới:

- ◆ **Khởi động (Mở đầu):** Thường là một trò chơi toán học nhằm tái hiện kiến thức đã biết làm cầu nối dẫn dắt HS vào bài mới.
- ◆ **Khám phá kiến thức mới:** Thông qua HDTN (thảo luận nhóm hoặc tự khám phá) HS tìm ra kiến thức mới của bài học.
- ◆ **Thực hành – luyện tập:** Thông qua hệ thống BT bằng hình thức HD cá nhân, hoặc HD nhóm, hoặc trò chơi giúp HS hình thành và củng cố các kỹ năng tính toán hướng tới chuẩn đầu ra của bài học.
- ◆ **Vận dụng:** HS vận dụng hiểu biết (về kiến thức, kỹ năng) trong bài học để xử lý tình huống gặp trong cuộc sống hướng tới chuẩn đầu ra của bài học.
- ◆ **Củng cố:** Thường được thực hiện dưới hình thức một trò chơi “*Chinh phục đỉnh Olympia*” hoặc “*Rung chuông vàng*”,...

Đối với các tiết luyện tập thì không có *Hoạt động khám phá* nhưng *Hoạt động thực hành – luyện tập* có thể phân chia thành các HD riêng lẻ để rèn từng kỹ năng cụ thể theo yêu cầu của bài học.

Các hình thức tổ chức dạy học trong tài liệu chỉ là sự gợi ý (không áp đặt) đảm bảo không gian mở, sáng tạo cho GV khi lựa chọn phương pháp dạy học.

V. TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ MÔN TOÁN LỚP 1

Đánh giá là khâu quan trọng trong quá trình dạy học.

Dạy học phát triển năng lực HS là định hướng quan trọng trong quá trình triển khai thực hiện chương trình và SGK mới.

Đánh giá năng lực môn Toán của HS là yêu cầu cần đạt khi dạy học theo SGK Toán 1.

Tài liệu **Hướng dẫn đánh giá môn Toán lớp 1** nhằm giúp GV khắc phục khó khăn trong công tác kiểm tra và đánh giá khi dạy học theo SGK mới. Trong tài liệu này, chúng tôi trình bày theo cấu trúc:

- Định hướng về đổi mới SGK phổ thông nói chung và SGK môn Toán nói riêng trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.
- Định hướng về đổi mới công tác kiểm tra và đánh giá HS tiểu học theo Thông tư số 22/2016/TT-BGD&ĐT ngày 22/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Giới thiệu cấu trúc đề kiểm tra định kì môn Toán theo yêu cầu đổi mới.
- Giới thiệu một số đề kiểm tra (định kì) minh họa theo định hướng đổi mới nói trên.

VI. BỘ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC TOÁN 1

Chúng tôi xây dựng **Bộ đồ dùng dạy học Toán 1** gồm hai phần:

- **Đồ dùng dạy học ảo:** là các video clip, các bản trình chiếu hiệu ứng (slide) phục vụ các tiết dạy học theo hướng dẫn dạy học trong SGV.
- **Các vật thật** được sử dụng trong các HD dạy học được thiết kế trong SGV, gồm:
 - Bộ các chữ số từ 0 đến 9;
 - Bộ que tính và thẻ số;
 - Bộ các dấu phép tính (+, –);
 - Bộ các dấu vè quan hệ (>, <, =);
 - Bộ lắp ghép hình (các hình cơ bản trong chương trình);
 - Thước có chia vạch đến xăng-ti-mét;
 - Mặt đồng hồ có 2 kim xoay được quanh trục.

Việc sử dụng bộ đồ dùng dạy học nói trên được hướng dẫn trong các HD dạy học của từng bài học.

Ngoài ra, tại trang web sachthietbigiaoduc.vn chúng tôi hỗ trợ các thầy cô, phụ huynh, các em học sinh hình ảnh, video clip để xây dựng bài giảng điện tử, ôn luyện,...



Phần hai

HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI TRONG SGK TOÁN 1

1. Vị trí quanh ta

MỤC TIÊU

- Bước đầu nhận biết được vị trí tương đối giữa hai vật: Trên – dưới; Bên phải – bên trái; Phía trước – phía sau. Ở giữa.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1.
- Hình ảnh các bức tranh trong SGK.
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HD 1. Khởi động: Cả lớp hát bài *Cả tuần đều ngoan* – nhạc sĩ Phạm Tuyên (Thứ hai là ngày đầu tuần...).



HD 2. Nhận biết quan hệ *trên – dưới*.

- GV chiếu bức tranh trên – dưới lên màn hình hoặc cho HS quan sát SGK và nêu nhận xét: Lọ hoa ở *trên* mặt bàn, con mèo ở *dưới* gầm bàn; Máy bay bay bên *trên*, em bé đứng *dưới* đất. HS tô màu theo hướng dẫn trong Vở bài tập Toán.
- GV cho HS tìm ví dụ tương tự về quan hệ trên – dưới.

HD 3. Nhận biết quan hệ *bên phải – bên trái*.

- GV chiếu bức tranh *bên phải – bên trái* lên màn hình hoặc cho HS quan sát SGK và nêu nhận xét:
 - Cửa ra vào ở *bên phải* cô giáo; Bàn GV ở *bên trái* cô giáo.
 - Dãy đèn cao áp ở *bên phải* ô tô đang chạy; *Bên trái* ô tô là dãy nhà cao tầng.
 - Hướng dẫn HS nhận biết làn đường dành cho người khuyết tật trên vỉa hè.

- Cho HS tô màu theo hướng dẫn trong Vở bài tập Toán.
- GV cho HS tìm ví dụ tương tự về quan hệ bên phải – bên trái.

HĐ 4. Nhận biết quan hệ *trước – sau, ở giữa*.

- GV chiếu bức tranh *trước – sau, ở giữa* lên màn hình hoặc cho HS quan sát SGK rồi nêu nhận xét: Phía trước ba bạn đứng xếp hàng mua kem là chú bán kem; Bạn Hùng đứng *trước* em Hoa đang cầm thú bông; Chị Mai đứng *sau* em Hoa; em Hoa *đứng giữa* bạn Hùng và chị Mai.

Ô tô màu đỏ *ở trước* ô tô màu vàng, ô tô màu tím *ở sau* ô tô màu vàng và ô tô màu vàng *ở giữa* hai ô tô màu đỏ và màu tím.

- Cho HS tô màu theo hướng dẫn trong Vở bài tập Toán.
- GV cho HS tìm ví dụ tương tự về quan hệ trước – sau, ở giữa.



HĐ 5. GV tổng kết nội dung bài học. Cho HS lấy ví dụ về các vị trí tương đối giữa các đồ vật mà các em vừa học.

2. Nhận biết các hình

MỤC TIÊU

- Bước đầu nhận dạng được biểu tượng của 6 hình cơ bản: hình vuông, hình chữ nhật, hình tam giác, hình tròn, khối hộp chữ nhật và khối lập phương.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1.
- Hình ảnh các bức tranh trong SGK.
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động: Cả lớp hát bài *Ông trăng tròn* (Ông trăng tròn, tròn như cái mâm con...).



HĐ 2. Nhận biết biểu tượng *hình vuông*

- GV chiếu phần hình vuông lên màn hình hoặc cho HS quan sát SGK và nêu nhận xét: Hình thứ nhất và hình thứ hai trong tranh là các *hình vuông*; viên gạch lát nền có dạng hình vuông, khung ảnh cũng có dạng hình vuông.
- Cho HS tô màu theo hướng dẫn trong Vở bài tập Toán.
- GV cho HS tìm thêm những vật có dạng hình vuông.

HĐ 3. Nhận biết biểu tượng *hình chữ nhật*

- GV chiếu phần hình chữ nhật lên màn hình hoặc cho HS quan sát SGK và nêu nhận xét: Hình thứ nhất và hình thứ hai trong tranh là các *hình chữ nhật*, cuốn SGK Toán 1 có dạng hình chữ nhật, bảng con có dạng hình chữ nhật, cửa đi cũng có dạng hình chữ nhật.
- Cho HS tô màu theo hướng dẫn trong Vở bài tập Toán.
- GV cho HS tìm thêm những vật có dạng hình chữ nhật.

HĐ 4. Nhận biết biểu tượng *hình tam giác*

GV chiếu phần hình tam giác lên màn hình hoặc cho HS quan sát SGK và nêu nhận xét: Hình thứ nhất và hình thứ hai trong tranh là các *hình tam giác*. Lá cờ có dạng hình tam giác, ê ke có dạng hình tam giác, miếng bánh cũng có dạng hình tam giác.

- GV cho HS tìm thêm những vật có dạng hình tam giác.

HĐ 5. Nhận biết biểu tượng *hình tròn*

- GV chiếu phần hình tròn lên màn hình hoặc cho HS quan sát SGK và nêu nhận xét: Hình thứ nhất trong tranh là *hình tròn*. Mặt đồng hồ có dạng hình tròn, biển báo giao thông có dạng hình tròn và cái đĩa cũng có dạng hình tròn.
- Cho HS tô màu theo hướng dẫn trong Vở bài tập Toán.
- GV cho HS tìm thêm những vật có dạng hình tròn.

HĐ 6. Nhận biết biểu tượng *khối hộp chữ nhật*

- GV chiếu phần khối hộp chữ nhật lên màn hình hoặc cho HS quan sát SGK và nêu nhận xét: Hình thứ nhất trong tranh là *khối hộp chữ nhật*. Hộp để đồ y tế có dạng khối hộp chữ nhật và viên gạch cũng có dạng khối hộp chữ nhật.
- Cho HS tô màu theo hướng dẫn trong Vở bài tập Toán.
- GV cho HS về nhà tìm thêm những đồ vật có dạng khối hộp chữ nhật.

HĐ 7. Nhận biết biểu tượng *khối lập phương*

- GV chiếu phần khối lập phương lên màn hình hoặc cho HS quan sát SGK và cho HS nêu nhận xét: Hình thứ nhất trong tranh là *khối lập phương*. Ru-bic có dạng khối lập phương và hộp quà cũng có dạng khối lập phương.
- GV yêu cầu HS về nhà tìm thêm những đồ vật có dạng khối lập phương.
- Cho HS tô màu theo hướng dẫn trong Vở bài tập Toán.

HĐ 8. GV tổng kết nội dung bài học.

3. Luyện tập

MỤC TIÊU

- Nhận biết được hình vuông, hình chữ nhật, hình tam giác, hình tròn, khối hộp chữ nhật và khối lập phương. Nhận biết được hình dạng của một số đồ vật trong đời sống.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1.
- Trang trình chiếu BT 1, 2, 3.
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động: Trò chơi “Truyền điện”:

- HS quan sát trong lớp những vật có dạng hình chữ nhật.
- Một HS nêu một vật trong lớp có dạng hình chữ nhật rồi chỉ định bạn thứ hai nêu tiếp, bạn thứ hai lại chỉ định bạn thứ ba nêu tiếp,…



HĐ 2. Nhận dạng các hình hình học

Bài 1. GV chiếu bài 1 lên màn hình hoặc cho HS quan sát SGK và nêu yêu cầu của bài. HS làm miệng và HS khác nhận xét. GV biểu dương HS có câu trả lời đúng.

Bài 2. GV chiếu bài 2 lên màn hình hoặc cho HS quan sát SGK và nêu yêu cầu của bài. HS làm bài. GV biểu dương HS làm đúng. Cả lớp làm bài vào Vở bài tập Toán.

Bài 3. GV chiếu bài 3 lên màn hình hoặc cho HS quan sát SGK và nêu yêu cầu của bài. GV lần lượt cho HS nêu mỗi đồ vật cùng dạng với hình gì, HS nhận xét.



HĐ 3. Củng cố: Cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh hơn”:

- Kể tên 3 đồ vật có dạng hình vuông;
- Kể tên 3 đồ vật có dạng hình tròn;
- Kể tên 3 đồ vật có dạng hình tam giác.

4. Các số 1, 2, 3

MỤC TIÊU

- Nhận dạng, đọc, viết được các số 1, 2, 3.
- Đếm được các số từ 1 đến 3 và từ 3 đến 1.
- Bước đầu vận dụng được các số 1, 2, 3 vào cuộc sống.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1.
- Máy chiếu hoặc tranh vẽ phóng to nội dung bài học trong SGK.

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

GV có thể tổ chức cho cả lớp múa hát tập thể bài *Một con vịt* – Kim Duyên (*Một con vịt xoè ra hai cái cánh...*) hay bài *Cùng đi đều* – Hoàng Kim Định (*Một, hai, ba ta bước đi cho đều...*).



HĐ 2. Hình thành biểu tượng các số 1, 2, 3

Chẳng hạn, GV hình thành biểu tượng số 1 cho HS thực hiện như sau:

– *Bước 1:* Hướng dẫn HS quan sát các nhóm chỉ có một đồ vật ở bức tranh trong SGK và nêu: có *một* cái ba lô, có *một* cái thước kẻ, có *một* cái hộp bút, có *một* chấm tròn, có *một* khối lập phương.

Yêu cầu HS nhìn SGK hoặc hướng lên bảng lớp quan sát tranh đã được phóng to (sử dụng máy chiếu đa năng).

GV chỉ vào từng đồ vật vẽ ở bức tranh và đọc: “một cái ba lô, một cái thước kẻ, một cái hộp bút, một chấm tròn, một khối lập phương”. Ta viết 1, đọc là “một” (viết lên bảng lớp).

– *Bước 2:* GV hướng dẫn HS quan sát số 1 in, số 1 viết thường và yêu cầu HS chỉ vào từng số và đều đọc là “một”.

Hình thành biểu tượng số 2, số 3 làm tương tự đối với số 1.

HĐ 3. Đếm từ 1 đến 3 và đếm từ 3 đến 1

– Yêu cầu HS nhìn SGK hoặc hướng lên bảng lớp quan sát tranh vẽ các khối lập phương như trong SGK đã được phóng to (sử dụng máy chiếu vật thể).

– GV chỉ vào hình vẽ các cột khối lập phương để đếm từ 1 đến 3 (một, hai, ba) rồi đếm từ 3 đến 1 (ba, hai, một). Sau đó cho HS nhắc lại như vậy với hình vẽ trong SGK.



HĐ 4. Thực hành – luyện tập

Bài 1. Thực hành tập viết số. GV hướng dẫn HS viết theo mẫu lần lượt số 1, số 2, số 3. Cả lớp viết vào Vở bài tập Toán.

Bài 2. GV hướng dẫn HS nêu yêu cầu của BT (nhìn tranh, tìm số thích hợp thay cho dấu ? theo mẫu) rồi làm bài và chừa bài, GV nhận xét. Cần tập cho HS nhận ra ngay số lượng đối tượng trong mỗi tranh vẽ.

Bài 3. Tập cho HS biết đếm theo thứ tự 1, 2, 3 và đếm ngược lại 3, 2, 1 để từ đó tìm số thay cho dấu ? phù hợp với thứ tự 1, 2, 3 và ngược lại 3, 2, 1.



HĐ 5. Vận dụng

Bài 4. Dạng BT này thường được sử dụng trong các bài học về các số trong phạm vi 10, vì vậy trước hết cần hướng dẫn HS nắm được yêu cầu của bài và cách làm bài. Chẳng hạn, GV tập cho HS biết quan sát bức tranh tổng thể để tìm ra được số lượng (1, 2, 3) những đối tượng cùng loại theo yêu cầu của bài (khối ru-bic, quả bóng, ô tô) thay cho dấu ?.



HĐ 6. Củng cố

GV cho HS nhắc lại các số 1, 2, 3 đã học và yêu cầu HS tìm những đồ vật ở lớp (bảng lớp, cửa ra vào, cửa sổ, khẩu hiệu,...), dụng cụ cá nhân (cặp sách, bút, vở,...) có số lượng tương ứng là 1, 2, 3 (có thể trả lời bằng miệng).

5. Luyện tập

MỤC TIÊU

- Đọc, viết được các số 1, 2, 3.
- Đếm thành thạo các số từ 1 đến 3 và từ 3 đến 1.
- Vận dụng được các số 1, 2, 3 vào cuộc sống.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bộ ĐDHT cá nhân.
- Các tấm bìa có hình con vật, hoa, quả,... và bìa ghi các số 1, 2, 3.
- Máy chiếu hoặc bảng phụ phóng to nội dung bài học trong SGK.

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

GV có thể tổ chức hoạt động trò chơi “*Kết bạn/kết hai, kết ba*” một cách sinh động, linh hoạt tùy thuộc tình hình của lớp. HS tự chọn bạn để kết thành các nhóm đôi, nhóm ba.



HĐ 2. Luyện tập, củng cố kiến thức về các số 1, 2, 3 đã học

Bài 1. GV tập cho HS đọc thầm nội dung BT 1 rồi nêu yêu cầu của BT này (nhận biết số lượng rồi tìm số thích hợp thay cho dấu ?). Đây là tiết 5 (tuần 2 của năm học) nên GV cần hướng dẫn rất cụ thể, từng bước để HS hiểu được yêu cầu của BT này.

- Có thể cho HS làm việc cá nhân, sau đó từng cặp đôi HS kiểm tra kết quả của nhau. Có thể hướng dẫn HS đọc kết quả theo hàng, chẳng hạn hàng trên cùng đọc là: có ba chấm tròn, số 3 thích hợp; có một cái thia, số 1 thích hợp; có hai khối lập phương, số 2 thích hợp (hoặc chỉ cần đọc ba, một, hai).
- Dùng máy chiếu vật thể (nếu có) hoặc bảng phụ để chữa bài.

Bài 2. Hướng dẫn HS viết số 1, 2, 3 theo thứ tự trong Vở bài tập Toán. GV uốn nắn những trường hợp viết sai, chưa chuẩn.

Bài 3. Tương tự BT 1 nhưng nhắc HS thay lệnh “Tìm số thích hợp thay vào dấu ?” bằng lệnh “Chọn số thích hợp” theo mẫu.

Có thể yêu cầu HS đọc các số 1, 2, 3 hoặc 3, 2, 1 ở dưới mỗi hình trước khi chọn số thích hợp.

Bài 4. Bài này hướng dẫn tương tự BT 1 nhưng đối tượng là các hình tam giác, khối lập phương, hình chữ nhật, khối hộp chữ nhật. GV có thể kiểm tra bằng cách cho HS trả lời miệng sau khi đã làm xong.



HĐ 3. Vận dụng

Bài 5. GV hướng dẫn HS biết quan sát bức tranh tổng thể để tìm ra được số lượng (1, 2, 3) những đối tượng cùng loại theo yêu cầu của bài toán (bánh xe đạp, người và bông hoa) và tìm được số thích hợp thay cho dấu ?.

- Dùng máy chiếu vật thể (nếu có) hoặc bảng phụ để chữa bài.



HĐ 4. Củng cố: Trò chơi nhận biết số lượng.

GV giơ tờ bìa có vẽ một (hoặc hai, ba) đối tượng nào đó (con mèo, quả na,...), HS thi nhau giơ các tờ bìa có số tương ứng (1 hoặc 2, 3).

6. So sánh các số trong phạm vi 3

MỤC TIÊU

- Nhận biết được nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau và các dấu $<$, $>$, $=$.
- So sánh được các số trong phạm vi 3.
- Vận dụng được việc so sánh các số trong phạm vi 3 vào cuộc sống.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1.
- Các tấm bìa ghi từng số 1, 2, 3 và các tấm bìa ghi từng dấu $<$, $>$, $=$.
- Máy chiếu phóng to nội dung bài học trong SGK.

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

Yêu cầu HS tự tìm những đồ vật quen thuộc trong cuộc sống mà em quan sát được có số lượng tương ứng là 1, 2, 3 (có thể trả lời bằng miệng).



HĐ 2. Hình thành kiến thức mới

♦ Nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau

1. So sánh số lượng cốc và thia

- GV cho HS quan sát tranh ở phần bên trái (có thể tách riêng phần tranh, dùng bảng phụ hoặc máy chiếu) và hỏi cả lớp: “Nếu bỏ mỗi thia vào 1 cốc, còn cốc nào không có thia?” (cho HS trả lời và chỉ vào cốc chưa có thia).
- GV nêu: Khi đặt vào mỗi cái cốc một cái thia thì vẫn còn cốc chưa có thia. Ta nói “số cốc nhiều hơn số thia” (gọi một vài HS nhắc lại “số cốc nhiều hơn số thia”).
- GV nêu: Khi đặt vào mỗi cái cốc một cái thia thì không còn thia để đặt vào cốc còn lại. Ta nói “số thia ít hơn số cốc” (gọi một vài HS nhắc lại “số thia ít hơn số cốc”).
- Gọi một vài HS nhắc lại: “số cốc nhiều hơn số thia”, “số thia ít hơn số cốc”.

2. So sánh số lượng ca và bàn chải

Cho HS quan sát tranh ở phần bên phải (có thể tách riêng phần tranh này, dùng bảng phụ hoặc máy chiếu) và cách làm tương tự cách so sánh số lượng cốc và thia. Ở đây số ca vừa vặn với số bàn chải. Ta nói “số ca bằng số bàn chải”.

Chú ý: Ở đây thực chất là lập tương ứng một – một giữa hai nhóm đối tượng. Nhóm đối tượng nào còn thừa ra thì nhóm đối tượng đó nhiều hơn nhóm đối tượng kia, và như vậy nhóm đối tượng không còn phần tử nào để lập tương ứng một – một sẽ là nhóm đối tượng ít hơn. Nếu không thừa ra ở cả hai nhóm đối tượng thì hai nhóm đối tượng có số lượng bằng nhau.

◆ So sánh các số trong phạm vi 3

a) GV hướng dẫn HS quan sát tranh ở phần bên trái (có thể tách riêng phần tranh này) để nhận biết số lượng của từng nhóm trong hai nhóm đồ vật rồi so sánh các số chỉ số lượng đó. Chẳng hạn, hướng dẫn HS trả lời từng câu hỏi:

Câu hỏi: “Trong tranh có mấy cái cốc?” (có 3 cái cốc); “Trong tranh có mấy cái đĩa (tách)?” (có 2 cái đĩa).

Câu hỏi: “Cốc và đĩa, loại nào ít hơn?” (đĩa ít hơn, 2 cái đĩa ít hơn 3 cái cốc).

Cho một vài HS nhìn tranh và nhắc lại “2 cái đĩa ít hơn 3 cái cốc”.

– GV giới thiệu “2 cái đĩa ít hơn 3 cái cốc”, ta nói: “2 bé hơn 3” và viết là $2 < 3$ (viết lên bảng $2 < 3$ và giới thiệu dấu $<$ đọc là “bé hơn”). Sau đó GV chỉ vào $2 < 3$ và gọi lần lượt HS đọc “hai bé hơn ba”.

Câu hỏi gợi ý tiếp: “3 cái cốc có nhiều hơn 2 cái đĩa không?” (3 cái cốc nhiều hơn 2 cái đĩa). Cho một vài HS nhìn tranh và nhắc lại “3 cái cốc nhiều hơn 2 cái đĩa”.

– GV giới thiệu “3 cái cốc nhiều hơn 2 cái đĩa”, ta nói: “3 lớn hơn 2” và viết là $3 > 2$ (viết lên bảng $3 > 2$ và giới thiệu dấu $>$ đọc là “lớn hơn”). Sau đó GV chỉ vào $3 > 2$ và gọi lần lượt vài HS đọc “ba lớn hơn hai”.

Chú ý: Hướng dẫn HS nhận xét sự khác nhau giữa dấu $<$ và dấu $>$ (tên gọi, cách sử dụng) và lưu ý khi đặt dấu $<$, $>$ giữa hai số thì bao giờ *chiều nhọn cũng chỉ vào số bé hơn*.

b) GV hướng dẫn HS quan sát tranh có xe máy và ô tô (có thể tách riêng phần tranh này) để nhận biết số lượng của từng nhóm trong hai nhóm đồ vật (xe máy, ô tô) rồi so sánh các số chỉ số lượng đó. Cách làm tương tự ở trên, từ đó ta có $2 = 2$ để giới thiệu dấu $=$ và đọc là “hai bằng hai”.



HĐ 3. Thực hành – luyện tập

Bài 1. Thực hành viết các dấu $<$, $>$, $=$. GV hướng dẫn HS viết theo mẫu lần lượt dấu $<$, dấu $>$, dấu $=$. Cả lớp tập viết vào Vở bài tập Toán.

Bài 2. GV hướng dẫn HS nêu yêu cầu của BT: So sánh hai số rồi chọn dấu ($<$, $>$, $=$) thích hợp thay cho dấu $?$; HS làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán, GV cho HS đổi vở kiểm tra chéo kết quả của nhau và GV dùng máy chiếu hoặc bảng phụ chữa bài.

Bài 3. GV chiếu BT lên màn hình hoặc cho HS nhìn vào SGK (hay Vở bài tập Toán) thảo luận nhóm và lần lượt làm theo yêu cầu: Chọn số thích hợp thay cho dấu $?$.

– Đây là dạng BT mới về so sánh số mà HS bắt đầu làm quen, vì vậy GV cần hỗ trợ giải thích yêu cầu của bài sau khi đã dành một vài phút để HS tìm hiểu bài.

Chẳng hạn, GV gợi ý: trong các số 1, 2, 3 chỉ có số 3 thỏa mãn $2 < 3$. Vậy chọn được số 3 thay cho dấu ? ở $2 < ?$.



HĐ 4. Vận dụng

Bài 4. Bài này chỉ yêu cầu so sánh (nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau) giữa hai nhóm đối tượng. Ở phần tranh bên trái là so sánh số con gà và số con vịt; Ở phần tranh bên phải là so sánh số con thỏ và số con rùa. Có thể cho HS thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời. Cuối cùng GV xác nhận kết quả đúng.



HĐ 5. Củng cố

GV chốt lại nội dung bài học, cách sử dụng các dấu $<$, $>$, $=$.

7. Các số 4, 5, 6

MỤC TIÊU

- Nhận dạng, đọc và viết được các số 4, 5, 6.
- Sử dụng được các số 4, 5, 6 vào cuộc sống.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1.
- Hình ảnh các bức tranh trong phần bài mới; bức tranh BT 4 trong SGK.
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động: Trò chơi “Truyền điện”.

- Kể tên các đôi tượng gắn với số 1, chẳng hạn: trong lớp có 1 cô (thầy) giáo. GV gọi một HS trả lời rồi chỉ định bạn tiếp theo.
- Tương tự với các số 2, 3.



HĐ 2. Hình thành biểu tượng các số 4, 5, 6.

- GV chiếu hình thứ nhất trong SGK lên màn hình, lần lượt chỉ vào từng nhóm trong tranh và cho HS nêu: bốn con chim, bốn con cá, bốn con rùa, bốn chấm tròn và bốn khói lập phương.
- GV: Ta viết số 4 và đọc là *bốn* (cho HS phân biệt số 4 viết in và viết thường). Có thể cho HS quan sát trong SGK và lần lượt nêu như trên.
Tương tự với các số 5, 6.



HĐ 3. Thực hành – luyện tập

Bài 1. Thực hành viết số. GV hướng dẫn HS viết theo mẫu lần lượt số 4, số 5, số 6 vào Vở bài tập Toán, sau đó nhận xét và chũa bài cho HS.

Bài 2. GV cho HS nhận xét yêu cầu của bài, sau đó thảo luận nhóm đôi rồi làm bài vào Vở bài tập Toán.

– GV chọn một số bài làm của HS chiếu lên bảng hoặc dán lên bảng, cho HS nhận xét bài của bạn và chũa những bài sai. HS đổi vở kiểm tra chéo.

Bài 3. GV cho HS nhận xét yêu cầu của bài, sau đó HS làm bài vào vở bài tập Toán.

– GV chọn một số bài của HS chiếu lên bảng rồi cho HS nhận xét bài của bạn hoặc chọn một số bài của HS, nhận xét và chũa.



HĐ 4. Vận dụng

Bài 4. GV chiếu hình ảnh của bài 4 lên màn hình, giải thích “mẫu” để HS hiểu yêu cầu của bài toán.

– Thảo luận nhóm 4 rồi làm bài.

– GV cho đại diện một số nhóm báo cáo kết quả rồi cho HS nhận xét bài của bạn và chũa những chỗ sai.



HĐ 5. Củng cố

Có thể cho HS củng cố bài bằng một trò chơi: Kể tên một vài đối tượng gắn với số 4 (chẳng hạn: con thỏ có 4 chân). GV gọi một HS trả lời rồi chỉ định bạn tiếp theo.

8. Đếm đến 6

MỤC TIÊU

- Đếm được các số từ 1 đến 6 và từ 6 đến 1.
- Nhận biết được thứ tự từ thứ nhất đến thứ sáu.
- Nhận biết được các hình.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1.
- Hình ảnh các bức tranh trong phần bài mới và bức tranh BT 3, 4 trong SGK.
- Máy chiếu hoặc máy chiếu vật thể (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động: Trò chơi “Truyền điện”.

Kể tên vài đối tượng gắn với số 5 (chẳng hạn: mỗi bàn tay có 5 ngón tay): GV gọi một HS trả lời rồi chỉ định bạn tiếp theo.



HĐ 2. Hình thành kiến thức mới: Đếm từ 1 đến 6 và từ 6 đến 1.

- GV chiếu bức tranh trong SGK hoặc cho HS nhìn vào SGK đọc lần lượt các số ghi ở dưới chân mỗi cột các khối lập phương.
- Gọi HS đếm lần lượt để củng cố kỹ năng đếm từ 1 đến 6 và từ 6 đến 1.



HĐ 3. Thực hành – luyện tập

Bài 1. Cho HS nêu yêu cầu của bài toán. Cho HS làm bài vào Vở bài tập Toán, GV chữa (dùng máy chiếu nếu có thể). HS đổi vở kiểm tra chéo.

Bài 2. GV giải thích “Hình thứ nhất, hình thứ tư” cho HS hiểu.

- HS thảo luận nhóm đôi và làm bài miệng.

Bài 3. GV chiếu hình ảnh của bài 3 lên màn hình hoặc cho HS nhìn vào SGK để nêu yêu cầu của bài toán.

- Cho HS thảo luận nhóm đôi rồi làm bài vào Vở bài tập Toán.
- GV cho đại diện một số nhóm báo cáo kết quả rồi cho HS nhận xét bài của bạn và sửa chữa chỗ sai. HS đổi vở kiểm tra chéo.

Bài 4. GV chiếu hình ảnh của bài 4 lên màn hình hoặc cho HS nhìn vào SGK nêu yêu cầu của bài.

- Một số HS làm miệng.



HĐ 4. Củng cố (có thể bằng trò chơi “Ai nhanh, ai đúng”): Cho HS đếm từ 1 đến 4, đến 5, đến 6 và ngược lại.

9. So sánh các số trong phạm vi 6

MỤC TIÊU

- So sánh được các số trong phạm vi 6.
- So sánh được số lượng của các nhóm đồ vật trong cuộc sống.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1.
- Bảng phụ có nội dung BT 1, bộ ĐDHT.
- Hình ảnh các bức tranh trong phần bài mới và HĐ củng cố cuối bài.
- Máy chiếu hoặc máy chiếu vật thể (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

GV thành lập hai nhóm chơi trò chơi “*Tiếp súc*” về so sánh các số trong phạm vi 3, chẳng hạn: nhóm thứ nhất làm hai cột đầu, nhóm thứ hai làm hai cột sau bài 2, tiết 6. Từ đó dẫn HS vào bài mới.



HĐ 2. Hình thành kiến thức mới: So sánh các số trong phạm vi 6.

- GV chiếu bức tranh trong SGK hoặc cho HS nhìn vào SGK đọc lần lượt số lượng khối lập phương trong mỗi cột rồi nêu: $3 < 4$, $4 > 3$; $4 < 6$, $6 > 4$;...
- GV gọi một vài HS khác nhau để cung cấp.



HĐ 3. Thực hành – luyện tập

Bài 1. HS nêu yêu cầu của bài. Chia lớp làm ba nhóm: mỗi nhóm làm 1 cột trên bảng phụ. Đại diện các nhóm trình bày và chữa bài.

Bài 2. HS nêu yêu cầu của bài.

- HS làm bài vào Vở bài tập Toán. GV chọn một số bài làm của HS để chữa. Sau đó đổi vở kiểm tra chéo.

Bài 3. GV chiếu hình ảnh của bài 3 lên màn hình hoặc cho HS nhìn vào SGK rồi nêu yêu cầu của bài.

- Đây là lần đầu tiên xuất hiện dạng bài tìm số lớn nhất, số bé nhất trong ba số. GV giới thiệu khái niệm số lớn nhất, số bé nhất trong ba số (theo nội dung trong bóng nói).
- HS thảo luận nhóm đôi rồi làm bài.
- GV cho đại diện một số nhóm báo cáo kết quả rồi cho HS nhận xét bài của bạn và chữa bài vào Vở bài tập Toán.

Bài 4. a) Cho HS đếm số cá trong mỗi bể rồi so sánh các số đếm được để chọn ra bể có nhiều cá nhất (bể B có nhiều cá nhất).

b) Tương tự câu a.



HĐ 4. Củng cố

GV có thể cho HS củng cố bài bằng trò chơi “*Rung chuông vàng*”: Một câu về so sánh số, một câu về điền số vào ô trống và một câu về tìm số nhỏ nhất, chẳng hạn:

Chọn đáp án đúng:

Câu 1. Cho 4 \square 6. Đáu thích hợp điền vào ô trống là:

- A. > B. < C. =

Câu 2. Cho ba số: 4, 1, 6. Số nhỏ nhất là:

- A. 1 B. 4 C. 6

Câu 3. Cho: $3 < \square < 6$. Số thích hợp điền vào ô trống là:

- A. 4 B. 5 C. Cả hai số 4 và 5.

10. Các số 7, 8, 9

MỤC TIÊU

- Nhận dạng, đọc và viết được các số 7, 8, 9.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1.
- Hình ảnh các bức tranh trong phần bài mới và bức tranh BT 4 trong SGK.
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động: Trò chơi “Truyền điện”.

- Kể tên một vài đồ vật gắn với số 5 (chẳng hạn: ngôi sao có 5 cánh). GV gọi một HS trả lời rồi chỉ định bạn tiếp theo.
- Tương tự với số 6.



HĐ 2. Hình thành biểu tượng các số 7, 8, 9

- GV chiếu hình thứ nhất trong SGK lên màn hình, lần lượt chỉ vào từng nhóm đồ vật trong tranh và cho HS nêu: bảy cái kèn, bảy con búp bê, bảy cái máy bay, bảy chấm tròn và bảy khói lập phương.
- GV: Ta viết số 7 và đọc là *bảy* (cho HS phân biệt số 7 viết in và viết thường).

Có thể cho HS quan sát trong SGK và lần lượt nêu như trên (nếu không có máy chiếu).

Tương tự với các số 8, 9.



HĐ 3. Thực hành – luyện tập

Bài 1. Thực hành viết số. GV hướng dẫn HS viết theo mẫu lần lượt số 7, số 8, số 9 (vào Vở bài tập Toán), sau đó GV uốn nắn và chũa cho HS.

Bài 2. GV cho HS nêu yêu cầu của bài. HS thảo luận nhóm đôi rồi làm bài vào Vở bài tập Toán.

- GV chọn một số bài của HS cho các bạn nhận xét và chũa bài.

Bài 3. GV cho HS nêu yêu cầu của bài.

- Từng cá nhân làm bài vào Vở bài tập Toán.

- GV chọn một số bài của HS chiếu lên bảng rồi cho HS nhận xét bài của bạn và chũa hoặc chọn một số bài, nhận xét và chũa chõ sai.

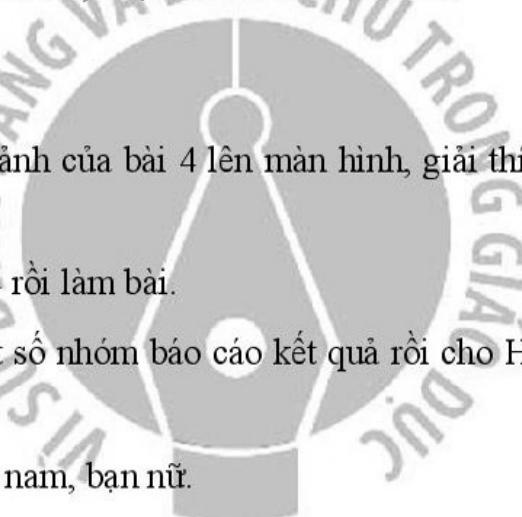


HĐ 4. Vận dụng

Bài 4. GV chiếu hình ảnh của bài 4 lên màn hình, giải thích “mẫu” để HS hiểu yêu cầu của bài.

- HS thảo luận nhóm 4 rồi làm bài.
- GV cho đại diện một số nhóm báo cáo kết quả rồi cho HS nhận xét bài của bạn và chũa chõ sai.

Chú ý: Phân biệt bạn nam, bạn nữ.



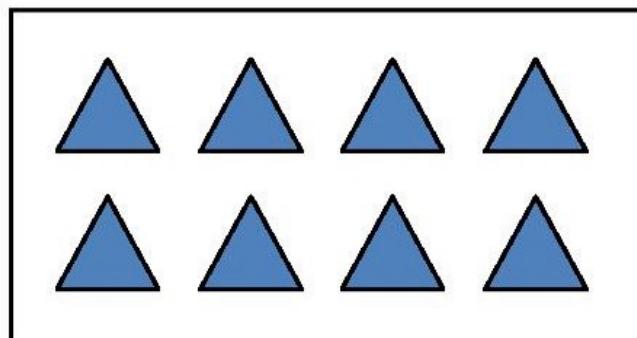
HĐ 5. Cứng cỗ

Có thể cho HS chơi trò chơi để cứng cỗ cách nhận dạng, đọc các số 7, 8, 9, chẳng hạn:

Chọn đáp án đúng:

Hình bên có:

- 7 hình tam giác
- 8 hình tam giác
- 9 hình tam giác



11. Đếm đến 9

MỤC TIÊU

- Đếm được các số từ 1 đến 9 và từ 9 đến 1.
- Nhận biết được thứ tự từ thứ nhất đến thứ chín.
- Vận dụng được phép đếm đến 9 vào cuộc sống.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1.
- Hình ảnh các bức tranh trong phần bài mới và bức tranh BT 3, 4 trong SGK.
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

GV có thể cho HS chơi trò “Truyền điện” về phép đếm đến 6 (xuôi và ngược).



HĐ 2. Hình thành kiến thức mới: Đếm từ 1 đến 9 và từ 9 đến 1.

- GV chiếu bức tranh trong SGK hoặc cho HS nhìn vào SGK đọc lần lượt các số ghi ở dưới chân mỗi cột khối lập phương.
- GV cho HS đếm lần lượt để củng cố kỹ năng đếm từ 1 đến 9 và ngược lại.



HĐ 3. Thực hành – luyện tập

Bài 1. HS nêu yêu cầu của bài và làm bài vào Vở bài tập Toán. GV chữa (dùng máy chiếu nếu có thể). HS đổi vở kiểm tra chéo.

Bài 2. GV giải thích “*hình thứ nhất, hình thứ tư*” cho HS hiểu về thứ tự.

- HS làm bài vào Vở bài tập Toán. GV chọn một số bài làm của HS để chữa.
- GV lần lượt chỉ vào các hình trong dãy cho HS trả lời thứ tự của hình đó.

Bài 3. GV chiếu hình ảnh của bài 3 lên màn hình hoặc cho HS nhìn vào SGK, nêu yêu cầu của bài.

- Sau đó thảo luận nhóm đôi rồi làm bài vào Vở bài tập Toán.
- GV cho đại diện một số nhóm báo cáo kết quả rồi cho HS nhận xét bài của bạn. HS đổi vở kiểm tra chéo nhau.



HĐ 4. Vận dụng

Bài 4. GV chiếu hình ảnh của bài 4 lên màn hình hoặc cho HS nhìn vào SGK nêu yêu cầu của bài.

- HS thảo luận theo nhóm 4 rồi làm bài vào Vở bài tập Toán.
- GV gọi đại diện một số nhóm báo cáo kết quả.
- GV cho HS nhận xét kết quả.



HĐ 5. Cứng cỏi bài (có thể bằng trò chơi “Ai nhanh, ai đúng”): Cho HS đếm từ 1 đến 7, đến 8, đến 9 và ngược lại.

Ở bài 2 GV có thể hỏi thêm HS: Hình ngôi sao là hình thứ mấy?

12. Luyện tập

MỤC TIÊU

- Đếm thành thạo các số từ 1 đến 9 và từ 9 đến 1.
- Thực hiện được việc lắp ghép hình.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bộ ĐDHT.
- Hình ảnh các bức tranh BT 1, 3, 4 trong SGK.
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động: Trò chơi “Truyền điện”.

- Một HS giơ 1 ngón tay, đếm 1; rồi chỉ bạn tiếp theo giơ 2 ngón tay, đếm 2;... cho đến 9. Tiếp đó một HS giơ 9 ngón tay, đếm 9; rồi chỉ bạn tiếp theo giơ 8 ngón tay, đếm 8;... cho đến 1.
- Tương tự với các số 7 và 8.



HĐ 2. Luyện tập kỹ năng đếm trong phạm vi 9.

Bài 1. GV chiếu hình BT 1 hoặc cho HS quan sát SGK rồi nêu yêu cầu của bài.

- HS lần lượt nêu số nào chỉ số ngón tay giơ lên.
- Các bạn nhận xét rồi chừa bài.

Bài 2. HS nêu yêu cầu của bài. Cho HS thảo luận nhóm đôi rồi làm bài vào Vở bài tập Toán. GV chừa (dùng máy chiếu vật thể nếu có thể). HS đổi vở kiểm tra chéo.

Bài 3. GV chiếu hình BT 3 hoặc cho HS quan sát SGK để HS nêu yêu cầu của bài.

- HS làm bài vào Vở bài tập Toán.

GV chiếu bài làm của một số HS hoặc lần lượt cho một số HS trình bày bài làm (cách đếm số hình lập phương) và cho HS nhận xét, chừa bài.

Bài 4. GV chiếu BT 4 lên màn hình hoặc cho HS quan sát SGK. HS nêu yêu cầu của bài.

- GV giải thích mẫu: Đếm số hình tròn đã tô màu (hình mẫu có 4 hình tròn đã tô màu vàng nên chọn số 4 thay cho dấu ?).
- HS thảo luận theo nhóm đôi và làm bài vào Vở bài tập Toán.
- Đại diện một số nhóm báo cáo kết quả. Các bạn nhận xét và chừa bài.



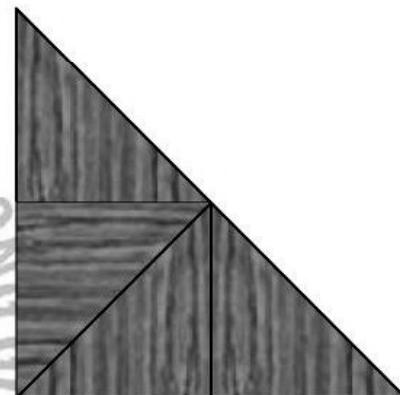
HĐ 3. Vận dụng

Bài 5. HS nêu yêu cầu của bài.

- HS thảo luận nhóm 4 và thực hiện thao tác lắp ghép trên bộ ĐDHT.

– Đại diện nhóm báo cáo cách ghép, HS nhận xét.

Đáp án: (hình bên là một cách ghép).



HĐ 4. Củng cố bài học bằng trò chơi về phép đếm trong phạm vi 9.

13. So sánh các số trong phạm vi 9

MỤC TIÊU

- So sánh được các số trong phạm vi 9.
- Vận dụng được việc so sánh các số trong phạm vi 9 vào cuộc sống.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bảng phụ có nội dung BT 1.
- Hình ảnh các bức tranh trong phần bài mới, BT 3.
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

GV thành lập ba nhóm chơi trò chơi “Tiếp sức”: Mỗi nhóm làm 1 cột bài 1, tiết 9. Từ đó dẫn HS vào bài mới.



HĐ 2. Hình thành kiến thức mới: So sánh các số trong phạm vi 9.

- GV chiếu bức tranh trong SGK hoặc cho HS nhìn vào SGK đọc lần lượt số lượng khói lập phương trong mỗi cột rồi lần lượt nêu: $6 < 7, 7 > 6; 7 < 9, 9 > 7; \dots$
- GV gọi một vài HS nêu lần lượt các bất đẳng thức để củng cố.



HĐ 3. Thực hành – luyện tập

Bài 1. HS nêu yêu cầu của bài. Chia HS làm ba nhóm: mỗi nhóm làm 1 cột trên bảng phụ. GV cho đại diện một số nhóm trình bày và chừa. HS chừa bài vào Vở bài tập Toán.

Bài 2. HS nêu yêu cầu của bài.

- HS lần lượt nêu mỗi dấu ? có thể thay bởi những số nào, các bạn khác nhận xét. HS chép bài vào Vở bài tập Toán.

Bài 3. GV chiếu hình ảnh của bài 3 lên màn hình hoặc cho HS nhìn vào SGK, nêu yêu cầu của bài.

- HS thảo luận nhóm đôi rồi làm bài.
- GV cho đại diện một số nhóm báo cáo kết quả rồi cho HS nhận xét bài của bạn.

Bài 4. HS đọc đề và nêu yêu cầu bài 4.

- HS làm bài vào Vở bài tập Toán. Yêu cầu HS viết cụ thể các số từ 4 đến 7.
- HS báo cáo kết quả, nhận xét bài của bạn rồi đổi vở kiểm tra chéo.



HĐ 4. Củng cố bài (có thể bằng trò chơi “Rung chuông vàng”): Một câu về so sánh các số, một câu về số thứ tự và một câu về tìm số lớn nhất trong phạm vi 9, chẳng hạn:

Chọn đáp án đúng:

Câu 1. Số lớn hơn 7 và nhỏ hơn 9 là:

- A. 6 B. 8 C. 9

Câu 2. Trong các hình dưới đây:



Kể từ trái sang phải, hình đã tô màu là hình thứ mấy?

- A. năm B. bảy C. tám

Câu 3. Cho ba số: 7, 2, 8. Số lớn nhất là:

- A. 2 B. 8 C. 7

14. Luyện tập

MỤC TIÊU

- Thực hiện thành thạo việc so sánh, sắp xếp thứ tự các số trong phạm vi 9.
- So sánh được số lượng của các nhóm đồ vật trong cuộc sống.
- Vận dụng được phép đếm đến 9 vào cuộc sống.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1.
- Hình ảnh các bức tranh BT 2, 5 trong SGK.
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động: GV treo bảng phụ, chọn ba đội tham gia trò chơi “*Tiếp sức*” để giải BT 1, tiết 13.



HĐ 2. Luyện tập kĩ năng so sánh các số trong phạm vi 9.

Bài 1. HS nêu yêu cầu của bài. Cho HS làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán. GV chũa bài (dùng máy chiếu vật thể nếu có thể). HS đổi vở kiểm tra chéo.

HĐ 3. Luyện tập kĩ năng xác định số lớn nhất, số nhỏ nhất và sắp thứ tự.

Bài 2. GV chiếu bài 2 lên bảng hoặc cho HS quan sát trong SGK rồi nêu yêu cầu của bài.

– HS làm bài vào Vở bài tập Toán.

– GV lần lượt cho HS trình bày các ý nhỏ trong bài (mỗi HS nêu 1 ý).

– Các bạn nhận xét rồi đổi vở kiểm tra chéo.

Bài 3. HS đọc bài 3 nêu yêu cầu của bài. GV có thể hướng dẫn HS: Theo thứ tự tăng dần là từ bé đến lớn và theo thứ tự giảm dần là từ lớn đến bé.

– HS làm bài vào Vở bài tập Toán.

– GV chiếu bài làm của một số HS và cho HS nhận xét, chũa bài.

HĐ 4. Rèn kĩ năng nhận dạng về số thứ tự

Bài 4. HS đọc và nêu yêu cầu của bài.

– HS thảo luận nhóm đôi và làm bài.

– Đại diện một số nhóm báo cáo kết quả. Các bạn nhận xét và chũa bài.



HĐ 5. Vận dụng

Bài 5. GV chiếu hình bài 5 lên màn hình hoặc cho HS quan sát SGK. HS nêu yêu cầu của bài.

- HS thảo luận theo nhóm 4 và làm bài.
- Đại diện một số nhóm báo cáo kết quả, các bạn nhận xét. GV chừa bài.

Lưu ý: Biểu tượng hình người cần đếm là tính chung cả cô giáo và HS.



HĐ 6. Củng cố bài học bằng trò chơi “*Rung chuông vàng*”: 1 bài về so sánh số, 1 bài về sắp xếp số và 1 bài về số lớn nhất, số nhỏ nhất.

15. Số 0

MỤC TIÊU

- Nhận dạng, đọc, viết được số 0.
- So sánh và sắp xếp theo thứ tự được các số trong phạm vi 9.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; que tính trong bộ ĐDHT.
- Hình ảnh phần bài mới, BT 4 và video clip trò chơi “*Rung chuông vàng*” củng cố bài (nếu có thể).
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

GV cho HS cầm một số que tính trong tay (số lượng khác nhau), yêu cầu các em bỏ hết que tính xuống bàn. Hỏi trên tay các em còn mấy que tính? (không còn que nào). Từ đó dẫn vào bài.



HĐ 2. Nhận biết số 0 và so sánh số 0 với các số từ 1 đến 9.

- GV chiếu các bức tranh trong SGK (hoặc cho HS nhìn trong SGK) và hỏi: Lần lượt trong các đĩa thứ nhất, thứ hai, thứ ba có mấy cái bánh và cho HS nhận xét số bánh trong đĩa thứ tư. GV giới thiệu với HS: ta dùng kí hiệu “0” để chỉ số bánh trong đĩa thứ tư và đọc là “*không*”. Cho HS nhắc lại.
- GV cho HS lần lượt đọc hàng số ghi ở chân các cột khôi lập phương.
- GV cho HS so sánh số 0 với các số 1, 2, ..., 9.



HĐ 3. Thực hành – luyện tập

Bài 1. Cho HS tập viết số 0 vào Vở bài tập Toán, GV uốn nắn và chũa cho HS.

Bài 2. GV chia HS thành ba nhóm, mỗi nhóm làm 1 cột, đại diện mỗi nhóm báo cáo kết quả. HS chũa bài vào Vở bài tập Toán.

Bài 3. Cho HS làm bài vào Vở bài tập Toán. Sau đó dùng máy chiếu vật thể chũa bài (nếu có) hoặc gọi HS lên trình bày kết quả, các bạn nhận xét rồi đổi vở kiểm tra chéo.



HĐ 4. Vận dụng

Bài 4. GV chiếu bài 4 lên màn hình hoặc cho HS nhìn vào SGK rồi nêu yêu cầu của bài.

– HS thảo luận nhóm 4 rồi đại diện nhóm chũa lần lượt theo yêu cầu của GV.

– HS chũa bài vào Vở bài tập Toán.



HĐ 5. Củng cố bài bằng trò chơi “Rung chuông vàng” theo các yêu cầu cần đạt (hoặc làm miệng).

16. Số 10

MỤC TIÊU

- Nhận dạng, đọc, viết được số 10.
- So sánh và sắp xếp theo thứ tự được các số trong phạm vi 10.
- Sử dụng được số 10 trong cuộc sống.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1.
- Hình ảnh phần bài mới, BT 3, 4.
- Video clip trò chơi “Rung chuông vàng” củng cố bài (nếu có).
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

Cho HS chơi trò “Truyền điện” về số 0 và số 1. GV nêu: “có số 1 và số 0 ta được một số mới” rồi vào bài.



HĐ 2. Nhận biết số 10 và so sánh các số trong phạm vi 10

- GV chiếu bức tranh thứ nhất trong SGK lên màn hình hoặc cho HS nhìn vào SGK, lần lượt chỉ vào từng nhóm trong tranh và cho HS nêu: mười cái cắp tóc, mười cái mũi, mười ngón tay, mười chấm tròn và mười khói lập phương.
- GV: Ta viết số 10 và đọc là *mười* (cho HS phân biệt số 10 viết in và viết thường).
- Có thể cho HS quan sát trong SGK và lần lượt nêu như trên (nếu không có máy chiếu).
- GV cho HS lần lượt đọc hàng số từ 0 đến 10 và từ 10 đến 0 ghi ở chân các cột hình lập phương.
- GV cho HS so sánh số 10 với các số 1, 2, ..., 9.



HĐ 3. Thực hành – luyện tập

Bài 1. Cho HS tập viết vào Vở bài tập Toán, GV uốn nắn và chữa cho HS.

Bài 2. HS nêu yêu cầu của bài. GV chia HS thành ba nhóm, cho HS làm bài vào Vở bài tập Toán, sau đó đổi vở kiểm tra chéo.

Bài 3. GV chiếu bài 3 hoặc cho HS quan sát SGK rồi nêu yêu cầu của bài. HS lần lượt chọn kết quả các ý a, b theo yêu cầu của bài, các bạn nhận xét rồi làm bài vào Vở bài tập Toán.



HĐ 4. Vận dụng

Bài 4. GV chiếu bài 4 lên màn hình hoặc cho HS nhìn vào SGK nêu yêu cầu của bài, thảo luận nhóm bốn rồi đại diện nhóm chữa lần lượt theo yêu cầu.

- Trả lời lần lượt các ý a, b.



HĐ 5. Củng cố bài bằng trò chơi “*Rung chuông vàng*” theo các yêu cầu cần đạt (hoặc làm miệng).

17. Tách số

MỤC TIÊU

- Tách được các số từ 2 đến 10 thành hai số.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bảng phụ có nội dung BT 3; 10 que tính.
- Hình ảnh các bức tranh phần bài mới, BT 4.
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động: Cho HS chơi trò “*Tách bi*”.

GV: Cô có 5 viên bi. Các con chia số bi này thành hai nhóm xem mỗi nhóm có mấy viên bi? HS thảo luận rồi nêu các khả năng có thể. Từ đó dẫn vào bài.



HĐ 2. Thao tác tách số 3 và số 10 thành hai số.

- GV chiếu các bức tranh trong SGK lên màn hình hoặc cho HS nhìn vào SGK rồi chỉ vào hình trên bên trái cho HS nhận xét: Tất cả có 3 viên bi, nhóm thứ nhất có 1 viên và nhóm thứ hai có 2 viên.
- GV: Ta nói 3 gồm 1 và 2. Tiếp tục chỉ vào hình bên phải, thao tác tương tự và nói: 3 gồm 2 và 1. Có thể cho HS thao tác trên que tính tương tự ảnh trong SGK.
- Tương tự đối với thao tác tách số 10 ở dưới.



HĐ 3. Thực hành – luyện tập

Bài 1. HS nêu yêu cầu của bài. HS thảo luận nhóm đôi rồi làm vào Vở bài tập Toán, sau đó GV sử dụng máy chiếu vật thể (nếu có) hoặc cho HS trình bày cách làm và chữa cho HS. HS đổi vở kiểm tra chéo.

Bài 2. Tổ chức tương tự bài 1 (HS làm vào Vở bài tập Toán).

Bài 3. GV treo bảng phụ cho HS nêu yêu cầu của bài.

a. Tách số 5: GV chọn hai đội A và B, mỗi đội 3 người, mỗi người cầm trên tay 5 que tính. Một bạn đội này giơ 2 que tính thì một bạn đội kia phải chọn số que tính sao cho khi ghép với 2 que của đội bạn thì được 5 que tính. Hai đội thay nhau tiến hành trò chơi.

b. Tách số 10: Tương tự câu a, mỗi bạn trong các đội cầm trên tay 10 que tính.



HĐ 4. Vận dụng

Bài 4. GV chiếu bài 4 lên màn hình hoặc cho HS nhìn vào SGK nêu yêu cầu của bài, giải thích mẫu. HS thảo luận nhóm 4 rồi làm bài vào Vở bài tập Toán bằng cách dùng que tính để tách. Đại diện nhóm chữa lần lượt theo yêu cầu.

– Trả lời lần lượt các ý thứ nhất, thứ hai và thứ ba.



HĐ 5. Củng cố bài bằng trò chơi “*Rung chuông vàng*”: 1 câu dạng bài 1, 1 câu dạng bài 3 và 1 câu dạng bài 4 (hoặc làm miệng).

18. Phép cộng

MỤC TIÊU

- Đọc, viết được phép cộng.
- Bước đầu thực hiện được phép cộng trong phạm vi 3.
- Viết được phép cộng theo tranh vẽ.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; que tính trong bộ ĐDHT.
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

Có thể tổ chức lớp hát tập thể bài hát *Tập đêm* – Hoàng Công Sứ (Một với một là hai. Hai thêm hai là bốn...) hay yêu cầu HS làm BT tách số, chẳng hạn tách 3 (bằng hai cách): 3 gồm 1 và...; 3 gồm... và 1; tách 2: 2 gồm... và... (cho HS trả lời miệng).



HĐ 2. Phép cộng $1 + 1 = 2$

- GV hướng dẫn HS quan sát hình vẽ ở bức tranh phía bên trái (nếu có điều kiện thì tách riêng hình vẽ ở phía bên trái hoặc che lấp hình vẽ ở phía bên phải để HS không bị phân tán) để nêu thành vấn đề (bài toán) cần giải quyết. Ví dụ, GV cho HS quan sát hình vẽ và nêu: “Có một con mèo, thêm một con mèo nữa đang chạy đến. Hỏi tất cả có mấy con mèo?”. Cho 1, 2 HS nêu lại bài toán.
- Gọi HS tự nêu câu trả lời, GV hướng dẫn HS trả lời đầy đủ “Một con mèo, thêm một con mèo được hai con mèo”. Gọi một vài HS nêu lại. GV vừa chỉ vào lần lượt từng con mèo, vừa nêu “Một con mèo, thêm một con mèo được hai con mèo”. Sau đó lần lượt chỉ vào từng que tính nêu tiếp “Một thêm một bằng hai”, rồi gọi HS nêu lại “Một thêm một bằng hai”. HS cả lớp quan sát tranh vẽ ở SGK và trải nghiệm bằng que tính để tự khẳng định “Một que tính thêm một que tính được hai que tính”.
- GV nêu: “Ta viết một thêm một bằng hai như sau (GV viết lên bảng: $1 + 1 = 2$); dấu “+” gọi là dấu “cộng”; đọc là “một cộng một bằng hai”. GV chỉ vào $1 + 1 = 2$, gọi một vài HS đọc (một cộng một bằng hai). Có thể gọi HS lên bảng viết lại, đọc lại $1 + 1 = 2$, sau đó gọi một vài HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi “một cộng một bằng mấy?”.

HĐ 3. Phép cộng $1 + 2 = 3$

Thực hiện theo các bước tương tự đối với phép cộng $1 + 1 = 2$. Ở bước thứ nhất, GV hướng dẫn HS quan sát hình vẽ trong SGK và tự nêu vấn đề (bài toán) cần giải quyết. Nếu HS gặp khó khăn thì GV giúp HS nêu. Chẳng hạn: “Một đĩa đựng một quả cam, một đĩa đựng hai quả cam. Hỏi cả hai đĩa đựng mấy quả cam?”. Các bước sau tương tự phép cộng $1 + 1 = 2$. GV nêu lại “một cộng hai bằng ba” và viết lên bảng $1 + 2 = 3$.



HĐ 4. Thực hành – luyện tập

Bài 1. Hướng dẫn HS nêu yêu cầu của bài, cho HS làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán. GV chừa bài.

Bài 2. Hướng dẫn HS nêu yêu cầu bài toán (Tim số thích hợp thay vào dấu ?) và cách làm bài, rồi làm bài vào Vở bài tập Toán, cho HS đổi vở kiểm tra chéo nhau.

Lưu ý: Khi chừa bài 1 và bài 2, GV cho HS đứng tại chỗ đọc lại kết quả các phép tính đã làm, chẳng hạn: “1 cộng 2 bằng 3”, “2 cộng 1 bằng 3”.

Bài 3. GV hướng dẫn HS xác định yêu cầu của bài toán: So sánh hai số rồi chọn dấu ($<$, $>$, $=$) thích hợp, trong đó một số đã cho tường minh còn số kia là kết quả của một phép tính cộng. Vì vậy để so sánh được, trước hết ta phải làm gì? (thực hiện phép tính cộng, sau đó lấy số là kết quả của phép tính cộng để so sánh với số đã cho tường minh). Từ đó rút ra các bước làm bài này.

Cho HS làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán, HS kiểm tra lẫn nhau bằng cách đổi chéo vở cho nhau và GV chừa bài (có thể sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ).



HĐ 5. Vận dụng

Bài 4. Các BT dạng này được sử dụng thường xuyên trong SGK Toán 1 nhằm giúp HS hình thành kỹ năng, phát triển năng lực, gắn với một tình huống của bài toán bằng một phép tính ứng với một bức tranh gần gũi với cuộc sống của HS. Với dạng BT này, GV không nên áp đặt mà khuyến khích HS chọn ra được phép tính phù hợp với tình huống của bài toán. Có thể chia nhóm để HS trao đổi, tranh luận với nhau. Đại diện nhóm trình bày kết quả của nhóm, HS trong lớp nhận xét. GV nhận xét bài làm của các nhóm, sửa những sai sót của HS (nếu có).



HĐ 6. Củng cố: GV cho HS nêu lại các phép cộng trong phạm vi 3 đã học (có thể trả lời bằng miệng).

Có thể tổ chức trò chơi “kết bạn – kết đôi” (hai bạn không ngồi cùng bàn) hoặc “kết ba” (ba bạn ngồi ở 3 bàn khác nhau), cùng kiểm tra lại kết quả các BT đã làm.

19. Luyện tập

MỤC TIÊU

- Thực hiện được phép cộng trong phạm vi 3 và vận dụng được vào cuộc sống.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1.
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

Có thể tổ chức trò chơi mang nội dung toán học “kết bạn – kết đôi” (hai bạn không ngồi cùng bàn) hoặc “kết ba” (ba bạn ngồi ở 3 bàn khác nhau) để trao đổi bài học.



HĐ 2. Luyện tập, củng cố kiến thức về phép cộng và so sánh các số trong phạm vi 3.

Bài 1. HS tính nhẩm, GV gọi một vài HS trả lời miệng.

Bài 2. Đây là dạng toán mới: Tìm hai số mà cộng lại cho kết quả là số đã cho (bảng 2 hoặc bảng 3). Điều này đòi hỏi HS phải nhớ lại các phép cộng đã học ($1 + 1 = 2$; $1 + 2 = 3$; $2 + 1 = 3$) hoặc cách tách số để tìm các số thích hợp thay vào dấu ?. Với dạng bài này, GV gợi ý HS tìm đủ các phương án.

Cho HS làm cá nhân vào Vở bài tập Toán, HS kiểm tra lẫn nhau bằng cách đổi chỗ vở cho nhau, GV hỗ trợ HS yêu, kém và chữa bài.

Bài 3. Bài này có dạng như BT 3 của tiết “Phép cộng”, tuy nhiên cần lưu ý: các số đã cho tường minh là 1, 3 và 5 nên nếu HS gặp khó khăn khi so sánh số nào đó với số 5 thì GV gợi ý HS liên hệ thứ tự của các số 1, 2, 3, 4, 5.

Cho HS làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán, HS kiểm tra lẫn nhau bằng cách đổi chỗ vở cho nhau và GV chữa bài (có thể sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ).



HĐ 3. Vận dụng

Bài 4, Bài 5. Có thể chia nhóm để HS trao đổi, tranh luận với nhau và đại diện nhóm trình bày kết quả của nhóm trước lớp. GV nhận xét kết quả từng nhóm. Với BT 5, trước hết yêu cầu HS xác định phép tính, lưu ý có hai phương án trả lời.



HĐ 4. Củng cố

GV cho HS nêu lại các phép cộng đã học (có thể trả lời bằng miệng), có thể khuyến khích HS đưa ra những tình huống có trong đời sống hằng ngày dẫn đến bài toán có phép cộng đã học, chẳng hạn: Em có 2 viên bi, bạn Đức cho em 1 viên bi, hỏi em có tất cả mấy viên bi?...

20. Bảng cộng 1 trong phạm vi 10

MỤC TIÊU

- Bước đầu thực hiện được các phép tính trong bảng cộng 1.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; 10 que tính; giấy A4.
- Video clip “Trò chơi” củng cố bài (nếu có).
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Cho HS hát bài *Tập đêm* – Hoàng Công Sử, từ đó dẫn HS vào bài.



HĐ 2. Hình thành bảng cộng 1 trong phạm vi 10

- Ta đã biết: $1 + 1 = 2$, $1 + 2 = 3$, $2 + 1 = 3$.
- Cho HS làm theo GV: Tay trái cầm 1 que tính, tay phải cầm 3 que tính và hỏi HS tất cả có mấy que tính? Từ đó dẫn đến phép cộng $1 + 3 = 4$. Sau đó đảo lại (tay trái cầm 3 que tính, tay phải cầm 1 que tính để dẫn đến phép cộng $3 + 1 = 4$).
- Tương tự dẫn đến các phép cộng: $1 + 4 = 5$ và $4 + 1 = 5$.
- Tiếp theo cho HS sử dụng que tính thảo luận nhóm rồi lần lượt các nhóm trình bày để hoàn chỉnh các phép cộng còn lại trong bảng cộng 1.
- Cho HS nhắc lại để hoàn chỉnh bảng cộng 1 và nêu đặc điểm của bảng cộng 1.



HĐ 3. Thực hành – luyện tập

Bài 1. Tổ chức trò chơi “*Truyền điện*” hoặc “*Ném bóng*”, HS làm miệng BT 1.

Bài 2. Cho HS làm bài vào Vở bài tập Toán, sau đó chọn một số bài làm chiếu lên bảng bằng máy chiếu đa năng, hoặc cho vài HS đọc kết quả từng câu (nếu không có máy chiếu), GV ghi kết quả từng câu lên bảng theo HS.

GV chiếu đáp án lên màn hình và cho HS đổi vở kiểm tra chéo rồi chừa bài.

Bài 3. Cho HS thảo luận và làm bài theo nhóm đôi vào Vở bài tập Toán. GV gọi đại diện các nhóm lên trình bày, sau đó cho HS nhận xét, rồi chiếu đáp án lên màn hình (hoặc ghi lên bảng) cho HS đổi chiếu và sửa lại kết quả (nếu sai).



HĐ 4. Vận dụng

Bài 4. GV cho HS thảo luận nhóm đôi rồi đại diện nhóm nêu yêu cầu bài toán:

- Phát biểu bài toán theo tranh vẽ.
- Viết phép tính theo yêu cầu bài toán.

Đáp án: $1 + 5 = 6$ hoặc $5 + 1 = 6$.



HĐ 5. Củng cố bài bằng một trò chơi hoặc làm miệng với nội dung bảng cộng 1.

21. Luyện tập

MỤC TIÊU

- Thuộc bảng cộng 1 trong phạm vi 10.
- Vận dụng được bảng cộng 1 để tính toán và xử lý các tình huống trong cuộc sống.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bộ ĐDHT.
- Bức tranh BT 5 trong SGK.
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động: GV cho HS tham gia trò chơi “*Truyền bóng*” để giải BT 1.



HĐ 2. Luyện tập kỹ năng vận dụng bảng cộng 1.

Bài 2. HS nêu yêu cầu của bài. Cho HS thảo luận nhóm đôi và làm bài. GV chia bài (dùng máy chiếu vật thể nếu có thể). HS chia bài vào Vở bài tập Toán của mình.

Bài 3. GV chiếu bài 3 lên màn hình hoặc cho HS quan sát SGK, nêu yêu cầu bài toán. GV chia hai nhóm, một nhóm làm cột 1, một nhóm làm cột 2 vào Vở bài tập Toán.

– GV chọn một số bài làm của HS chiếu lên bảng hoặc cho đại diện HS trình bày bài làm rồi chia.

– HS đổi vở kiểm tra chéo, chép và hoàn thiện các ý còn lại.

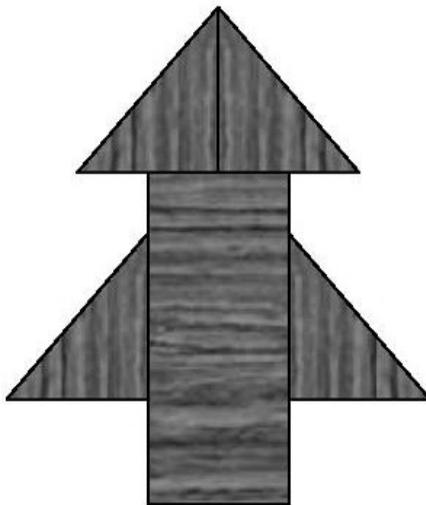
HĐ 3. Luyện tập kỹ năng lắp ghép hình.

Bài 4. HS quan sát SGK rồi nêu yêu cầu của bài.

– HS thảo luận nhóm 4 để tìm ra cách ghép và thực hành với ĐDHT.

– GV cho đại diện các nhóm báo cáo kết quả và chia bài.

Đáp án: (hình dưới)



HĐ 4. Vận dụng

Bài 5. GV chiếu bài 5 lên màn hình hoặc cho HS quan sát SGK. HS nêu yêu cầu của bài toán.

- HS thảo luận theo nhóm 4 cách phát biểu bài toán và viết phép tính tương ứng.
Chấp nhận cả hai cách viết: $7 + 1 = 8$ hoặc $1 + 7 = 8$.
- Đại diện một số nhóm báo cáo kết quả. Các bạn nhận xét và chừa bài.



HĐ 5. Củng cố bài bằng trò chơi “*Chinh phục đỉnh Olympia*”: 1 bài về phép cộng trong bảng cộng 1 kết hợp so sánh số, 1 bài về dãy tính và 1 bài về dãy hình.

22. Luyện tập chung

MỤC TIÊU

- So sánh và tách được các số trong phạm vi 10.
- Vận dụng được kiến thức về số, so sánh số trong phạm vi 10 vào cuộc sống.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1.
- Hai bộ bìa, mỗi bộ gồm 10 miếng bìa (có dây đeo) đánh số từ 1 đến 10.

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

Có thể tổ chức chơi “*xếp hàng thứ tự từ 1 đến 10*”, chẳng hạn: Chia lớp thành hai đội chơi, mỗi đội 10 người. Số HS trong lớp còn lại làm giám khảo và cổ động viên. Mỗi đội chơi đứng ở vạch xuất phát của đội mình, sau khi nghe hiệu lệnh bắt đầu chơi thì

các thành viên trong đội chạy đến vị trí đặt bộ bìa rồi lấy một miếng bìa. Căn cứ vào số ghi ở miếng bìa của mình, từng thành viên trong đội xếp thành hàng dọc theo thứ tự từ 1 đến 10. Đội nào xếp đúng thứ tự và nhanh hơn là đội thắng cuộc.



HĐ 2. Luyện tập kiến thức về các số, so sánh các số trong phạm vi 10 và tách số.

Bài 1. Hướng dẫn HS tìm được các số thích hợp thay cho dấu ? theo thứ tự từ 0 đến 10. Cho HS đổi vở kiểm tra chéo nhau. GV gọi một vài HS trả lời miệng.

Bài 2. Đây là dạng khác của bài toán: Viết các số theo thứ tự từ bé đến lớn hoặc viết các số theo thứ tự từ lớn đến bé. Điều này đòi hỏi HS phải nhớ thứ tự các số từ 0 đến 10 (hoặc thứ tự ngược lại), cũng có thể dựa vào so sánh số để làm bài.

Cho HS làm bài vào Vở bài tập Toán (chỉ viết kết quả), HS kiểm tra chéo nhau bằng cách đổi vở cho nhau. GV hỗ trợ HS yếu, kém và chữa bài.

Bài 3. Hướng dẫn HS phân tích từ yêu cầu của bài tìm ra các bước giải bài toán này: Để so sánh số và tìm ra số lớn nhất, ta phải thực hiện các phép tính $1 + 2$, $4 + 1$, $8 + 1$, $7 + 1$, rồi so sánh kết quả của các phép tính này với nhau.

Cho HS làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán, HS kiểm tra chéo nhau bằng cách đổi vở cho nhau và GV chữa bài (có thể cho HS đọc kết quả ở mỗi phép tính để phát hiện những sai lầm của bạn nếu có ở mỗi bước làm).

Bài 4. Bài này rèn kỹ năng tách số mà HS đã học ở bài học trước đó.

Cho HS làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán, HS kiểm tra chéo nhau bằng cách đổi vở cho nhau. GV hỗ trợ HS yếu, kém và nhận xét bài làm của HS.



HĐ 3. Vận dụng

Bài 5. Bài này ôn lại kiến thức về hình tròn, hình chữ nhật đã học gắn với những đồ vật quen thuộc, tránh được sự nhàm chán khi HS học Toán.

Có thể chia nhóm để HS trao đổi, tranh luận với nhau và đại diện nhóm trình bày bài làm của nhóm trước lớp. GV nhận xét kết quả từng nhóm.



HĐ 4. Củng cố

Có thể tổ chức trò chơi “*Kết bạn cùng số*”. GV (hoặc HS) chuẩn bị sẵn hai bộ gồm các miếng bìa (có dây đeo), trong đó một bộ bìa xanh đánh số từ 1 đến 10, một bộ bìa đỏ trong đó có một tấm bìa ghi số 1 và chín tấm bìa ghi các phép tính cộng như $1 + 9$, $7 + 1$, ... Kết quả của các phép cộng này là các số từ 2 đến 10. Mỗi lần chơi có 20 bạn tham gia (10 bạn nam, 10 bạn nữ). Số HS trong lớp còn lại làm giám khảo và

cỗ động viên. Người chơi đứng thành vòng tròn, sau khi nghe hiệu lệnh bắt đầu chơi thì người chơi chạy đến vị trí đặt bộ bìa (đặt ở tâm vòng tròn) rồi lấy một miếng bìa đeo trước ngực (bạn nam chọn bìa màu đỏ, bạn nữ chọn bìa màu xanh). Căn cứ vào số (hoặc phép tính) ở miếng bìa của mình, tung thành viên chơi tìm bạn của mình để kết bạn (ví dụ bạn đeo tấm bìa ghi số 3 và bạn đeo tấm bìa có phép tính $1 + 2$ tìm nhau và kết bạn). Những cặp nào kết bạn sai hoặc cặp kết bạn muộn nhất sẽ bị thua cuộc.

23. Phép trừ

MỤC TIÊU

- Bước đầu thực hiện được phép trừ trong phạm vi 4.
- Viết được phép trừ theo tranh vẽ.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bảng phụ; que tính.
- Các tranh vẽ hoặc hình ảnh như ở SGK.

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

GV có thể tổ chức HD khởi động linh hoạt tùy thuộc tình hình cụ thể của lớp. Tuy nhiên có thể cân nhắc gợi ý sau:

– GV cho HS ôn lại cách viết phép cộng tương ứng tình huống có thao tác “thêm”, sau đó đưa vấn đề viết phép tính ứng với tình huống có thao tác “bớt”.

Chẳng hạn, GV nêu tình huống, yêu cầu HS viết phép tính tương ứng bài toán: “Có 2 quả dưa, thêm 1 quả dưa, được 3 quả dưa”.

HS viết: $2 + 1 = 3$. GV có thể nêu vài tình huống có dùng từ “thêm” để HS viết phép cộng tương ứng.

– GV đặt vấn đề, như vậy nếu thêm vào thì ta viết phép cộng. Bây giờ ngược lại, nếu “bớt” đi thì ta viết phép tính nào? (HS sẽ thảo luận các ý khác nhau).



HĐ 2. Hình thành phép trừ

Phép trừ $3 - 1 = 2$

Hành động với que tính: GV làm mẫu và HS thực hiện theo:

– Lấy 3 que tính cầm trên tay và nói “có 3 que tính”,

- Bớt đi 1 que và nói “bớt đi 1 que tính”,
- Giơ 2 que còn lại lên và nói “còn lại 2 que tính”.
(có thể thực hiện lặp lại 1, 2 lần).

Viết phép tính:

GV hướng dẫn cách viết phép tính:

- o “có 3 que tính, ta viết 3” (viết 3 trên bảng).
- o “bớt, ta viết kí hiệu –, đọc là trừ” (viết dấu – sau số 3)
- o “một que tính” (viết 1)
- o “còn, viết dấu bằng” (viết =)
- o “2 que tính, viết 2” (viết 2 sau dấu =)

Đọc kí hiệu phép trừ:

- GV cho HS đọc $3 - 1 = 2$ như sau “ba trừ một bằng hai”.

GV cho HS quan sát tình huống theo SGK (có thể dùng tranh vẽ minh họa): Có 3 con éch, 1 con nhảy đi, còn lại 2 con. Ta cũng có phép trừ: $3 - 1 = 2$.

Phép trừ $3 - 2 = 1$

GV cho HS quan sát hình vẽ như SGK, mô tả “Có 3 quả dưa, ăn 2 quả còn lại 1 quả. Có 3 que tính, bớt đi 2 que tính, còn lại 1 que tính. Hai trường hợp đều viết phép trừ tương ứng là $3 - 2 = 1$.

- GV chốt: Như vậy ta đã biết về phép trừ, dấu trừ, cách viết và đọc phép trừ.

Thực hiện thao tác bớt và viết phép trừ với một số trường hợp khác

GV cho HS thực hiện thao tác trên que tính và viết một số phép trừ tiếp theo, chẳng hạn: $2 - 1 = 1$; $4 - 1 = 3$; $4 - 2 = 2$; $4 - 3 = 1$.

GV cho HS thực hiện trên que tính và giải thích trường hợp: $3 - 3 = 0$; $4 - 4 = 0$.



HĐ 3. Thực hành – luyện tập

Bài 1. GV cho HS nhảm kết quả, có thể tổ chức chơi trò chơi “Truyền điện”, nhằm kết quả các phép tính trong bài 1.

Bài 2. GV cho HS phân tích chung một bài: quan sát ảnh chùm 3 quả bưởi, 1 quả bị rơi xuống, còn 2 quả trên cành. Ta có phép tính phù hợp là $3 - 1 = 2$.

HS làm việc với các trường hợp còn lại, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh và ghi bài vào Vở bài tập Toán.

Bài 3. GV cho HS vận dụng các kết quả trừ trong phạm vi 4 để làm bài tập này.

Với ý thứ nhất, HS sẽ thử lần lượt các phép tính 3 trừ đi một số: “3 trừ 1 bằng 2” (không được), “3 trừ 2 bằng 1” (được), vậy số cần chọn là 2.

Tương tự HS tự làm với các ý khác trong bài vào Vở bài tập Toán.



HĐ 4. Vận dụng

Bài 4. GV yêu cầu HS đọc để hiểu tình huống.

HS làm việc theo cặp, cùng nhau giải thích và viết phép trừ. (Có 4 con bướm, bay đi 2 con, còn 2 con đậu lại. Ta có phép trừ $4 - 2 = 2$.)



HĐ 5. Củng cố: GV tổ chức củng cố một cách linh hoạt.

- Các em vừa học về phép trừ (ngược với phép cộng).
- Với lớp có nhiều HS khá, có thể mở rộng thêm nhiệm vụ. Chẳng hạn, cho HS nêu các tình huống đa dạng gắn với phép trừ, như: bót, roi, rụng, mất, vỡ, bay đi, chạy đi,...

24. Luyện tập

MỤC TIÊU

- Thực hiện được phép trừ trong phạm vi 4 và vận dụng được vào cuộc sống.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1.
- Các tranh vẽ hoặc hình ảnh như trong SGK.

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

GV có thể tổ chức HĐ khởi động linh hoạt tùy thuộc tình hình cụ thể của lớp. Tuy nhiên có thể cân nhắc gợi ý sau:

- Củng cố ý nghĩa phép trừ, các tình huống tương ứng với phép trừ.

GV cho HS ôn lại cách viết phép trừ ứng với thao tác “bớt”.

- GV cho HS nêu các tình huống và nêu phép trừ tương ứng.

Chẳng hạn, “Có 3 quả táo, ăn 2 quả táo, còn lại 1 quả táo. Phép tính là $3 - 2 = 1$ ”.

Hoặc “Có 2 con thỏ trong chuồng, 1 con chạy đi, còn lại 1 con thỏ trong chuồng.

Phép tính là $2 - 1 = 1$ ”,...

Cũng có thể tập trung luyện tập về cách đọc và viết phép tính trừ trong phạm vi 4.



HĐ 2. Thực hành – luyện tập

Bài 1. Với bài 1, có nhiều phương án:

- GV cho HS làm trực tiếp, đọc phép tính và ghi kết quả vào Vở bài tập Toán.
- GV cũng có thể cho HS nhìn phép trừ và nêu kết quả bằng miệng.
- GV có thể cho HS chơi trò chơi nhầm tính trừ trong phạm vi 4 bằng cách tổ chức trò chơi về tính trừ trong phạm vi 4 như “*Truyền điện*” chẳng hạn.
- GV cũng có thể cho HS chơi trò chơi “*Tiếp sức*” như gợi ý của SGK.

Bài 2. GV cho HS làm bài tương tự bài 3 tiết học trước.

Bài này yêu cầu HS phải nhớ kết quả trừ trong phạm vi 4, thử “ướm” các số vào ô trống, khi nào với số thích hợp được kết quả trừ đúng thì chọn số đó thay cho dấu ?.

Dạng bài tập này đã quen ở phần phép cộng. GV có thể cho HS tự làm vào Vở bài tập Toán. Tuy nhiên, với một số HS chậm hơn, GV sẽ hỗ trợ cách làm. Chẳng hạn, với $3 - ? = 2$, HS sẽ thử $3 - 1 = 2$ (thích hợp). Vậy chọn số 1 thay cho dấu ?.

Khi chưa bài HS chỉ cần nêu kết quả thích hợp thay cho dấu ?.

Bài 3. GV đặt vấn đề, đây là bài tính trong đó phải thực hiện liên tiếp hai phép tính.

GV cho HS phân tích bài mẫu, HS nêu cách làm của bài mẫu. GV ghi bảng cách phân tích của HS, thực hiện từ trái sang phải, đầu tiên thực hiện phép trừ $3 - 2$, sau đó được bao nhiêu cộng với 1:

$$\begin{array}{r} 3 - 2 + 1 = 1 + 1 = 2 \\ \hline 1 \end{array}$$

(GV lưu ý, có thể ghi kết quả phép tính trung gian bên dưới $3 - 2$ để khỏi quên.)

GV có thể cho HS làm bài này theo cặp hoặc làm việc cá nhân tùy vào trình độ lớp học.

Khi chưa bài, GV yêu cầu HS ghi quá trình tính và kết quả trên bảng.

Bài 4. GV cho HS phân tích ý thứ nhất, trước tiên thực hiện phép trừ $3 - 1$ (kết quả là 2), sau đó mới so sánh với 3, và thấy cần chọn dấu <.

- GV cho HS tự làm bài rồi kiểm tra chéo kết quả của nhau.



HĐ 3. Vận dụng

Bài 5. GV có thể cho HS tự làm bài vào Vở bài tập Toán.

- HS ghi phép tính $4 - 1 = 3$ và giải thích cho bạn: “Có 4 quả dưa, lấy bớt đi 1 quả, còn lại 3 quả. Có phép trừ $4 - 1 = 3$ ”.



HĐ 4. Củng cố

GV tổ chức cho HS phân tích một tranh vẽ theo nhiều cách khác nhau. Ví dụ, với tranh vẽ 3 thỏ, 2 thỏ trong chuồng và 1 thỏ chạy ra ngoài, HS có thể mô tả như sau:

- Trường hợp 1: “Có tất cả 3 con thỏ, 1 con thỏ chạy ở ngoài, còn 2 con thỏ trong chuồng”.
- Trường hợp 2: “Có tất cả 3 con thỏ, 2 con thỏ trong chuồng, có 1 con thỏ ở ngoài chuồng”.

Sau bài này GV có thể cho HS tự nêu các tình huống ứng với phép trừ cụ thể thích hợp. Cách mô tả tình huống khác tùy vào vốn sống của các em.

25. Bảng cộng 2 trong phạm vi 10

MỤC TIÊU

- Bước đầu thực hiện được các phép tính trong bảng cộng 2.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bảng phụ.
- Hình ảnh hoặc hình chiếu PowerPoint các bức tranh trong SGK.
- Que tính cho cá nhân HS và GV.
- Quả bóng hoặc vật khác tương đương để chơi trò chơi.

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

GV có thể tổ chức cho HS chơi trò chơi “*Truyền điện*” nhằm ôn lại các phép tính của Bảng cộng 1 trong phạm vi 10.



HĐ 2. Hình thành bảng cộng 2 trong phạm vi 10

a. Hướng dẫn học sinh học phép cộng $2 + 1 = 3$ và $1 + 2 = 3$.

Bước 1: Thao tác với que tính thực hiện phép cộng $2 + 1 = 3$.

GV và HS cùng thao tác với que tính: “Có 2 que tính, lấy thêm 1 que tính. Hỏi có tất cả mấy que tính?”

Gọi một số HS nêu lại: “Có 2 que tính, lấy thêm 1 que tính được 3 que tính”.

Bước 2: GV giờ que tính lên và nói: “Hai cộng một bằng mấy?”

– GV viết bảng: $2 + 1 = 3$ và đọc: “Hai cộng một bằng ba”.

– Chỉ vào phép tính $2 + 1 = 3$ và gọi một vài HS nhắc lại.

Bước 3: Hướng dẫn học sinh học phép cộng $1 + 2 = 3$.

– GV nêu: “1 cộng 2 bằng mấy?”.

– GV ghi bảng: $1 + 2 = 3$. HS nhắc lại.

– GV chỉ vào phép tính $2 + 1 = 3$ và $1 + 2 = 3$, yêu cầu HS đọc hai phép tính trên.

– GV cho HS nhận xét kết quả của hai phép tính trên và chốt lại: “Lấy hai cộng một cũng như lấy một cộng hai”.

– GV chốt: “ba bằng mấy cộng mấy?” (3 bằng 2 cộng 1 ; 3 bằng 1 cộng 2).

b. Hướng dẫn HS học phép cộng $2 + 2 = 4$, tương tự phép cộng $2 + 1 = 3$.

c. Hướng dẫn HS học các phép cộng còn lại.

– GV chia lớp thành các nhóm 4 yêu cầu các nhóm thảo luận để hình thành các phép tính còn lại trong bảng cộng 2.

– Các nhóm trả lời, GV viết thành bảng cộng 2 trong phạm vi 10.

d. Hướng dẫn HS học thuộc bảng cộng 2.

– Cho một vài HS đọc lại bảng cộng 2.

– GV giúp HS ghi nhớ bảng cộng 2, có thể bằng các hình thức như: xoá một vài số ở cột số hạng hay tổng hoặc hỏi: “ 8 bằng 2 cộng mấy?”, “ 2 cộng mấy thì bằng 8 ? ”.



HĐ 3. Thực hành – luyện tập

Bài 1. GV cho HS nêu yêu cầu và làm bài vào Vở bài tập Toán.

– Có thể tổ chức trò chơi “*Tiếp sức*”. HS lần lượt chơi, HS khác nhận xét, GV có thể chiếu kết quả của các phép tính trong bài 1 lên bảng.

– GV tổng kết trò chơi.

Bài 2. Gọi HS nêu yêu cầu.

– GV tổ chức cho học sinh làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán.

– Gọi HS chừa bài. Lớp quan sát, nhận xét, đổi chiếu, kiểm tra đúng sai.

– GV yêu cầu 1 hoặc 2 HS đọc thuộc bảng cộng 2.

Bài 3. Gọi HS đọc yêu cầu bài toán và nêu cách thực hiện.

– Có thể tổ chức nhóm đối. Đại diện nhóm báo cáo kết quả.

– GV chừa bài: $2 + 4 = 6$; 6 bé hơn 7 , vậy $2 + 4 < 7$, ...

– Yêu cầu HS đổi bài để kiểm tra đúng, sai.



HĐ 4. Vận dụng

Bài 4. Giáo viên chia lớp thành các nhóm đôi, yêu cầu các nhóm quan sát tranh, nêu bài toán theo tranh vẽ (nếu HS không nêu được, GV có thể hướng dẫn HS cách nêu bài toán theo tranh).

- HS viết phép cộng thích hợp vào ô trống ($6 + 2 = 8$ hoặc $2 + 6 = 8$).
- Tổ chức cho học sinh chữa bài và thống nhất kết quả đúng vào vở.



HĐ 5. Củng cố

- GV củng cố bảng cộng 2 trong phạm vi 10. Có thể tổ chức chơi trò chơi: “*Chuyền bóng*”.

Luật chơi: Bạn thứ nhất nhận bóng từ người quản trò với một câu hỏi của người quản trò là 1 phép tính bất kì trong bảng cộng 2. Người thứ nhất trả lời đúng có quyền thả bóng cho người thứ hai kèm theo hỏi một phép tính bất kì trong bảng cộng 2, không trùng với câu hỏi trước. Cứ như vậy cho đến hết thời gian chơi. Người thắng cuộc sẽ được ném bóng cho người khác, người thua cuộc (không trả lời đúng) sẽ không được ném bóng.

GV cũng có thể tổ chức cho HS chơi trò chơi khác.

26. Luyện tập

MỤC TIÊU

- Thuộc bảng cộng 2 trong phạm vi 10.
- Vận dụng được bảng cộng 2 để tính toán và xử lí các tình huống trong cuộc sống.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; que tính; thẻ từ.
- Các hình ảnh như trong SGK.

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động: GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “*Ai nhanh, ai đúng*” bằng bài 1.

- GV chia lớp làm ba đội, cử đại diện (mỗi đội gồm 2 HS) lên chơi.
- GV dán hai tờ bìa ghi các phép tính của bài 1 (hoặc ghi sẵn các phép tính ở bài 1 lên bảng); chuẩn bị các tờ bìa có kết quả ở dưới. HS sẽ phải tìm nhanh kết quả đúng ứng với các phép tính để gắn vào nhau. Đội nào tìm nhanh, gắn đúng thì đội

đó sẽ thắng cuộc. (Mỗi HS lên chơi chỉ được gắn 1 kết quả vào 1 phép tính, cứ thế nối tiếp nhau đến khi thực hiện hết 6 phép tính ở bài 1). HS dưới lớp quan sát, tính nhẩm để nhận xét.

Lưu ý: GV ghi kết quả của các phép tính trong hình bông hoa nhỏ hoặc hình khác sao cho đẹp, hấp dẫn HS.



HĐ 2. Thực hành – luyện tập

Bài 2. GV hướng dẫn HS đọc yêu cầu bài toán.

– HS thực hiện từng phép tính rồi chọn số thích hợp với kết quả mỗi phép tính đó vào Vở bài tập Toán. GV chiếu kết quả đúng lên bảng, HS đổi chiếu bài của mình.

Bài 3. GV chiếu bài lên bảng và yêu cầu HS nêu cách làm: lấy $1 + 4 = 5$, ghi 5 phía dưới phép tính, sau đó lấy $5 + 2 = 7$, ghi 7.

– HS làm bài vào Vở bài tập Toán.

– GV chừa bài. HS đổi chiếu kết quả theo nhóm đôi.

Bài 4. GV chiếu yêu cầu của bài lên bảng hoặc HS quan sát SGK.

– Tổ chức chơi trò chơi: “Ai nhanh, ai đúng”, chia làm hai đội chơi, đội nào chọn nhanh, đúng số hình tròn, hình tam giác, hình vuông thì đội đó sẽ thắng.

– GV tổng kết trò chơi, chốt kết quả, HS đổi chiếu kết quả vào Vở bài tập Toán.



HĐ 3. Vận dụng

Bài 5. GV có thể chia lớp thành các nhóm đôi, yêu cầu các nhóm quan sát tranh, nêu bài toán và viết phép cộng thích hợp vào Vở bài tập Toán ($5 + 2 = 7$ hoặc $2 + 5 = 7$). Tổ chức cho HS chừa bài cho nhau và thống nhất kết quả đúng.



HĐ 4. Củng cố

GV cho HS chơi trò chơi “Đổi đáp”, lần lượt tổ 1, 2 đưa ra phép tính trong bảng cộng 2 (ở cả hai cột) thì tổ 3, 4 trả lời kết quả và ngược lại.

27. Bảng trừ trong phạm vi 5

MỤC TIÊU

- Bước đầu thực hiện được phép trừ trong phạm vi 5.
- Viết được phép trừ theo tranh vẽ.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bộ que tính trong bộ ĐDHT; bảng phụ.
- Máy chiếu phóng to nội dung bài học trong SGK.

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HD 1. Khởi động

Có thể chia lớp thành các nhóm 5 rồi giao việc: Viết lại bảng trừ trong phạm vi 4 (Tiết 23. *Phép trừ*) đã học vào bảng phụ. Đại diện các nhóm đọc kết quả đã làm trong bảng phụ. GV nhận xét chung và kết nối với bài học mới.



HD 2. Hình thành bảng trừ trong phạm vi 5

1. Phép trừ $5 - 1 = 4$

GV hướng dẫn HS tự trải nghiệm để tìm ra phép trừ $5 - 1 = 4$. Cụ thể như sau:

- GV lấy 5 que tính trong bộ ĐDDH giơ lên trước lớp và yêu cầu từng HS trong lớp lấy ra 5 que tính (trong bộ ĐDHT cá nhân) đặt rải ra trên bàn học.
- GV hỏi HS cả lớp: Ta có mấy que tính? (có 5 que tính). GV giơ 5 que tính lên trước lớp. Bây giờ các em bớt đi một que tính, hỏi còn lại mấy que tính?

Yêu cầu HS tự làm cá nhân (cắt đi một que tính) và GV cũng làm như vậy trước lớp. Gọi vài ba HS lần lượt trả lời (còn bốn que tính), GV hướng dẫn HS trả lời đầy đủ “Năm que tính, bớt đi một que tính còn bốn que tính”. Gọi một vài HS nêu lại. GV làm lại lần nữa và vừa làm vừa giơ trước lớp để HS quan sát, kết hợp nói trước lớp “Năm que tính, bớt đi một que tính còn bốn que tính”. Vậy “Năm trừ một bằng bốn”. Yêu cầu HS cả lớp đồng thanh nhắc lại “Năm trừ một bằng bốn” và GV viết lên bảng: $5 - 1 = 4$.

2. Các phép trừ $5 - 2 = 3; 5 - 3 = 2; 5 - 4 = 1; 5 - 5 = 0$

Từng phép trừ này thực hiện các bước tương tự phép trừ $5 - 1 = 4$ ở trên. Như vậy, phần trình bày trên bảng của GV là toàn bộ bảng trừ trong phạm vi 5.

Cụ thể: $5 - 1 = 4; 5 - 2 = 3; 5 - 3 = 2; 5 - 4 = 1; 5 - 5 = 0$ (viết theo cột và đọc bảng).

- GV gọi một vài HS đọc bảng trừ trong phạm vi 5 ở trên bảng, cả lớp đọc nhầm.



HĐ 3. Thực hành – luyện tập

Bài 1. HS nêu yêu cầu của bài và làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán, GV chũa bài.

Bài 2. Hướng dẫn HS nêu yêu cầu bài toán (Tim số thích hợp thay vào dấu ?) và cách làm bài, rồi làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán, cho HS kiểm tra bằng cách đổi chéo vở cho nhau.

Lưu ý: Khi chũa câu 1 và câu 2, GV cho HS đứng tại chỗ đọc lại kết quả các phép tính đã làm, chẳng hạn: “5 trừ 3 bằng 2” (câu 1) hay “5 trừ dấu ? bằng bốn, 5 trừ 1 bằng 4”, vậy số 1 thay vào dấu ? (câu 2).

Bài 3. GV hướng dẫn HS xác định yêu cầu của bài: so sánh hai số rồi chọn dấu ($<$, $>$, $=$), trong đó một số đã cho tường minh còn một số là kết quả của một phép tính trừ. Vì vậy để so sánh được, trước hết ta phải làm gì? (thực hiện phép tính trừ, sau đó lấy kết quả của phép tính trừ để so sánh với số đã cho tường minh). Từ đó rút ra các bước làm bài này.

Cho HS làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán, HS kiểm tra chéo nhau bằng cách đổi vở cho nhau và GV chũa bài (có thể sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ).



HĐ 4. Vận dụng

Bài 4. Dạng BT này nhằm giúp HS hình thành kĩ năng, phát triển năng lực, gắn với một tình huống của bài toán bằng một phép tính ứng với một bức tranh vui nhộn, gắn gũi với cuộc sống của HS. Có thể chia nhóm để HS trao đổi, tranh luận với nhau. GV sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ để chũa bài.

Gợi ý: Tất cả có 5 con chó, 1 con chạy đi, còn lại 4 con. Ta có phép tính trừ: $5 - 1 = 4$.



HĐ 5. Củng cố: GV cho HS nêu lại các phép trừ đã học (có thể nhìn vào bảng trừ trong phạm vi 5 trên bảng và trả lời bằng miệng).

28. Luyện tập

MỤC TIÊU

- Thuộc bảng trừ trong phạm vi 5.
- Vận dụng được bảng trừ trong phạm vi 5 để tính toán và xử lí các tình huống trong cuộc sống.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bảng phụ.
- 4 hình tam giác trong bộ ĐDHT.
- Máy chiếu hoặc bảng phụ có nội dung BT 3.

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

Có thể chia lớp thành các nhóm 5 rồi chơi trò chơi “*Tiếp sức*” giữa các nhóm: yêu cầu các nhóm viết bảng trừ trong phạm vi 5 vào bảng phụ (mỗi thành viên của nhóm viết một phép tính trừ trong phạm vi 5). Nhóm nào viết đúng, đủ và nhanh nhất là nhóm thắng cuộc. GV nhận xét chung về cuộc thi.



HĐ 2. Luyện tập về bảng cộng, bảng trừ đã học và thực hành tính.

Bài 1. HS tính nhẩm, GV gọi một vài HS trả lời miệng, HS khác nhận xét. GV nhận xét, sửa chữa sai sót cho HS (nếu có).

Bài 2. GV hướng dẫn HS tìm hiểu yêu cầu của bài và có thể hướng dẫn mẫu, chẳng hạn $5 - 3 = ?$. Ta có $5 - 3 = 2$, vậy chọn số 2 thay cho dấu ?. Từ đó rút ra cách làm: Trước hết cần phải thực hiện phép tính trừ hai số, chẳng hạn $5 - 4 = 1$, bài toán tiếp theo là $1 > ?$, ta chọn số thích hợp trong các số đã cho ($0, 2, 3, 5$). Rõ ràng chỉ có số 0 thoả mãn $1 > 0$. Vậy chọn số 0 thay cho dấu ?.

Cho HS làm bài theo nhóm để HS trao đổi, tranh luận tìm ra cách làm đúng. GV hỗ trợ nhóm HS gặp khó khăn và chữa bài.

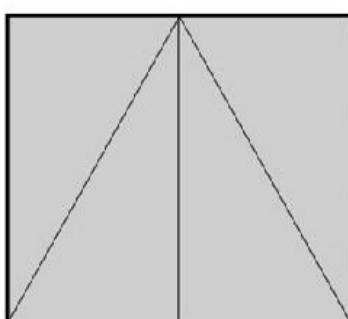
Bài 3. Bài này cần nhắc HS thực hiện các phép tính từ trái sang phải, chẳng hạn $5 - 3 + 8 = 2 + 8 = 10$ (vì $5 - 3 = 2$).

Cho HS làm bài vào Vở bài tập Toán, HS kiểm tra lẫn nhau bằng cách đổi vở cho nhau và GV chữa bài (có thể sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ).

Bài 4. Bài này kết hợp rèn kĩ năng nhận dạng hình tam giác, hình vuông với kĩ năng ghép hình, đồng thời tăng sự hứng thú cho HS khi học Toán.

Cho HS làm cá nhân với 4 hình tam giác có trong bộ ĐDHT (hoặc HS đã chuẩn bị trước các miếng bìa ở nhà). Từng cặp HS kiểm tra bài làm của nhau và GV nhận xét cách xếp của HS.

Đáp án: Có nhiều cách, chẳng hạn:





HĐ 3. Vận dụng

Bài 5. BT này nhằm giúp HS hình thành kĩ năng, phát triển năng lực, gắn tình huống của bài toán với một phép tính thông qua bức tranh gần gũi với cuộc sống của HS. Cần khuyến khích HS chọn ra được phép tính phù hợp với tình huống của bài toán. Có thể chia nhóm để HS trao đổi, tranh luận với nhau. GV sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ để chữa bài.

Gợi ý: Có tất cả 5 chiếc thuyền, có 2 chiếc tiến vào bờ, còn lại 3 chiếc ngoài khơi. Từ đó tìm ra phép trừ thích hợp.



HĐ 4. Củng cố

Có thể tổ chức trò chơi “*Hái hoa dân chủ*”, trên các bông hoa là những phép tính cộng, trừ đã học.

29. Bảng cộng 3 trong phạm vi 10

MỤC TIÊU

- Bước đầu thực hiện được các phép tính trong bảng cộng 3.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; que tính; bảng phụ có nội dung BT 2, 3.
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

GV có thể cho HS ôn lại cấu tạo bảng cộng 2, gồm hai cột: Cột thứ nhất gồm các phép tính cộng hai số, trong đó số đầu tiên luôn là 2, số thứ hai bắt đầu từ 1 cho đến 8; Cột thứ hai gồm các phép tính cộng hai số, số thứ hai luôn là 2, còn số thứ nhất thay đổi bắt đầu từ 1 cho đến 8.

Cách lập bảng cộng 2: Thực hiện thao tác thêm vào 2, được kết quả ở cột đầu tiên, sau đó suy ngay ra kết quả ở cột thứ hai.

– Nêu các kết quả trong phạm vi bảng cộng 2 (through qua tổ chức trò chơi).

GV đặt vấn đề cho việc xây dựng bảng cộng 3.



HĐ 2. Xây dựng bảng cộng 3

– GV cho HS nêu hình dung về cấu tạo bảng cộng 3.

GV có thể viết theo lời mô tả của HS các phép tính ở cột thứ nhất (chưa điền kết quả)

$$3 + 1 =$$

$$3 + 2 =$$

$$3 + 3 =$$

$$3 + 4 =$$

$$3 + 5 =$$

$$3 + 6 =$$

$$3 + 7 =$$

Sau đó HS nêu cách tìm các kết quả trong bảng cộng 3.

– GV có thể cho HS làm việc theo nhóm đôi hoặc làm việc cá nhân. HS tự lập bảng cộng 3 theo cách “thêm vào”, HS có thể dùng que tính để thực hiện các phép cộng:

Thực hiện thao tác thêm 3 que tính, viết kết quả ở cột một, sau đó suy ra kết quả ở cột hai.

– GV cho HS nêu thông nhất kết quả xây dựng bảng cộng 3.

– GV cho HS thuộc bảng cộng 3. GV có thể dùng các kĩ thuật khác nhau:

- Đọc thuộc bảng cộng 3 theo thứ tự đọc ghi nhớ các kết quả từ $3 + 1 = 4$ đến $3 + 7 = 10$ (ở cột thứ nhất).
- Xoá một số kết quả trung gian, yêu cầu HS nêu bổ sung.
- Cho HS nêu kết quả ngẫu nhiên trong bảng cộng 3.



HĐ 3. Thực hành – luyện tập

Bài 1. GV có thể có các cách khác nhau, chẳng hạn:

- Cho HS làm bài cá nhân, viết kết quả phép tính vào Vở bài tập Toán.
- Cho HS đố nhau theo nhóm đôi.
- Tổ chức trò chơi nhằm học thuộc bảng cộng 3.

Bài 2. GV đặt vấn đề, đây là bài tính trong đó phải thực hiện liên tiếp hai phép tính. GV cho HS đọc ý thứ nhất, nêu cách làm:

Thực hiện từ trái sang phải, đầu tiên thực hiện phép cộng $1 + 2$, sau đó được bao nhiêu cộng với 7:

$$\begin{array}{r} \underline{1+2+7=3+7=10} \\ 3 \end{array}$$

GV có thể cho HS làm bài này theo cặp hoặc làm việc cá nhân tùy trình độ lớp học. Khi chưa bài, GV yêu cầu HS ghi quá trình tính và kết quả trên bảng vào Vở bài tập Toán.

Bài 3. GV cho HS đọc ý thứ nhất, nêu cách làm:

- Trước hết phải tính $3 + 5 = 8$, viết kết quả 8 dưới $3 + 5$. Vì $8 > 7$ nên chọn dấu $>$ thay cho dấu $(3 + 5 > 7)$.
- HS tự làm các ý còn lại, sau đó kiểm tra chéo kết quả làm bài của nhau.



HĐ 4. Vận dụng

Bài 4. GV cho HS quan sát tranh, mô tả (HS sẽ mô tả theo các cách khác nhau).

- GV cho HS viết phép cộng điền vào ô trống cho thích hợp. Khuyến khích HS tìm các phép cộng khác nhau.
- HS tự làm bài vào Vở bài tập Toán, sau đó GV cho HS nêu kết quả điền của mình, đồng thời giải thích (nêu tình huống phù hợp với phép cộng).

Chú ý: Có hai kết quả đều chấp nhận được: $5 + 3 = 8$ và $3 + 5 = 8$.



HĐ 5. Củng cố

GV có thể tổ chức củng cố cho HS:

- Chơi trò chơi “*Truyền điện*” luyện nhớ bảng cộng 3.
- Nêu các tình huống thực tế ứng với phép cộng hai số, trong đó có một số là 3.

30. Luyện tập

MỤC TIÊU

- Thuộc bảng cộng 3 trong phạm vi 10.
- Vận dụng được bảng cộng 3 để tính toán và xử lí các tình huống trong cuộc sống.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1.
- Máy chiếu hoặc bảng phụ có nội dung BT 2, 4.

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

GV có thể cho HS nêu các kết quả của bảng cộng 3.



HĐ 2. Thực hành – luyện tập

Bài 1. Có thể có các cách sau:

- GV cho HS tự làm rồi nêu kết quả.
- GV cho HS chơi trò chơi “*Ai nhanh hơn*”, thực hiện các phép tính trong phạm vi 3.
- GV đố HS trên lớp, lần lượt nêu ngẫu nhiên phép tính, HS đọc kết quả.
- GV có thể tổ chức trò chơi “*Truyền điện*” để ghi nhớ kết quả bảng cộng 3.

Bài 2. GV cho HS thống nhất cách làm ý đầu. Sau đó từng HS tự làm bài vào Vở bài tập Toán.

- HS đổi vở kiểm tra chéo kết quả của nhau. GV xác nhận kết quả đúng.
- GV cho HS nêu cách làm và kết quả so sánh. HS tự kiểm tra bài làm của mình.

Bài 3. GV cho HS đọc tìm hiểu đề bài, thống nhất cách làm. HS làm bài cá nhân ghi kết quả vào Vở bài tập Toán. HS đổi vở kiểm tra chéo. Cả lớp thống nhất kết quả từng bước tính.

Bài 4. GV cho HS đọc tìm hiểu đề bài, thống nhất cách làm: thực hiện 4 – 2 trước, ghi kết quả vào ô trống, tiếp tục cộng với 1, ghi kết quả vào ô trống, được bao nhiêu cộng tiếp với 6, ghi kết quả cuối cùng vào ô trống.

- Từng HS làm bài, ghi kết quả vào Vở bài tập Toán. HS kiểm tra chéo kết quả làm bài của nhau. Cả lớp thống nhất kết quả từng bước tính.



HĐ 3. Vận dụng

Bài 5. Có thể thực hiện theo cách sau:

- GV cho HS làm việc theo nhóm đôi: HS nhìn tranh vẽ sau đó tự phân tích, thảo luận cách điền phép cộng vào ô trống. Thảo luận cách giải thích từng phép cộng của mình.
- GV yêu cầu HS thống nhất kết quả điền vào ô trống, yêu cầu HS giải thích (nêu tình huống tương ứng từng phép cộng).

Chú ý: HS có thể có các cách biểu đạt khác nhau, cần động viên HS diễn đạt bằng lời nói của mình.

Chẳng hạn:

- Có 4 bạn đang chơi xếp hình, 3 bạn chạy đến, tất cả có 7 bạn.

Có phép cộng: $4 + 3 = 7$.

- Có 3 bạn đang chạy, 4 bạn đang chơi xếp hình, tất cả có 7 bạn.

Có phép tính: $3 + 4 = 7$.

Chú ý các cách mô tả đều đúng. GV khuyến khích HS học khá mô tả theo cả hai cách.



HĐ 4. Củng cố

GV có thể cho HS ôn tập, củng cố các trọng tâm sau:

- Các bảng cộng 2, 3 trong phạm vi 10.
- Nêu tình huống tương ứng với phép cộng (trong phạm vi các bảng cộng đã học).

31. Bảng trừ trong phạm vi 6

MỤC TIÊU

- Bước đầu thực hiện được phép trừ trong phạm vi 6.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; 10 que tính, bảng phụ có nội dung BT 2, 3.
- Hình ảnh bức tranh BT 4 và “Trò chơi” cung cấp bài (nếu có thể).
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

Cho HS chơi trò “*Ném bóng*” liên quan đến bảng trừ trong phạm vi 5. Từ đó dẫn HS vào bài mới.



HĐ 2. Hình thành bảng trừ trong phạm vi 6.

- Cho HS làm theo GV: Tay trái cầm 6 que tính, lấy bớt 1 que tính sang tay phải và hỏi HS: “Tay trái còn mấy que tính?” từ đó dẫn đến phép trừ: $6 - 1 = 5$. Sau đó đảo lại tay trái cầm 6 que tính, lấy bớt 5 que tính sang tay phải để dẫn đến phép trừ: $6 - 5 = 1$.
- Tương tự dẫn đến các phép trừ: $6 - 2 = 4$, $6 - 4 = 2$.
- Cho HS thảo luận nhóm đôi để hoàn chỉnh các phép trừ còn lại trong bảng.
- Cho HS nhắc lại để hoàn chỉnh bảng trừ trong phạm vi 6.



HĐ 3. Thực hành – luyện tập

Bài 1. GV cho HS chơi trò “*Truyền điện*” để làm BT 1.

Bài 2. Cho HS nhận xét yêu cầu của bài. Treo bảng phụ có nội dung BT 2.

GV chọn hai đội, cho HS chơi trò chơi “*Tiếp sức*” giải BT 2. Sau đó HS ghi bài vào Vở bài tập Toán.

Bài 3. Cho HS thảo luận và làm theo nhóm 4 vào bảng phụ, sau đó gọi đại diện các nhóm lên trình bày.

GV cho HS nhận xét, rồi HS sửa bài chéo cho nhau.



HĐ 4. Vận dụng

Bài 4. GV chiếu bài 4 lên màn hình hoặc cho HS quan sát trong SGK rồi nêu yêu cầu của bài.

- HS thảo luận nhóm 4 rồi đại diện nhóm chữa lần lượt theo yêu cầu.
- Phát biểu bài toán theo tranh vẽ. Có nhiều phương án, chẳng hạn: $6 - 1 = 5$; $6 - 5 = 1$.



HĐ 5. Củng cố

Có thể cho HS chơi trò chơi “*Rung chuông vàng*” để củng cố bảng trừ trong phạm vi 6.

32. Luyện tập

MỤC TIÊU

- Thuộc bảng trừ trong phạm vi 6.
- Vận dụng được bảng trừ trong phạm vi 6 để tính toán và xử lí các tình huống trong cuộc sống.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bảng phụ có nội dung BT 3.
- Hình ảnh nội dung BT 2, bức tranh BT 5 trong SGK.
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động: Cho HS chơi trò “*Truyền điện*” bài 1.



HĐ 2. Luyện kĩ năng vận dụng các bảng trừ đã học và so sánh các số.

Bài 2. GV chiếu BT 2 hoặc HS quan sát SGK và nêu yêu cầu. Lần lượt một số HS nêu kết quả từng phép tính. Sau đó HS nêu câu trả lời cho mỗi câu hỏi. HS chép bài vào Vở bài tập Toán.

Bài 3. GV chiếu bài 3 lên màn hình hoặc cho HS quan sát SGK, nêu yêu cầu bài toán.

- Chia HS thành ba nhóm, mỗi nhóm làm 1 câu. Gọi 3 HS lên làm vào bảng phụ, còn lại làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán.
- HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng phụ và chữa bài vào Vở bài tập Toán. HS đổi vở kiểm tra chéo.

HĐ 3. Làm quen với dãy số

Bài 4. HS quan sát SGK, thảo luận nhóm đôi để tìm ra quy luật của dãy số và làm bài.

– GV cho đại diện các nhóm báo cáo kết quả và chũa bài.

Đáp án: 2, 4, 6, 8, 10.



HĐ 4. Vận dụng

Bài 5. GV chiếu bài 5 lên màn hình hoặc cho HS quan sát SGK. HS nêu yêu cầu của bài toán. Lưu ý hai tình huống ứng với hai phép toán cộng và trừ.

– HS thảo luận theo nhóm 4 cách phát biểu bài toán và viết phép tính tương ứng.

– Đại diện một số nhóm báo cáo kết quả. Các bạn nhận xét và chũa bài.

Đáp án: $3 + 3 = 6$ hoặc $6 - 3 = 3$.



HĐ 5. Củng cố bài bằng trò chơi “*Rung chuông vàng*”: 1 bài về phép trừ trong phạm vi 6, 1 bài về dãy tính có dấu +, dấu – và 1 bài về dãy tính kết hợp so sánh.

33. Bảng cộng 4 trong phạm vi 10

MỤC TIÊU

- Bước đầu thực hiện được các phép tính trong bảng cộng 4.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; que tính cho cá nhân HS và cho GV; bảng phụ.
- Các tranh vẽ hoặc trang trình chiếu nội dung các bài như ở SGK.

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

GV có thể tổ chức HD khởi động linh hoạt. Tuy nhiên có thể cân nhắc gợi ý sau:

- Cho HS ôn lại bảng cộng 3 trong phạm vi 10 qua hình thức trò chơi “*Truyền điện*”:
 - GV “châm ngòi” và đọc 1 phép tính đầu tiên: Ví dụ $1 + 3$, rồi yêu cầu 1 HS trả lời để HS đó bật ra kết quả thật nhanh.
 - HS trả lời đúng thì được truyền điện cho bạn khác. Cứ như vậy cho đến hết bảng cộng 3.



HĐ 2. Hình thành bảng cộng 4 trong phạm vi 10

a. Hướng dẫn HS học phép cộng $4 + 1 = 5$ và $1 + 4 = 5$

Bước 1: Thao tác với que tính phép cộng $4 + 1 = 5$.

– GV và HS cùng thao tác với que tính: “Có 4 que tính, lấy thêm 1 que tính. Hỏi có tất cả mấy que tính?”.

– Gọi một số HS nêu lại: “Có 4 que tính lấy thêm 1 que tính được 5 que tính”.

Bước 2: GV giờ que tính nói: “Bốn cộng một bằng mấy?”

– GV viết bảng: $4 + 1 = 5$ và đọc: “Bốn cộng một bằng năm”.

– Chỉ vào phép tính $4 + 1 = 5$ và gọi một vài HS nhắc lại.

Bước 3: Hướng dẫn HS học phép cộng $1 + 4 = 5$.

– GV nêu “1 cộng 4 bằng mấy?”

– GV ghi bảng: $1 + 4 = 5$. HS nhắc lại.

– GV chỉ vào phép tính $4 + 1 = 5$ và $1 + 4 = 5$. HS đọc hai phép tính trên.

– GV cho HS nhận xét kết quả của hai phép tính trên và chốt lại: “Lấy bốn cộng một cũng như lấy một cộng bốn”.

– GV chốt: “5 bằng mấy cộng mấy?” (5 bằng 4 cộng 1 ; 5 bằng 1 cộng 4).

b. Hướng dẫn HS học phép cộng $4 + 2 = 6$, tương tự phép cộng $4 + 1 = 5$

c. Hướng dẫn HS học các phép cộng còn lại

– GV chia lớp thành các nhóm 4 yêu cầu các nhóm thảo luận để hình thành các phép tính cộng 4 trong phạm vi 10.

– Các nhóm trả lời, GV viết thành bảng cộng 4 trong phạm vi 10.

– Cho một vài HS đọc lại bảng cộng 4.

d. Hướng dẫn HS học bảng cộng 4

– GV giúp HS ghi nhớ bảng cộng 4 bằng nhiều hình thức như: xoá một vài chữ số ở các cột trong bảng cộng hoặc hỏi: “7 bằng 4 cộng mấy?” hoặc “4 cộng mấy thì bằng 7?”.

– GV viết hoặc chiếu lên bảng toàn bộ bảng cộng 4 trong phạm vi 10.

* HS thi đố nhau học thuộc bảng cộng 4 trong phạm vi 10.



HĐ 3. Thực hành – luyện tập

Bài 1. GV cho HS đọc và phân tích yêu cầu bài toán.

– Có thể tổ chức dưới hình thức trò chơi “Tiếp sức”.

– HS nhận xét, GV thông nhất kết quả đúng.

– Khen ngợi HS làm bài đúng.

Bài 2. GV cho HS đọc và phân tích yêu cầu của bài theo nhóm đôi.

- HS dựa vào bảng cộng 4 để tìm số thích hợp thay cho dấu ?, đại diện nhóm chưa bài, nhóm khác nhận xét. GV chiếu kết quả đúng.
- HS đổi chiếu với bài làm trong Vở bài tập Toán.

Bài 3. GV yêu cầu HS đọc đề để hiểu đề bài.

- HS làm bài vào Vở bài tập Toán, thực hiện $1 + 3 = 4$ rồi tiếp tục thực hiện $4 + 4 = 8$.
- GV chốt cách làm và chiếu bài lên bảng. HS đổi chiếu bài làm của mình.



HĐ 4. Vận dụng

Bài 4. GV tổ chức linh hoạt

- Chiếu bức tranh ở bài 4.
- Đọc đề và phân tích đề.
- HS nêu bài toán theo tranh vẽ và nêu phép cộng thích hợp: $4 + 3 = 7$ hoặc $3 + 4 = 7$.



HĐ 5. Củng cố

- GV tổ chức củng cố linh hoạt (tùy khả năng của học sinh).
- Cho HS vận dụng bảng cộng vừa học vào cuộc sống. Ví dụ: Em có 4 quả bóng, anh cho thêm 1 quả bóng, vậy có tất cả 5 quả bóng,...
- Khích lệ HS về nhà vận dụng bài học vào cuộc sống.

34. Luyện tập

MỤC TIÊU

- Thuộc bảng cộng 4 trong phạm vi 10.
- Vận dụng được bảng cộng 4 để tính toán và xử lí các tình huống trong cuộc sống.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1.
- Bảng phụ có nội dung BT 2, 4.
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

GV có thể tổ chức HD linh hoạt tùy thuộc tình hình cụ thể của lớp. Tuy nhiên có thể cân nhắc gợi ý sau: GV cho HS ôn lại bảng cộng 4 trong phạm vi 10 bằng cách đố

bạn: Một HS hỏi, một HS trả lời. Trả lời đúng có quyền đó bạn tiếp theo cho đến hết các phép tính trong bảng cộng 4 hoặc trò chơi “*Truyền điện*”.



HĐ 2. Thực hành – luyện tập

Bài 1. Có thể cho HS làm bài theo cặp đôi: HS 1 nêu phép tính thứ nhất, HS 2 trả lời; HS 2 nêu phép tính thứ 2, HS 1 trả lời và cùng ghi kết quả. GV chừa bài.

Bài 2. GV chiếu bài toán lên bảng hoặc cho HS nhìn SGK, yêu cầu HS nêu bài toán.

Với loại bài này, HS thường nhầm kết quả rồi chọn kết quả đó với số tương ứng. Chẳng hạn, HS nhầm $4 + 4 = 8$, nói với số 8.

Sau đó HS tự làm vào Vở bài tập Toán, GV theo dõi, hỗ trợ HS gặp khó khăn khi làm bài. HS kiểm tra, đổi chiếu bài làm của mình.

Bài 3. GV cho HS đọc đề bài, phân tích và thảo luận cách làm: đầu tiên thực hiện phép tính cộng, trừ, ghi kết quả vào bên cạnh từng phép tính, sau đó chọn số tương ứng trên bông hoa.

GV chừa bài. HS có thể làm việc độc lập hoặc theo cặp đôi.

Bài 4. GV chiếu bài tập lên bảng hoặc cho HS nhìn SGK, nêu cách làm rồi viết vào bảng phụ.

– HS tính rồi tìm số thích hợp thay cho dấu ? ($2 + 4 = 6$, chọn 6 thay cho dấu ? thứ nhất; $6 - 2 = 4$, chọn 4 thay cho dấu ? thứ hai; $4 + 3 = 7$, chọn 7 thay cho dấu ? cuối cùng).

– GV chừa cách làm lên bảng, HS đổi chiếu bài làm của mình.



HĐ 3. Vận dụng

Bài 5. GV chiếu bài lên bảng hoặc cho HS nhìn SGK.

HS làm việc theo cặp, cùng nhau nêu đề toán theo tranh vẽ và tìm phép tính cộng thích hợp: $5 + 4 = 9$ hoặc $4 + 5 = 9$.



HĐ 4. Củng cố

– GV tổ chức củng cố một cách linh hoạt.

– Có thể cho học sinh tự nêu những bài toán vận dụng bảng cộng 4 trong cuộc sống.

35. Số 0 trong phép cộng

MỤC TIÊU

- Tính nhẩm được một số cộng với 0 và 0 cộng với một số.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bảng phụ.
- Đồ vật thật (hai đĩa táo, một đĩa 3 quả và một đĩa 2 quả).
- Máy chiếu, máy chiếu vật thể (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

GV có thể cho HS ôn lại kết quả các bảng cộng đã học hoặc ôn lại tình huống thực tế tương ứng với phép cộng. Chẳng hạn, cho HS mô tả tình huống tương ứng với phép cộng $3 + 2 = 5$; $2 + 1 = 3$; ...



HĐ 2. Phép cộng với 0

a. Hình thành biểu tượng ban đầu về kết quả cộng với 0

Gợi ý các phương án sau:

Phương án 1: Nhìn hình vẽ và nêu phép tính cộng tương ứng.

– GV cho HS quan sát hình vẽ (giống SGK).

– GV yêu cầu HS nhìn tranh vẽ thứ nhất, thứ hai, thứ ba rồi nêu phép cộng tương ứng.

– HS sẽ mô tả:

○ Đĩa thứ nhất có 3 quả, đĩa thứ hai có 2 quả, tất cả có 5 quả; có phép tính $3 + 2 = 5$ và $2 + 3 = 5$.

○ Đĩa thứ nhất có 3 quả, đĩa thứ hai có 1 quả, tất cả có 4 quả; có phép tính $3 + 1 = 4$ và $1 + 3 = 4$.

○ Đĩa thứ nhất có 3 quả, đĩa thứ hai có 0 quả, tất cả có 3 quả; có phép tính $3 + 0 = 3$ và $0 + 3 = 3$.

Phương án 2: GV có thể thao tác trên đồ vật thật, trên mô hình hai đĩa táo.

– GV yêu cầu HS nêu phép tính: $3 + 2 = 5$ và $2 + 3 = 5$.

– GV bớt ở đĩa thứ hai một quả và yêu cầu HS quan sát, nêu phép tính: $3 + 1 = 4$ và $1 + 3 = 4$.

– GV bớt tiếp ở đĩa thứ hai một quả nữa (lúc này đĩa không còn quả nào) và yêu cầu HS quan sát, nêu phép tính: $3 + 0 = 3$ và $0 + 3 = 3$.

b. Cung cõi để đi đến kết luận kết quả cộng một số với 0

GV tiếp tục treo tranh vẽ các hình ảnh tương tự đã chuẩn bị:

- Yêu cầu HS mô tả tranh và nêu phép tính cộng tương ứng.
- HS sẽ mô tả và nêu các phép tính cộng:

$$2 + 0 = 2 \text{ và } 0 + 2 = 2$$

$$4 + 0 = 4 \text{ và } 0 + 4 = 4$$

$$5 + 0 = 5 \text{ và } 0 + 5 = 5$$

$$0 + 0 = 0$$

- GV gợi ý HS nêu kết luận “Khi cộng một số với 0 thì kết quả thế nào?”. Một vài HS sẽ trả lời theo ý của mình.
- GV chốt lại kết luận như SGK.



HD 3. Thực hành – luyện tập

Bài 1. GV cho HS quan sát và giải thích hình vẽ: “Đây là các **máy tính cộng**, cứ cho một số ở **đầu vào** thì máy tính sẽ thực hiện phép cộng với số có sẵn và cho kết quả ở **đầu ra**”. GV cho HS phân tích mẫu: vì $5 + 0 = 5$ nên ở đầu ra, máy cho kết quả là 5.

- HS phát hiện có các máy cộng 0; máy cộng 4 và máy cộng 3.
- GV cho HS làm việc theo nhóm đôi, trao đổi và tìm kết quả thay cho đầu ?.
- Cả lớp thống nhất kết quả làm bài.

Bài 2. GV cho HS tự đọc đề bài và làm bài vào Vở bài tập Toán. HS kiểm tra chéo kết quả của nhau. GV lưu ý nhấn mạnh thêm trường hợp $0 + 0 = 0$.

Bài 3. GV cho HS tự đọc đề bài và làm bài vào Vở bài tập Toán. Lưu ý thực hiện phép tính với hai số đầu, được kết quả cộng tiếp số thứ ba. HS kiểm tra chéo kết quả của nhau.



HD 4. Vận dụng

Bài 4. GV cho HS tự làm bài theo nhóm. HS quan sát hình vẽ, mô tả tình huống và viết phép cộng thích hợp.

- GV cho HS nêu tình huống và phép tính khi chưa bài chung.
- Tình huống: “Lòng thứ nhất có 5 con gà, lòng thứ hai không có con gà nào (có 0 con gà), cả hai lòng có 5 con gà”.
- Ghi phép cộng tương ứng: $5 + 0 = 5$ và $0 + 5 = 5$.



HĐ 5. Củng cố

Có thể tổ chức HĐ sau:

- GV cho HS nêu kết luận về kết quả cộng một số với 0 và 0 cộng với một số.
- GV yêu cầu HS nêu một vài tình huống liên quan tới “một số cộng với 0”.
- GV cho HS chơi trò chơi thực hiện các phép cộng, trong đó có liên quan đến các bảng cộng đã học và cộng với 0.

36. Luyện tập

MỤC TIÊU

- Vận dụng được phép cộng có số 0 trong tính toán.
- Lắp ghép được các hình khối theo yêu cầu.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bảng phụ có nội dung BT 2.
- Các tranh vẽ có nội dung như ở SGK.
- Bộ ĐDHT cá nhân.

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

- GV cho HS nêu kết quả một vài phép cộng (trong đó có phép tính cộng với 0).
- Có thể cho HS nêu một số tình huống thực tế ứng với phép tính cộng với 0, chẳng hạn: $3 + 0 = 3$; $0 + 5 = 5$.



HĐ 2. Luyện tập

Bài 1. Có thể có các cách sau:

- GV cho HS tự nhẩm, ghi kết quả vào Vở bài tập Toán.
- GV đố HS trên lớp, lần lượt nêu ngẫu nhiên phép tính, HS đọc kết quả.
- GV tổ chức trò chơi “*Truyền điện*”, “*Ném bóng*”, “*Hái hoa dân chài*”,... để củng cố về tìm kết quả các phép tính cộng với 0.

Bài 2. GV cho HS phân tích mẫu, giải thích vì sao chọn chú chó ứng với số 1 ở cục xương (vì $4 + 0 - 3 = 1$).

- HS tự làm bài vào Vở bài tập Toán, tính và ghi kết quả dưới phép tính (hoặc tính nhẩm trong đầu), rồi nối bằng bút chì.

- GV cho HS nêu cách nối (có thể dùng bảng phụ hoặc chiếu trang trình chiếu, hiện dần từng đường nối theo thứ tự bắt đầu từ chú mèo, sau đó là gấu và thỏ).
- Các bạn ở dưới tự kiểm tra kết quả nối của mình.

Bài 3. GV cho HS nêu cách làm và sau đó từng HS tự làm bài vào Vở bài tập Toán.

GV cho HS lên bảng thực hiện từng bước điền số vào ô trống.

Bài 4. GV cho HS thảo luận nêu cách làm câu thứ nhất của bài 4: tìm kết quả của các phép tính $5 + 0$, $5 - 0$, dùng bút chì ghi kết quả dưới mỗi phép tính, sau đó so sánh và chọn dấu ($<$, $>$, $=$) thích hợp thay cho dấu ?.

– HS làm việc tiếp và kiểm tra chéo kết quả.

– Khi chưa bài, GV cho HS nêu và giải thích kết quả.



HĐ 3. Vận dụng

Bài 5. GV cho HS làm việc theo nhóm (để đủ số lượng khối hình lắp ghép). HS thảo luận và thử lắp ghép, có thể có các cách lắp ghép khác nhau.

– GV khuyến khích HS đưa ra các phương án lắp ghép khác nhau với câu b.



HĐ 4. Củng cố

GV có thể cho HS nêu lại tính chất “cộng một số với 0”. Cho HS nêu một số tình huống khác nhau về cộng với số 0.

37. Số 0 trong phép trừ

MỤC TIÊU

- Tính nhầm được một số trừ đi 0.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bảng phụ.
- Các tranh vẽ hoặc trang trình chiếu nội dung như ở SGK và một số tranh tương tự.
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

- GV có thể cho HS ôn lại kết quả các bảng trừ đã học hoặc ôn lại tình huống thực tế tương ứng với phép trừ. Chẳng hạn, cho HS mô tả tình huống tương ứng với phép trừ $5 - 2 = 3$.

- GV cũng có thể gợi ý HS đặt vấn đề như sau: Ta biết một số cộng với 0 bằng chính nó, số 0 cộng với số nào cũng bằng chính số đó. Có thể dự đoán gì về phép trừ cho số 0? HS sẽ thảo luận và đưa ra dự đoán của mình.



HĐ 2. Phép trừ đi 0

a) Hình thành biểu tượng ban đầu về kết quả phép tính một số trừ đi 0.

Gợi ý các phương án sau:

Phương án 1: Nhìn hình vẽ và nêu phép tính trừ tương ứng.

- GV cho HS quan sát hình vẽ (giống SGK).

- GV yêu cầu HS nhìn tranh vẽ thứ nhất, thứ hai, thứ ba nêu phép trừ tương ứng.

- HS sẽ mô tả:

- Trong bình có 3 con cá, vớt ra 2 con, còn lại 1 con; ta có phép trừ $3 - 2 = 1$.

- Trong bình có 3 con cá, vớt ra 1 con, còn lại 2 con; ta có phép trừ $3 - 1 = 2$.

- Trong bình có 3 con cá, vớt ra 0 con (không vớt con nào), còn lại 3 con; ta có phép trừ $3 - 0 = 3$.

Phương án 2: Dùng que tính.

b) Nhắc lại, cũng có để đi đến kết luận kết quả phép tính một số trừ đi 0.

- GV tiếp tục treo tranh vẽ hoặc chiếu các hình ảnh tương tự đã chuẩn bị.

- Yêu cầu HS mô tả tranh và nêu phép trừ tương ứng.

- HS sẽ nêu kết quả các phép trừ ($2 - 0 = 2$, $4 - 0 = 4$, $5 - 0 = 5$).

- GV gợi ý HS nêu kết luận “Một số trừ đi 0 thì kết quả thế nào?”. Một vài HS sẽ trả lời theo ý của mình. HS thống nhất: “Một số trừ 0 bằng chính số đó”.

- GV cho HS nêu kết quả tính:

$$3 - 3 = ?$$

$$2 - 2 = ?$$

- Một vài HS nêu ý kiến, GV gợi ý học sinh nêu khái quát: “một số trừ đi chính nó bằng 0”.

- GV chốt lại kết luận như SGK.



HĐ 3. Luyện tập

Bài 1. GV cho HS tự đọc đề bài và làm bài vào Vở bài tập Toán. HS kiểm tra chéo kết quả của nhau.

Bài 2. GV cho HS quan sát hình vẽ và giới thiệu “đây là máy tính”. HS quan sát, thảo luận và giải thích hình vẽ (tương tự máy tính cộng ở tiết 35).

- HS phát hiện có ba máy trừ 0; một máy cộng trước, trừ sau (cộng 4 rồi trừ 0).
- GV cho HS làm việc theo nhóm đôi, thảo luận và điền kết quả vào ô trống.
- Cả lớp thống nhất kết quả làm bài.

Bài 3. GV cho HS tự đọc đề bài và làm bài vào Vở bài tập Toán. HS kiểm tra chéo kết quả của nhau.

GV lưu ý thêm trường hợp $2 - 2 = 0$.



HĐ 4. Vận dụng

Bài 4. GV cho HS tự đọc đề bài và làm bài vào Vở bài tập Toán. HS kiểm tra chéo kết quả của nhau.

Có thể cho HS nêu cách làm một vài câu. Chẳng hạn, để tính $3 - 3 + 2$, ta thực hiện từ trái sang phải, đầu tiên lấy $3 - 3$ được 0, rồi lấy $0 + 2$ được 2.

Vậy: $3 - 3 + 2 = 2$.



HĐ 5. Củng cố

Có thể tổ chức HĐ sau:

- GV cho HS nêu kết luận về kết quả một số trừ đi 0.
- GV yêu cầu HS nêu một vài tình huống liên quan tới “một số trừ đi 0” và “một số trừ đi chính nó”.
- GV cho HS chơi trò chơi thực hiện các phép trừ, trong đó có liên quan đến các bảng trừ đã học và trừ đi 0.

38. Luyện tập

MỤC TIÊU

- Vận dụng được một số trừ đi 0 trong tính toán.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bảng phụ; bộ ĐDHT.
- Các tranh vẽ hoặc trang trình chiếu có nội dung như ở SGK.
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

GV có thể cho HS nêu kết quả một vài phép tính (trong đó có phép tính một số trừ đi 0).



HĐ 2. Luyện tập

Bài 1. GV có thể tổ chức trò chơi “*Truyền điện*”, “*Ném bóng*”, “*Hái hoa dân chủ*”,... để củng cố về tìm kết quả các phép tính trừ đi 0 (vẫn kèm theo những phép tính cộng, trừ đã học, trong đó có phép tính cộng với 0).

Bài 2. HS tự làm bài, tính và viết kết quả vào Vở bài tập Toán.

- Khi chũa bài, GV yêu cầu HS giải thích cách làm.
- Cả lớp theo dõi và tự kiểm tra lại bài làm của mình.

Bài 3. GV cho HS tự làm bài vào Vở bài tập Toán.

- GV có thể cho một HS lên bảng thực hiện.
- HS đổi vở, kiểm tra chéo kết quả bài làm của nhau.

Bài 4. GV cho HS làm việc nhóm đôi và thảo luận, tìm quy luật rồi tự tính và tìm số thích hợp thay cho dấu ?. Sau đó GV chũa bài.

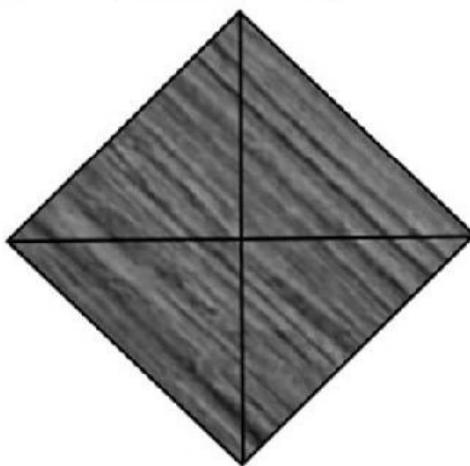


HĐ 3. Vận dụng

Bài 5. GV cho HS thảo luận cách lắp ghép các mảnh gỗ đã cho thành hình mẫu cho trước. HS có thể thử lắp theo các cách khác nhau. HS có thể vẽ đường ranh giới giữa các mảnh hình trên hình mẫu.

GV cho HS thực hành lắp ghép theo bộ hình có sẵn. Cần khuyến khích các cách lắp ghép khác nhau.

Đáp án:



HĐ 4. Củng cố

GV có thể cho HS chơi trò chơi “*Luyện tính*”, trong đó có các phép tính cộng, trừ đã học, gồm cả phép cộng với 0 và trừ đi 0.

39. Bảng cộng 5 trong phạm vi 10

MỤC TIÊU

- Bước đầu thực hiện được các phép tính trong bảng cộng 5.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bảng phụ; que tính cho GV và HS.
- Trang trình chiếu nội dung như SGK.

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

GV có thể cho HS ôn lại:

- Các kết quả của bảng cộng trước đó.
 - Tình huống có thể ghi lại bằng phép cộng (tình huống “thêm vào” hay “gộp”).
- GV đặt vấn đề cho việc xây dựng bảng cộng 5.



HĐ 2. Xây dựng bảng cộng 5

- GV cho HS nêu các phép tính cộng trong bảng cộng 5 (chưa nêu kết quả).

GV có thể viết theo lời mô tả của HS các phép tính ở cột thứ nhất (chưa có kết quả):

$$\begin{array}{r} 5 + 1 = \\ 5 + 2 = \\ 5 + 3 = \\ \hline \end{array}$$
$$\begin{array}{r} 5 + 4 = \\ 5 + 5 = \\ \hline \end{array}$$

Sau đó HS nêu cách tìm các kết quả trong bảng cộng 5.

- GV có thể cho HS làm việc theo nhóm đôi hoặc làm việc cá nhân. GV cho HS tự lập bảng cộng 5 theo các cách:

Với một số trường hợp, HS có thể suy từ bảng đã biết, chẳng hạn, ta đã biết $2 + 5 = 7$ và $5 + 2 = 7$;

HS cũng có thể dùng que tính để thực hiện các phép cộng: Thực hiện thao tác thêm 5 que tính, viết kết quả ở cột một, sau đó suy ra kết quả ở cột hai.

- GV cho HS nêu thông nhất kết quả xây dựng bảng cộng 5.
- GV giúp HS thuộc bảng cộng 5. GV có thể dùng các kĩ thuật khác nhau:
 - Đọc thuộc bảng cộng 5 theo thứ tự đọc ghi nhớ các kết quả từ $5 + 1 = 6$ đến $5 + 5 = 10$ (ở cột thứ nhất).
 - Xoá một số kết quả trung gian, yêu cầu HS nêu bổ sung.
 - Cho HS nêu kết quả ngẫu nhiên trong bảng cộng 5.



HĐ 3. Thực hành – luyện tập

Bài 1. GV có thể có các cách khác nhau, chẳng hạn:

- Cho HS làm bài cá nhân, viết kết quả tính vào Vở bài tập Toán.
- Cho HS đố nhau theo nhóm đôi.
- Tổ chức trò chơi nhằm học thuộc bảng cộng 5.

Bài 2. Bài này yêu cầu HS phải nhớ kết quả các phép tính trong bảng cộng 5, thử “ướm” các số vào ô trống, khi nào với số thích hợp được kết quả đúng thì viết số đó vào ô trống.

Chẳng hạn, với câu $? + 5 = 10$. HS sẽ thử $1 + 5 = 6$ (không thích hợp), $2 + 5 = 7$ (không thích hợp), $5 + 5 = 10$ (thích hợp). Vậy chọn số 5 thay cho dấu $?$ (Với HS khá, đã thuộc bảng cộng 5 thì sẽ phát hiện nhanh kết quả cần điền số thay cho dấu $?$).

- HS tự làm các ý còn lại, sau đó kiểm tra chéo kết quả làm bài của nhau.

Bài 3. GV cho HS tự làm vào Vở bài tập Toán. Trước hết phải tính và ghi kết quả dưới phép tính đó. Sau đó tìm cách chọn dấu ($>$, $<$, $=$) thích hợp thay cho dấu $?$.

- HS kiểm tra chéo kết quả làm bài của nhau.
- Khi chữa bài, HS tự giác đánh giá bài làm, sửa các ý làm sai.



HĐ 4. Vận dụng

Bài 4. GV cho HS quan sát tranh, mô tả (HS sẽ mô tả theo các cách khác nhau).

- HS tìm phép cộng thích hợp.
- HS tự làm bài, sau đó GV cho HS nêu kết quả của mình, đồng thời giải thích (nêu tình huống phù hợp phép cộng).
- *Chú ý:* HS có thể nêu hai phép cộng: $3 + 5 = 8$ và $5 + 3 = 8$.



HĐ 5. Cứng cỗ

GV có thể tổ chức cứng cỗ cho HS:

- Học thuộc bảng cộng 5.
- Chơi trò chơi luyện nhớ các kết quả trong bảng cộng 5.
- Nêu các tình huống ứng với phép cộng hai số, trong đó có một số là 5.

40. Luyện tập

MỤC TIÊU

- Thuộc bảng cộng 5 trong phạm vi 10.
- Vận dụng được bảng cộng 5 để tính toán và xử lý các tình huống trong cuộc sống.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bảng phụ có nội dung BT 3, 5.
- Các tranh vẽ hoặc trang trình chiếu nội dung như ở SGK.
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

GV có thể cho HS nêu một vài kết quả trong bảng cộng 5.



HĐ 2. Luyện tập

Bài 1. Có thể có các cách sau:

- GV cho HS tự làm, ghi kết quả vào Vở bài tập Toán.
- GV cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh hơn”, thực hiện các phép tính trong phạm vi 5.
- GV đố HS trên lớp như lần lượt nêu ngẫu nhiên phép tính, HS đọc kết quả.
- GV tổ chức trò chơi “Truyền điện” để ghi nhớ kết quả bảng cộng 5.

Bài 2.

- GV cho HS tự phân tích phép tính thứ nhất rồi nêu kết quả chọn tương ứng (5 – 0 tương ứng với 5).
- GV cho HS nêu cách làm và kết quả chọn (HS làm trên bảng và có giải thích cách làm của mình).
- HS đổi bài, kiểm tra chéo bài làm của bạn.

Bài 3. GV cho HS đọc tìm hiểu đề bài và tự làm bài vào Vở bài tập Toán.

- HS đổi vở kiểm tra chéo kết quả làm bài của nhau.
- GV cho HS nêu kết quả chọn dấu $>$, $<$, $=$ để điền vào ô trống, có giải thích cách làm.

Bài 4. GV cho HS nêu lại cách tính, sau đó HS tự làm bài.

- Từng HS làm bài, ghi kết quả tính vào Vở bài tập Toán.
- HS kiểm tra chéo kết quả làm bài của nhau.
- Cả lớp thống nhất kết quả từng bước tính và kết quả tính từng câu.



HĐ 3. Vận dụng

Bài 5. Có thể thực hiện theo cách sau:

- GV cho HS làm việc theo nhóm đôi: HS nhìn tranh vẽ sau đó tự phân tích, thảo luận cách điền phép cộng vào ô trống.

Thảo luận cách giải thích từng phép cộng của mình.

Kết quả có thể là $4 + 5 = 9$ hoặc $5 + 4 = 9$.

- GV yêu cầu HS thống nhất kết quả điền vào ô trống, yêu cầu HS giải thích (nêu tình huống tương ứng từng phép cộng).

Chú ý: HS có thể có các cách biểu đạt khác nhau, cần động viên HS diễn đạt bằng lời nói của mình.



HĐ 4. Củng cố

GV có thể cho HS ôn tập, củng cố các kiến thức trọng tâm sau:

- Các bảng cộng 5, 4, 3, 2 trong phạm vi 10.
- Nêu tình huống tương ứng với phép cộng (trong phạm vi các bảng cộng đã học).

41. Bảng trừ trong phạm vi 7

MỤC TIÊU

- Bước đầu thực hiện được phép trừ trong phạm vi 7.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bảng phụ; que tính cho GV và HS.
- Tranh vẽ phóng to các trang SGK của bài học.

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

- GV có thể cho HS ôn lại:
 - Các kết quả ở một số bảng trừ đã học.
 - Tình huống có thể ghi lại bằng phép trừ (tình huống “bớt đi” hay “tìm bộ phận chưa biết”).
- GV đặt vấn đề cho việc tìm kết quả phép trừ dạng “7 trừ đi một số”.



HĐ 2. Xây dựng bảng trừ trong phạm vi 7

1. GV cho HS nêu các phép tính dạng “7 trừ đi một số” (chưa nêu kết quả).

– GV có thể viết theo lời mô tả của HS các phép tính (chưa có kết quả):

$$7 - 1 =$$

$$7 - 3 =$$

$$7 - 5 =$$

$$7 - 7 =$$

$$7 - 2 =$$

$$7 - 4 =$$

$$7 - 6 =$$

– Sau đó HS nêu cách tìm các kết quả lần lượt từ $7 - 1$ đến $7 - 7$.

2. GV có thể cho HS làm việc theo nhóm đôi hoặc làm việc cá nhân. GV cho HS tự lập bảng theo cách: HS dùng que tính để thực hiện các phép trừ. Thực hiện thao tác “lấy 7 que tính, bớt đi... que, còn lại... que tính”, viết kết quả.

3. GV cho HS thống nhất kết quả, từ đó xây dựng bảng trừ trong phạm vi 7.

4. GV giúp HS thuộc bảng trừ trong phạm vi 7. GV có thể dùng các kĩ thuật khác nhau:

– Đọc thuộc bảng theo thứ tự đọc ghi nhớ các kết quả từ $7 - 1 = 6$ đến $7 - 7 = 0$.

– Xoá một số kết quả trung gian, yêu cầu HS nêu bổ sung.

– Cho HS nêu kết quả của phép tính ngẫu nhiên trong bảng.

...



HĐ 3. Thực hành – luyện tập

Bài 1. GV có thể áp dụng các cách khác nhau, chẳng hạn:

– Cho HS làm bài cá nhân, viết kết quả tính vào Vở bài tập Toán.

– Cho HS đố nhau theo nhóm đôi.

– Tổ chức trò chơi nhằm ôn lại và học thuộc bảng trừ trong phạm vi 7.

Bài 2. GV cho HS tự làm bài vào Vở bài tập Toán rồi kiểm tra chéo kết quả làm bài của nhau.

Bài 3. GV cho HS tự làm bài vào Vở bài tập Toán.

Khi chia bài, GV cho HS giải thích cách làm một số câu. Cả lớp tự giác đánh giá bài làm, sửa các câu làm sai.



HĐ 4. Vận dụng

Bài 4. Có thể cho HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm đôi.

– HS quan sát tranh vẽ, sau đó nêu phép trừ thích hợp.

– Có 7 cây giống, bạn đã lấy đi 2 cây, còn lại 5 cây. Có phép trừ $7 - 2 = 5$.

- GV có thể chấp nhận HS nêu phép trừ $7 - 5 = 2$, theo mô tả sau: Có tất cả 7 cây, trên luống đất còn 5 cây, vậy số cây đã lấy đi là $7 - 5 = 2$.



HĐ 5. GV có thể tổ chức cho HS:

- Học thuộc bảng trừ trong phạm vi 7.
- Chơi trò chơi “*Tiếp sức*” giúp HS luyện nhớ các kết quả của bảng trừ trong phạm vi 7 (trong đó bao gồm cả các phép tính trong các bảng cộng, bảng trừ đã học).
- Nêu một số tình huống thực tế ứng với phép trừ trong phạm vi 7.

42. Luyện tập

MỤC TIÊU

- Thuộc bảng trừ trong phạm vi 7.
- Vận dụng được bảng trừ trong phạm vi 7 để tính toán và xử lý các tình huống trong cuộc sống.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1.
- Tranh vẽ phóng to các trang SGK của bài học.

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động: GV có thể cho HS nêu kết quả một vài phép trừ trong phạm vi 7 (GV nêu phép tính, HS nêu nhanh kết quả. Hoặc GV cho HS đố nhau để nêu kết quả phép tính).



HĐ 2. Thực hành – luyện tập

Bài 1. Có thể tổ chức theo các cách sau:

- GV cho HS tự làm, ghi kết quả vào Vở bài tập Toán.
- GV tổ chức làm việc chung trên lớp, GV lần lượt nêu ngẫu nhiên phép tính, HS đọc kết quả.
- GV tổ chức trò chơi “truyền điện”, hoặc “ném bóng”, hoặc “hái hoa dân chủ” giúp HS ghi nhớ kết quả các phép trừ trong phạm vi 7.

Bài 2. Cho HS xác định yêu cầu của bài và GV hướng dẫn HS phân tích cách làm: trước hết phải tính (có thể ghi kết quả dưới phép tính đó). Sau đó so sánh hai kết quả và chọn dấu ($>$; $<$; $=$) thích hợp thay cho dấu ?. Cho HS tự làm bài vào vở bài tập Toán.

- Khi chũa bài, GV cho HS giải thích cách làm.
- HS tự kiểm tra bài làm của mình, HS nêu kết quả chọn dấu ($>$; $<$; $=$) thích hợp thay cho dấu ?, giải thích cho bạn vì sao.

Bài 3. GV cho HS tự làm bài. HS kiểm tra chéo kết quả làm bài của nhau.

GV cho HS nêu kết quả tính và giải thích cách làm.

Bài 4. HS làm việc theo cặp. Phân tích đầu bài, tìm quy luật sau đó xác định các số cần tìm thay cho dấu ?.

Cả lớp thống nhất kết quả.



HĐ 3. Vận dụng

Bài 5. Có thể thực hiện theo cách sau:

- GV cho HS làm việc theo nhóm: HS nhìn tranh vẽ, sau đó tự phân tích, thảo luận cách diễn phép tính vào ô trống (có hai phép trừ).
 - Tất cả có 7 quả cam xanh và vàng, nếu lấy đi 4 quả cam vàng thì còn lại 3 quả cam xanh. Ta có phép trừ: $7 - 4 = 3$.
 - Tất cả có 7 quả cam xanh và vàng, nếu lấy đi 3 cam xanh thì còn lại 4 quả cam vàng. Ta có phép trừ $7 - 3 = 4$.
- Khi chũa bài, GV yêu cầu một số nhóm lên trình bày kết quả làm bài và giải thích (nêu tình huống tương ứng với từng phép tính).

Chú ý: HS có thể có các cách diễn đạt khác nhau, cần khuyến khích HS diễn đạt bằng ngôn ngữ của mình.



HĐ 4. GV có thể cho HS ôn:

- Các phép trừ trong phạm vi 5, 6, 7.
- Tình huống tương ứng với phép tính trong phạm vi các bảng trừ đã học.

43. Bảng cộng 6, 7, 8, 9 trong phạm vi 10

MỤC TIÊU

- Bước đầu thực hiện được các phép cộng với 6, 7, 8, 9 trong phạm vi 10.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; hai bảng phụ cho trò chơi khởi động; bảng phụ có nội dung BT 2, 3; hình ảnh BT 4.
- Máy chiếu đa năng (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. GV treo bảng phụ đã ghi các phép tính và chọn hai đội HS (mỗi đội 4 người) chơi trò “*Tiếp sức*”: 1 đội điền kết quả của bảng cộng 6 và 1 đội điền kết quả của bảng cộng 7, thêm phép tính $9 + 1$. Từ đó dẫn HS vào bài.



HĐ 2. Bảng cộng 6, 7, 8, 9 trong phạm vi 10

- GV tổng kết từ trò chơi trên các bảng cộng 6, 7 và 9 trong phạm vi 10. Sau đó cho HS bổ sung thêm bảng cộng 8 trong phạm vi 10.
- Cho HS nhắc lại để ghi nhớ các bảng cộng 6, 7, 8, 9 trong phạm vi 10.



HĐ 3. Thực hành – luyện tập

Bài 1. Tổ chức trò chơi “*Truyền điện*” hoặc “*Ném bóng*” cho HS làm BT 1, sau đó chép vào Vở bài tập Toán.

Bài 2. Cho HS nêu yêu cầu bài 2 rồi chia lớp thành hai nhóm, một nhóm làm cột 1 và một nhóm làm cột 2 vào bảng phụ. Sau đó chọn một số ý chưa bằng máy chiếu đã nắng hoặc cho mỗi HS đọc chưa từng ý (nếu không có máy chiếu) hoặc GV ghi kết quả từng ý lên bảng theo HS.

GV chiếu đáp án lên màn hình, cho HS đổi vở kiểm tra chéo và hoàn chỉnh bài.

Bài 3. Cho HS nêu yêu cầu của bài, thảo luận và làm theo nhóm 4 trên bảng phụ. Sau đó gọi đại diện các nhóm lên trình bày, GV cho HS nhận xét, rồi chiếu đáp án lên màn hình (hoặc chiếu bài làm đúng của HS lên bảng), HS ghi kết quả vào Vở bài tập Toán.



HĐ 4. Vận dụng

Bài 4. GV chiếu bài 4 hoặc cho HS quan sát SGK rồi nêu yêu cầu bài toán.

HS thảo luận theo nhóm 4 rồi gọi đại diện nhóm chưa lần lượt theo yêu cầu.

- GV gợi ý: Trong rổ có 7 quả, trên tay có 2 quả, tất cả có 9 quả.
- Ta có phép tính: $7 + 2 = 9$. Yêu cầu HS diễn tả cách khác để có phép cộng khác.

Đáp án: $7 + 2 = 9$ hoặc $2 + 7 = 9$.



HĐ 5. Củng cố bài bằng trò chơi “*Truyền điện*” các bảng cộng 6, 7, 8, 9 vừa học.

44. Luyện tập

MỤC TIÊU

- Thuộc bảng cộng 6, 7, 8, 9 trong phạm vi 10.
- Vận dụng được bảng cộng 6, 7, 8, 9 để tính toán.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bảng phụ có nội dung BT 2, 4.
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động: GV cho HS tham gia trò chơi “*Truyền điện*” để giải BT 1.



HĐ 2. Củng cố kĩ năng vận dụng bảng cộng 6, 7, 8, 9 và so sánh các số trong phạm vi 10.

Bài 2. HS nêu yêu cầu của bài. Cho HS thảo luận nhóm đôi và làm bài vào Vở bài tập Toán.

- GV gọi đại diện các nhóm trình bày và chũa bài.
- HS chũa bài vào vở của mình.

Bài 3. GV chiếu bài 3 lên màn hình hoặc cho HS quan sát SGK nêu yêu cầu của bài rồi làm bài vào Vở bài tập Toán.

- GV chọn một số bài làm của HS chiếu lên hoặc gọi HS lên bảng trình bày rồi chũa.
- HS đổi vở kiểm tra chéo.

Bài 4. HS nêu yêu cầu của bài. GV giao cho mỗi dãy làm 1 cột vào bảng phụ. GV chọn một số bài chũa bằng máy chiếu vật thể hoặc cho HS trình bày rồi chũa.

HS hoàn thành bài vào Vở bài tập Toán rồi đổi vở kiểm tra chéo.

HĐ 3. Làm quen với dãy số.

Bài 5. HS quan sát SGK rồi nêu yêu cầu của bài. HS thảo luận nhóm đôi để tìm ra quy luật và làm bài.

- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả và chũa bài.

Đáp án: 1, 3, 5, 7, 9.



HĐ 4. Củng cố bài bằng trò chơi “*Rung chuông vàng*”: một bài về dãy tính, một bài về so sánh hai phép tính trong các bảng cộng vừa học và một bài về đếm hình. Chẳng hạn:

Chọn đáp án đúng:

Câu 1. Dãy tính $9 - 1 + 2$ có kết quả là:

- A. 6 B. 10 C. 9

Câu 2. Cho $4 + 6 \square 1 + 9$. Đấu thích hợp điền vào ô trống là:

- A. $>$ B. $<$ C. $=$

Câu 3. Cho dãy các số: 2, 2, 4, 4, 6, ?

Số thích hợp điền thay dấu ? là:

- A. 5 B. 6 C. 8

45. Bảng trừ trong phạm vi 8

MỤC TIÊU

- Bước đầu thực hiện được phép trừ trong phạm vi 8.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bảng phụ, que tính trong bộ ĐDHT.
- Máy chiếu phóng to nội dung bài học trong SGK (nếu có thể).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

Chẳng hạn, chia lớp thành các nhóm 5 thực hiện các yêu cầu: Viết lại bảng trừ trong phạm vi 7 vào bảng của nhóm. Đại diện các nhóm đọc kết quả đã làm trong bảng của nhóm. GV nhận xét chung và đặt vấn đề vào bài học mới.



HĐ 2. Hình thành bảng trừ trong phạm vi 8

1. Phép trừ $8 - 1 = 7$

Cho HS tự trải nghiệm để tìm ra phép trừ $8 - 1 = 7$. Cụ thể như sau:

- GV lấy 8 que tính trong bộ ĐDDH giơ lên trước lớp và yêu cầu từng HS trong lớp lấy ra 8 que tính (trong bộ ĐDHT cá nhân) đặt rải ra trên bàn học.
- GV giơ 8 que tính lên trước lớp và hỏi HS cả lớp: ta có mấy que tính? (có 8 que tính). Bây giờ các em bớt đi một que tính, hỏi còn lại mấy que tính?
- Yêu cầu HS tự làm cá nhân (bớt đi một que tính) và GV cũng làm như vậy trước lớp. Gọi vài ba HS lần lượt trả lời (còn 7 que tính), GV hướng dẫn HS trả lời đầy đủ “Tám que tính, bớt đi một que tính còn bảy que tính”. Gọi một vài HS nêu lại. GV thực hiện lại lần nữa, vừa làm vừa giơ trước lớp để HS quan sát, kết hợp nói

trước lớp “Tám que tính, bớt đi một que tính còn bảy que tính”. Vậy: “Tám trừ một bằng bảy”. Yêu cầu HS cả lớp đồng thanh nhắc lại: “Tám trừ một bằng bảy” và GV viết lên bảng: $8 - 1 = 7$.

2. Các phép trừ còn lại ở bảng trừ trong phạm vi 8

Cho HS tự trải nghiệm bằng que tính với các phép trừ $8 - 2 = 6$ và $8 - 3 = 5$ (với cách làm tương tự phép trừ $8 - 1 = 7$) để củng cố niềm tin, sau đó GV có thể nêu:

Các em cũng làm như vậy sẽ được các phép trừ: $8 - 4 = 4$; $8 - 5 = 3$; $8 - 6 = 2$; $8 - 7 = 1$ và ta có bảng trừ trong phạm vi 8.

Như vậy phần trình bày trên bảng của GV là toàn bộ bảng trừ trong phạm vi 8 (trình bày các phép trừ đọc bảng).

– GV gọi một vài HS đọc bảng trừ trong phạm vi 8 ở trên bảng, còn lại yêu cầu cả lớp đọc thầm.



HĐ 3. Thực hành – luyện tập

Bài 1. HS nêu yêu cầu của bài, cho HS làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán rồi gọi một vài HS đọc kết quả, HS khác nhận xét, GV kết luận.

Bài 2. Hướng dẫn HS nêu bài toán (tìm số thích hợp thay vào dấu ?) và cách làm bài rồi làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán, HS đổi vở kiểm tra chéo.

Lưu ý: Khi chữa bài 1 và bài 2, GV có thể cho HS đứng tại chỗ đọc lại kết quả các phép tính đã làm, chẳng hạn: “8 trừ 4 bằng 4” (bài 1) hay “Tám trừ ô trống bằng năm, tìm được số 3 thích hợp vì 8 trừ 3 bằng 5” (bài 2).

Bài 3. GV hướng dẫn HS xác định yêu cầu của bài và phân tích bài: so sánh hai số rồi chọn dấu ($<$, $>$, $=$), trong đó có một hoặc hai số cho không tường minh (là kết quả của một phép tính trừ hoặc phép tính cộng). Vì vậy, để so sánh được ta phải làm gì? (thực hiện phép tính trừ hoặc phép tính cộng, kết quả là hai số. Sau đó so sánh hai số đó để chọn dấu ($<$, $>$, $=$) cho phù hợp. Từ đó HS rút ra các bước làm bài này.

Cho HS làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán, HS kiểm tra lẫn nhau bằng cách đổi chéo vở cho nhau và GV chữa bài (có thể sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ).



HĐ 4. Vận dụng

Bài 4. BT này gắn một tình huống của bài toán bằng một phép tính trừ ứng với một bức tranh gần gũi với cuộc sống của HS. Với dạng BT này, cần khuyến khích HS chọn ra được phép trừ phù hợp với tình huống của bài toán. Có thể chia nhóm để HS trao đổi, tranh luận với nhau. GV sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ để chữa bài.



HĐ 5. Củng cố bài: GV cho HS nêu lại các phép trừ trong phạm vi 8 (có thể nhìn vào bảng trừ trong phạm vi 8 trên bảng và trả lời bằng miệng).

46. Luyện tập

MỤC TIÊU

- Thuộc bảng trừ trong phạm vi 8.
- Vận dụng được bảng cộng, bảng trừ đã học để tính toán và xử lí các tình huống trong cuộc sống.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bảng phụ.
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

Chẳng hạn, chia lớp thành các nhóm rồi tổ chức thi “*Tiếp sức*” giữa các nhóm: yêu cầu các nhóm viết bảng trừ trong phạm vi 8 vào bảng phụ. Nhóm nào viết đúng, đủ và nhanh nhất là nhóm thắng cuộc. GV nhận xét chung về cuộc thi.



HĐ 2. Luyện tập, củng cố về bảng cộng, bảng trừ đã học và thực hành tính

Bài 1. HS tính nhẩm, gọi một vài HS trả lời miệng, HS khác nhận xét. GV nhận xét, sửa sai sót cho HS hoặc có thể tổ chức dưới dạng trò chơi “*Ném bóng*”.

Bài 2. HS làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán, GV hướng dẫn HS (yêu, chậm) cách làm: Trước hết cần phải thực hiện phép tính (cộng hoặc trừ hai số, chẳng hạn $7 + 2$), kết quả là một số ($7 + 2 = 9$), bài toán tiếp theo là $9 < ?$, ta tìm số thích hợp trong các số đã cho ($0, 1, 4, 7, 10$) thay vào dấu $?$. Rõ ràng chỉ có 10 thoả mãn $9 < 10$. Vậy phải chọn số 10 ở bài toán trên. GV chữa bài (có thể sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ).

Bài 3. Cho HS làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán, HS kiểm tra lẫn nhau bằng cách đổi chỗ vở cho nhau và GV chữa bài (có thể sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ). Lưu ý HS thực hiện các phép tính từ trái sang phải.

Bài 4. HS làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán. Từng cặp HS kiểm tra bài làm của nhau và GV nhận xét bài làm của HS.



HĐ 3. Vận dụng

Bài 5. BT này gắn một tình huống của bài toán bằng một phép tính ứng với một bức tranh gần gũi với cuộc sống của HS. Cần khuyến khích HS chọn ra được phép tính

phù hợp với tình huống của bài toán. Có thể chia nhóm để HS trao đổi, tranh luận với nhau. GV sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ để chữa bài.

Đáp án: $8 - 3 = 5$.



HĐ 4. Củng cố

Có thể tổ chức trò chơi “*Hái hoa dân chủ*”, các bông hoa là những phép tính trừ trong phạm vi 8 đã học.

47. Bảng trừ trong phạm vi 9

MỤC TIÊU

- Bước đầu thực hiện được phép trừ trong phạm vi 9.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bảng phụ; que tính trong bộ ĐDHT.
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

Chẳng hạn, chia lớp thành các nhóm rồi thực hiện các yêu cầu: Viết lại bảng trừ trong phạm vi 8 vào bảng của nhóm. Đại diện các nhóm đọc kết quả đã làm trong bảng của nhóm. GV nhận xét chung và đặt vấn đề vào bài học mới.



HĐ 2. Hình thành bảng trừ trong phạm vi 9

Cách làm tương tự hình thành bảng trừ trong phạm vi 8.



HĐ 3. Thực hành – luyện tập

Bài 1. HS nêu yêu cầu của bài, cho HS làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán rồi cho một vài HS đọc kết quả, HS khác nhận xét, GV kết luận.

Bài 2. Hướng dẫn HS nêu yêu cầu bài toán (tìm số thích hợp thay cho dấu ?) và cách làm bài rồi làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán, cho HS kiểm tra lẫn nhau bằng cách đổi chỗ vở.

Lưu ý: Khi chữa bài 1 và bài 2, GV có thể cho HS đứng tại chỗ đọc lại kết quả các phép tính đã làm, chẳng hạn: “9 trừ 4 bằng 5” (bài 1) hay “chín trừ ? bằng hai, chọn số 7 thay dấu ? vì 9 trừ 7 bằng 2” (bài 2).

Bài 3. GV hướng dẫn HS xác định yêu cầu của bài, gợi ý HS: trước hết ta phải làm gì? (thực hiện phép tính trừ hoặc phép tính cộng), kết quả được hai số. Sau đó so sánh hai số đó để chọn dấu ($<$, $>$, $=$) cho phù hợp. Từ đó HS rút ra các bước làm bài này.

Cho HS làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán, HS kiểm tra lẫn nhau bằng cách đổi chỗo vở cho nhau và GV chũa bài (có thể sử dụng máy chiếu).



HĐ 4. Vận dụng

Bài 4. BT này gắn một tình huống của bài toán bằng một phép tính trừ ứng với một bức tranh gần gũi với cuộc sống của HS. Với dạng BT này, cần khuyến khích HS chọn ra được phép trừ phù hợp với tình huống của bài toán. Có thể chia nhóm để HS trao đổi, tranh luận với nhau. GV sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ để chũa bài.



HĐ 5. Củng cố: GV cho HS nêu lại các phép trừ đã học (có thể nhìn vào bảng trừ trong phạm vi 9 trên bảng và trả lời bằng miệng).

48. Luyện tập

MỤC TIÊU

- Thuộc bảng trừ trong phạm vi 9.
- Vận dụng được bảng cộng, bảng trừ đã học để tính toán và xử lí các tình huống trong cuộc sống.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bảng phụ.
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

Chẳng hạn, chia lớp thành các nhóm rồi tổ chức thi “*Tiếp sức*” giữa các nhóm: yêu cầu các nhóm viết bảng trừ trong phạm vi 9 vào bảng phụ. Nhóm nào viết đúng, đủ và nhanh nhất là nhóm thắng cuộc. GV nhận xét chung về cuộc thi.



HĐ 2. Thực hành – luyện tập

Bài 1. HS tính nhẩm, gọi một vài HS trả lời miệng, HS khác nhận xét. GV nhận xét, sửa sai sót cho HS hoặc có thể tổ chức dưới dạng trò chơi “*Truyền điện*”.

Bài 2. Cho HS làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán, HS kiểm tra lẫn nhau bằng cách đổi chỗ vở cho nhau và GV chừa bài (có thể sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ). Lưu ý HS thực hiện các phép tính từ trái sang phải.

Bài 3. HS làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán, GV hướng dẫn HS (yêu, chậm) cách làm: Trước hết cần phải thực hiện phép tính (cộng hoặc trừ hai số), chẳng hạn $9 - 4$, kết quả là một số ($9 - 4 = 5$), bài toán tiếp theo là $9 - 4 > ?$, ta chọn số thích hợp trong các số đã cho ($0, 2, 5, 8$). Rõ ràng chỉ có 0 và 2 thỏa mãn bé hơn 5 . Vậy ta chọn số 0 và 2 thay cho dấu $?$. GV chừa bài (có thể sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ).

Bài 4. HS làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán. Từng cặp HS kiểm tra bài làm của nhau và GV nhận xét bài làm của HS.



HĐ 3. Vận dụng

Bài 5. BT này gắn một tình huống của bài toán với một bức tranh gần gũi với cuộc sống của HS. Cần khuyến khích HS chọn ra được phép tính phù hợp với tình huống của bài toán. Có thể chia nhóm để HS trao đổi, tranh luận với nhau. GV sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ để chừa bài.



HĐ 4. Củng cố

Có thể tổ chức trò chơi “*Hái hoa dân chủ*”, các bông hoa là những phép tính trừ trong phạm vi 9 đã học.

49. Bảng trừ trong phạm vi 10

MỤC TIÊU

- Bước đầu thực hiện được phép trừ trong phạm vi 10 .
- Nhận dạng được khối lập phương trong một khối hình.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; hai bảng phụ cho trò chơi khởi động, bộ ĐDHT.
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. GV treo bảng phụ và chọn hai đội HS chơi trò chơi “*Tiếp sức*”: một đội điền kết quả của các phép tính $10 - 1, 10 - 3, 10 - 5, 10 - 7, 10 - 9$ và đội còn lại điền kết quả của các phép tính $10 - 2, 10 - 4, 10 - 6, 10 - 8, 10 - 10$. Từ đó dẫn HS vào bài.



HĐ 2. GV: Ta có 10 que tính (GV lấy từ bộ ĐDDH), ta bớt 1 que tính. Vậy còn lại (HS đếm rồi trả lời: 9 que tính). Ta có phép tính: $10 - 1 = 9$. Tiếp tục như vậy để có $10 - 2 = 8$.

- Tương tự cho HS thao tác để phát hiện ra các phép tính còn lại.
- GV cho HS tổng kết lại bảng trừ trong phạm vi 10.
- Cho HS nhắc lại để ghi nhớ bảng trừ 10.



HĐ 3. Thực hành – luyện tập

Bài 1. Tổ chức trò chơi “*Truyền điện*” hoặc “*Ném bóng*” cho HS làm BT 1 vào Vở bài tập Toán.

Bài 2. HS nêu yêu cầu của bài. Thảo luận nhóm đôi và làm bài vào Vở bài tập Toán. Lần lượt đại diện các nhóm nêu số thích hợp thay cho dấu ?. HS nhận xét và chừa.

GV chiếu đáp án lên màn hình, cho HS đổi vở kiểm tra chéo và hoàn chỉnh bài.

Bài 3. HS nêu yêu cầu của bài sau đó làm việc cá nhân vào Vở bài tập Toán. HS nêu cách đếm số khói lập phương, các bạn nhận xét và chừa bài. HS đổi vở kiểm tra chéo.



HĐ 4. Vận dụng

Bài 4. Cho HS nêu yêu cầu của bài. HS thảo luận nhóm 4 rồi đại diện nhóm chừa lần lượt theo yêu cầu:

- Phát biểu bài toán theo tranh vẽ.
- Viết phép tính theo bài toán.

Đáp án: $10 - 2 = 8$.

Lưu ý: Với HS khá có thể gợi ý cách diễn tả khác cho bức tranh: “Có tất cả 10 quả cam, em lấy đi một số quả thì còn lại 8 quả. Hỏi em đã lấy đi mấy quả cam?”.



HĐ 5. Cùng cỗ bài bằng trò chơi “*Chinh phục đỉnh Olympia*”: 1 bài về so sánh hai phép tính, 1 bài về dãy tính vận dụng bảng trừ trong phạm vi 10, 1 bài về dãy hình.

50. Luyện tập

MỤC TIÊU

- Thuộc bảng trừ trong phạm vi 10.
- Vận dụng được bảng trừ trong phạm vi 10 kết hợp với so sánh số để tính toán.
- Thực hiện được việc lắp ghép hình đơn giản.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1, bảng phụ BT 1, 4; bộ ĐDHT.
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động: GV treo bảng phụ và chọn ba đội cho HS tham gia trò chơi “*Tiếp sức*” làm BT 1 (một đội làm cột 1, một đội làm cột 2 và một đội làm cột 3).



HĐ 2. Thực hành – luyện tập: Củng cố kỹ năng tính toán và so sánh số

Bài 2. HS nêu yêu cầu của bài rồi làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán. GV chọn một số bài chưa bằng máy chiếu vật thể hoặc lần lượt cho HS nêu kết quả rồi chưa, sau đó đổi vở kiểm tra chéo.

Bài 3. GV chiếu bài 3 lên màn hình hoặc cho HS quan sát SGK nêu yêu cầu bài. HS lần lượt nêu số thích hợp thay cho dấu ?. Các bạn nhận xét và chưa. HS hoàn thiện bài làm vào Vở bài tập Toán.

Bài 4. HS nêu yêu cầu của bài. GV giao cho mỗi dãy làm 1 cột vào bảng phụ. GV chọn một số bài chưa bằng máy chiếu vật thể hoặc cho HS trình bày rồi chưa.

HS đổi vở kiểm tra chéo và hoàn thành bài 4.

HĐ 3. Củng cố kỹ năng lắp ghép hình.

Bài 5. HS nêu yêu cầu của bài. GV cho HS lấy 3 hình tam giác và 1 hình chữ nhật trong bộ ĐDHT.

- HS thảo luận theo nhóm đôi để lắp ghép.
- Đại diện các nhóm trình bày kết quả và nhận xét lẫn nhau.



HĐ 4. Củng cố

GV có thể cho HS củng cố bài bằng trò chơi “*Rung chuông vàng*”: 1 bài về dãy tính, 1 bài về so sánh hai phép tính trong các bảng cộng đã học và một bài về ghép hình (trong BT 5 thay hình chữ nhật bằng hai hình tam giác kích thước 6×3).

51. Ôn tập về hình học

MỤC TIÊU

- Nhận dạng được các hình đã học.
- Lắp ghép được hình theo yêu cầu.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bộ ĐDHT; bảng phụ có nội dung BT 2.
- Trang trình chiếu nội dung BT 3, 4 trong SGK.
- Máy chiếu và máy chiếu vật thể (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

GV chia HS làm hai nhóm chơi trò chơi “Ai nhanh, ai đúng” làm BT 1 lần lượt từng câu a, b, ...



HĐ 2. Luyện kỹ năng nhận dạng hình

Bài 2. HS nêu yêu cầu của bài, sau đó làm vào Vở bài tập Toán.

- GV chiếu lên màn hình hoặc gọi HS nêu bài làm của mình rồi chữa.
- HS đổi vở kiểm tra chéo cho nhau.

Bài 3. GV chiếu bài 3 lên màn hình hoặc cho HS quan sát SGK, nêu yêu cầu của bài.

- HS thảo luận nhóm đôi rồi làm bài.
- Đại diện một số nhóm báo cáo kết quả và chữa bài.

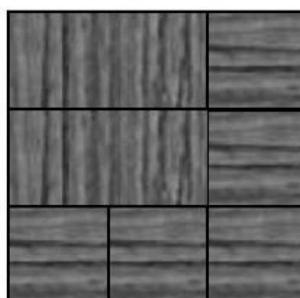
Đáp án: Hình tam giác màu xanh.

HĐ 3. Ôn luyện về lắp ghép hình.

Bài 4. HS quan sát SGK rồi nêu yêu cầu của bài.

- HS thảo luận theo nhóm 4 và thao tác với bộ ĐDHT.
- GV cho đại diện các nhóm báo cáo kết quả và chữa bài.

Đáp án: Có nhiều cách ghép khác nhau, chẳng hạn:



Bài 5. HS nêu yêu cầu của bài. HS làm bài theo nhóm 4, góp ĐĐHT để đủ số hình khói và thảo luận tìm cách ghép. Đại diện một số nhóm trình bày kết quả. Các bạn nhận xét.

Đáp án: Có nhiều cách ghép khác nhau, chẳng hạn, 2 khói hộp chữ nhật ở dưới, 4 khói lập phương chồng lên trên.



HĐ 4. Củng cố bài bằng trò chơi “*Chinh phục đỉnh Olympia*”: 1 bài về đếm hình, 1 bài về ghép hình.

52. Ôn tập về các số trong phạm vi 10

MỤC TIÊU

- Đọc, viết thành thạo các số từ 0 đến 10.
- So sánh được các số trong phạm vi 10.
- Tách được các số từ 2 đến 10.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1.
- Hai bộ bìa, mỗi bộ gồm 10 miếng bìa (có dây đeo) đánh số từ 1 đến 10.
- Máy chiếu (nếu có) hoặc bảng phụ.

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

Có thể tổ chức cho HS chơi “xếp hàng thứ tự từ 10 đến 1”, chẳng hạn: Chia lớp thành hai đội chơi, mỗi đội 10 người. Số HS còn lại làm giám khảo và cổ động viên. Mỗi đội chơi đứng ở vạch xuất phát của đội mình, sau khi nghe hiệu lệnh bắt đầu chơi thì các thành viên trong đội chạy đến vị trí đặt bộ bìa, lấy một miếng bìa. Căn cứ vào số ở miếng bìa của mình, tung thành viên trong đội xếp thành hàng (dọc hoặc ngang) theo thứ tự từ 10 đến 1. Đội nào xếp đúng thứ tự và nhanh hơn là đội thắng cuộc.



HĐ 2. Thực hành – luyện tập: Luyện tập, củng cố về đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 10. Tách các số từ 2 đến 10.

Bài 1. Hướng dẫn HS đọc được các số theo thứ tự từ 1 đến 10, từ đó tìm số thích hợp thay cho dấu ?. Cho HS đổi vở kiểm tra chéo nhau. GV gọi một vài HS trả lời miệng.

Bài 2. HS làm việc cá nhân, làm bài vào Vở bài tập Toán. Cặp đôi đổi vở kiểm tra kết quả của nhau.

GV hỗ trợ HS gấp khó khăn và chữa bài (có thể sử dụng bảng phụ hoặc máy chiếu).

Bài 3. Bài này rèn kỹ năng tách số.

Cho HS làm bài vào Vở bài tập Toán, HS kiểm tra lẫn nhau bằng cách đổi chỗ vở cho nhau và GV chừa bài (có thể sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ).

Bài 4. Chia nhóm và HS làm BT theo nhóm. Cho các nhóm thảo luận để hiểu rõ yêu cầu bài toán đặt ra và từ đó tìm ra cách làm bài. Các nhóm trình bày kết quả. GV nhận xét và đưa kết quả đúng bằng bảng phụ hoặc máy chiếu.

Bài 5. HS làm việc cá nhân, làm bài vào Vở bài tập Toán và đổi vở lẫn nhau để kiểm tra kết quả. GV sửa những sai sót và hỗ trợ HS yếu.

Có thể tổ chức câu a dưới dạng trò chơi.



HĐ 3. Cứng cỏi

- Cho HS nêu 4 loại đồ vật quen thuộc, gần gũi trong cuộc sống (có số lượng trong phạm vi 10) rồi sắp xếp theo thứ tự tăng dần. Chẳng hạn:
 - Em hãy kể tên:
 - a) Ba đồ vật có dạng hình chữ nhật;
 - b) Hai đồ vật có dạng hình vuông;
 - c) Năm đồ vật có dạng hình tròn;
 - d) Một đồ vật có dạng khối lập phương.
 - Em hãy sắp xếp các số 3, 2, 5, 1 theo thứ tự tăng dần.
- Có thể tổ chức trò chơi “*Hái hoa dân chử*”, trong các bông hoa ghi những phép tính cộng, trừ, so sánh số, tách số đã học.

53. Ôn tập về phép cộng và phép trừ

MỤC TIÊU

- Thuộc các bảng cộng và bảng trừ đã học.
- So sánh được các số trong phạm vi 10.
- Vận dụng được bảng cộng và bảng trừ đã học để tính toán và xử lý các tình huống trong cuộc sống.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bảng phụ có nội dung BT 2, 4.
- Trang trình chiếu nội dung BT 2.
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động: Cho HS tham gia trò chơi “Truyền điện” làm BT 1.



HĐ 2. Thực hành – luyện tập

Bài 2. GV chiếu bài 2 lên màn hình hoặc cho HS quan sát trong SGK rồi nêu yêu cầu của bài.

- HS thảo luận nhóm 4 và làm vào bảng phụ.
- Đại diện một số nhóm trình bày bài làm của mình trên bảng phụ. Các bạn đổi bài làm, nhận xét và chừa bài vào Vở bài tập Toán.

Bài 3. GV chiếu bài 3 lên màn hình hoặc cho HS quan sát SGK, nêu yêu cầu của bài.

- HS thảo luận nhóm đôi rồi làm bài vào Vở bài tập Toán.
- GV chiếu bài của một số HS và chừa bài hoặc cho một số HS trình bày, các bạn nhận xét. HS chừa bài làm của mình.

Bài 4. HS quan sát SGK rồi nêu yêu cầu của bài. GV cho mỗi dãy làm 1 cột vào bảng phụ.

- GV cho đại diện các nhóm báo cáo kết quả và chừa bài.
- HS hoàn thiện các ý còn lại vào Vở bài tập Toán.



HĐ 3. Vận dụng

Bài 5. HS quan sát SGK rồi nêu yêu cầu của bài.

- GV cho mỗi dãy làm 1 ý. HS thảo luận nhóm đôi rồi làm vào Vở bài tập Toán.
- Đại diện một số nhóm báo cáo kết quả. Các bạn nhận xét và chừa bài.



HĐ 4. Củng cố bài bằng trò chơi “Rung chuông vàng”: 1 bài về phép tính, 1 bài về dãy tính và 1 bài về so sánh kết quả hai phép tính.

54. Các số trong phạm vi 20

MỤC TIÊU

- Bước đầu đọc, viết, đếm được các số trong phạm vi 20.
- Sử dụng được các số trong phạm vi 20 vào cuộc sống.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; que tính trong bộ ĐDHT.
- Bảng phụ có nội dung BT 3.
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động: Cho HS chơi trò chơi “Truyền điện” về đếm các số từ 1 đến 10 và từ 10 đến 1. Từ đó dẫn dắt HS vào bài mới.



HĐ 2. Đọc, viết và nhận biết câu tạo số trong phạm vi 20

- GV chiếu video clip phần bài mới trong SGK lên màn hình hoặc cho HS quan sát trong SGK.
- GV tay trái cầm bό 1 chục que tính, tay phải cầm 1 que tính, cho HS nhận xét: Tay trái cō có mấy que tính, tay phải cō có mấy que tính, cả hai tay cō có bao nhiêu que tính? Viết là **11**, đọc là *mười một*, số này có *1 chục* và *1 đơn vị*, GV chỉ lầ́n lượt vào các ô ở dòng thứ nhất trong bảng.
- GV cho HS thao tác: tay trái HS cầm bό 1 chục que tính, tay phải cầm 2 que tính và nhận xét lầ́n lượt như trên để chốt lại cách đọc, viết và câu tạo số 12.
- Thực hiện tương tự với các số còn lại trong bảng.
- Cho HS nhắc lại cung cō cách đọc, viết và câu tạo các số trong phạm vi 20.



HĐ 3. Thực hành – luyện tập

Bài 1. HS thảo luận nhóm đôi rồi làm vào Vở bài tập Toán, sau đó sử dụng máy chiếu vật thể (nếu có) hoặc gắn bài lên bảng và chữa cho HS.

Bài 2. HS nêu yêu cầu của bài rồi làm bài vào Vở bài tập Toán.

GV chiếu bài làm của một số HS hoặc cho HS nêu cách làm để chữa bài. HS đói vở kiểm tra chéo.

Bài 3. GV treo bảng phụ và chọn hai đội chơi trò chơi “*Tiếp sức*” với nội dung của bài 3 (mỗi đội 1 câu), sau đó GV nhận xét và HS ghi bài.



HĐ 4. Vận dụng

Bài 4. HS nêu yêu cầu của bài. GV cho HS quan sát rồi trả lời.



HĐ 5. Củng cố bài bằng trò chơi “*Truyền điện*”: Đếm từ 10 đến 20.

55. Luyện tập

MỤC TIÊU

- Đọc, viết và đếm được các số đến 20.
- Sử dụng được các số đã học trong cuộc sống.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bảng phụ có nội dung BT 2, 5.
- Tranh vẽ phóng to như SGK.
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động: Cho HS chơi trò chơi “*Tiếp sức*” với nội dung đếm lần lượt các số từ 10 đến 20 và ngược lại.



HĐ 2. Thực hành – luyện tập

Bài 1. GV chiếu BT 1 hoặc cho HS quan sát SGK rồi nêu yêu cầu của bài. Sau đó HS làm bài vào Vở bài tập Toán. GV chiếu bài làm của một số HS hoặc cho HS nêu kết quả và nhận xét. HS đổi vở kiểm tra chéo.

Bài 2. HS nêu yêu cầu của bài. GV cho 1 HS làm vào bảng phụ trên bảng. Cả lớp làm vào Vở bài tập Toán. HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng rồi chừa bài của mình.

Bài 3. HS nêu yêu cầu của bài. Lần lượt gọi HS nêu số thích hợp thay cho các dấu ?.

Bài 4. GV chiếu bài 4 hoặc cho HS quan sát trong SGK rồi trả lời.

Bài 5. HS nêu yêu cầu của bài. Cả lớp làm vào Vở bài tập Toán. GV chiếu một số bài của HS để các bạn nhận xét và chừa. Sau đó đổi vở kiểm tra chéo.



HĐ 3. Củng cố bài bằng trò chơi “*Truyền điện*”:

- Đếm từ 10 đến 20.
- Đếm tiếp các số: 2, 4, 6, ..., 16, 18, 20.

56. Phép cộng không nhớ trong phạm vi 20

MỤC TIÊU

- Bước đầu thực hiện được phép cộng không nhớ trong phạm vi 20.
- Bước đầu vận dụng được phép cộng không nhớ trong phạm vi 20 để tính toán và xử lí các tình huống trong cuộc sống.

ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bảng phụ có nội dung BT 1, 4; bảng cài.
- Video clip phần bài mới (nếu có).
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động: Cho HS chơi trò chơi “*Ai nhanh, ai đúng*”.

- GV chia HS trong lớp thành hai đội chơi (theo dãy), 5 bạn đội 1 lần lượt mỗi người đọc một số từ 10 đến 20, 5 bạn đội 2 lần lượt ghi lại các số đó lên bảng. Sau đó đổi lại: 5 bạn đội 2 đọc 5 số không trùng với các số đội 1 đã đọc và 5 bạn đội 1 ghi.
- Các bạn nhận xét và tuyên dương đội nào nhanh hơn và đúng.



HĐ 2. Hình thành kiến thức mới: Phép cộng không nhớ trong phạm vi 20.

- HS quan sát SGK.
- GV tay trái cầm bó 1 chục que tính, tay phải cầm 3 que tính, cho HS nhận xét: tay trái cô có mấy que tính, tay phải cô có mấy que tính, cả hai tay cô có bao nhiêu que tính. Cài 1 bó chục và 3 que tính lên bảng cài.
- GV tay phải cầm 4 que tính, cho HS nhận xét: tay phải cô có bao nhiêu que tính. Cài 4 que tính lên bảng cài.
- GV viết hoặc chiếu lên màn hình phép tính $13 + 4$ theo cột dọc.
- GV cho HS nhận xét:
 - o 3 que tính thêm 4 que tính bằng 7 que tính. Vậy 3 cộng 4 bằng 7, viết 7 (GV viết lên bảng hoặc chiếu hàng chữ lên màn hình).
 - o 1 chục hạ 1 chục. Vậy hạ 1, viết 1 (GV viết lên bảng hoặc chiếu hàng chữ lên màn hình).
- GV: ta có $13 + 4 = 17$.
- HS nhắc lại.



HĐ 3. Thực hành – luyện tập

Bài 1. Cho HS nêu yêu cầu bài 1. GV treo 4 bảng phụ ghi 4 ý trong bài 1, gọi 4 HS lên bảng làm bài, ở dưới HS làm vào Vở bài tập Toán.

- HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng và chừa. HS đổi vở kiểm tra chéo.

Bài 2. HS đọc đề.

- GV chia theo dãy: mỗi dãy làm 1 phép tính vào Vở bài tập Toán.
- GV chiếu bài làm của đại diện mỗi dãy lên màn hình hoặc HS trình bày và chừa bài.
- HS hoàn thiện bài 2 vào Vở bài tập Toán.

Bài 3. HS nêu yêu cầu của bài.

- GV chia HS làm ba dãy, mỗi dãy thảo luận nhóm đôi và làm 1 ý vào vở. Đại diện các nhóm báo cáo kết quả làm bài. Các bạn nhận xét và chừa. HS hoàn thiện bài vào Vở bài tập Toán.



HĐ 4. Vận dụng

Bài 4. GV chiếu bài 4 lên màn hình hoặc cho HS đọc trong SGK và nêu yêu cầu của bài.

- HS thảo luận nhóm 4 (phát biểu bài toán và viết phép tính) sau đó làm vào Vở bài tập Toán.
- GV chiếu bài của HS lên bảng hoặc HS trình bày bài làm của mình. HS nhận xét và chữa. Đôi vở kiểm tra chéo.

Đáp án: $10 + 5 = 15$ hoặc $5 + 10 = 15$.



- HĐ 5.** Củng cố bài bằng trò chơi “*Rung chuông vàng*” nếu có thể hoặc làm miệng: 1 bài về cách đặt phép cộng trong phạm vi 20, 1 bài cộng không nhớ trong phạm vi 20, 1 bài về dãy tính.

57. Phép trừ không nhớ trong phạm vi 20

MỤC TIÊU

- Bước đầu thực hiện được phép trừ không nhớ trong phạm vi 20.
- Bước đầu vận dụng được phép trừ không nhớ trong phạm vi 20 để tính toán và xử lý các tình huống trong cuộc sống.

ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bảng cài; bảng phụ ghi quy tắc trừ trong SGK.
- Bản trình chiếu phần bài mới, BT 4 và bộ ĐDHT.
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



- HĐ 1.** Khởi động: Cho HS chơi trò chơi “*Truyền điện*” làm BT 2, tiết 56 (Phép cộng không nhớ trong phạm vi 20).



- HĐ 2.** Hình thành kiến thức mới: Phép trừ không nhớ trong phạm vi 20.

- HS quan sát SGK.
- GV tay trái cầm bó 1 chục que tính, tay phải cầm **6** que tính, cho HS nhận xét: Tay trái cô có mấy que tính, tay phải cô có mấy que tính, cả hai tay cô có bao nhiêu que tính? Cài 1 bó chục và 6 que tính lên bảng cài.
- GV tay trái cầm bó 1 chục que tính, tay phải cầm 2 que tính, cho HS nhận xét: Tay trái cô có bao nhiêu que tính, tay phải cô có bao nhiêu que tính, cả hai tay cô có bao nhiêu que tính? Cài 1 bó chục và 2 que tính lên bảng cài.

- GV viết hoặc chiếu lên màn hình phép tính $16 - 12$ theo cột dọc.
- GV cho HS nhận xét:
 - **6** que tính bớt **2** que tính còn **4** que tính. Vậy 6 trừ 2 bằng 4 , viết 4 (GV viết lên bảng hoặc chiếu hàng chữ lên màn hình).
 - **1** chục bớt **1** chục bằng **0** chục. Vậy 1 trừ 1 bằng 0 , viết 0 (GV viết lên bảng hoặc chiếu hàng chữ lên màn hình).
- GV: ta có **$16 - 12 = 4$** .
- Làm tương tự với: $18 - 3 = 15$.
- GV treo bảng phụ ghi quy tắc trừ trong SGK lên bảng hoặc chiếu lên màn hình, sau đó cho một số HS nhắc lại.



HĐ 3. Thực hành – luyện tập

Bài 1. Cho HS nêu yêu cầu bài 1, sau đó cho HS làm miệng.

Bài 2. HS đọc đề. Gọi 3 HS lên làm bài trên bảng, cả lớp làm vào Vở bài tập Toán.

HS nhận xét và chũa bài của bạn trên bảng. Sau đó HS đổi vở kiểm tra chéo.

Bài 3. HS nêu yêu cầu của bài. GV cho HS thảo luận nhóm đôi và làm bài vào Vở bài tập Toán. GV chiếu bài của HS hoặc cho HS nêu bài làm của mình, các bạn nhận xét và chũa. HS đổi vở kiểm tra chéo.



HĐ 4. Vận dụng

Bài 4. GV chiếu bài 4 lên màn hình hoặc cho HS đọc trong SGK và nêu yêu cầu của bài.

- HS thảo luận nhóm đôi và làm bài.
- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả và chũa bài.

Đáp án: $15 - 5 = 10$ hoặc $15 - 10 = 5$.



HĐ 5. Củng cố bài bằng trò chơi “*Rung chuông vàng*” nếu có thể hoặc làm miệng: 1 bài phép trừ không nhớ trong phạm vi 20, 1 bài phép trừ không nhớ số có hai chữ số với số có một chữ số, 1 bài phép trừ không nhớ số có hai chữ số.

58. Luyện tập

MỤC TIÊU

- Thực hiện được phép cộng, phép trừ không nhớ trong phạm vi 20 và vận dụng được để tính toán, xử lí các tình huống trong cuộc sống.
- Lắp ghép được hình theo yêu cầu.

ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bảng phụ có nội dung BT 1; bộ ĐDHT.
- Bản trình chiếu BT 5.
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động: Cho 3 HS lên bảng làm BT 2, tiết 57. Sau đó các bạn nhận xét và chũa.



HĐ 2. Thực hành – luyện tập

Bài 1. GV treo bảng phụ bài 1 hoặc cho HS quan sát SGK rồi nêu yêu cầu bài 1. Sau đó 3 HS lên bảng làm bài, cả lớp làm vào Vở bài tập Toán.

GV chiếu bài làm của một số HS và nhận xét. HS đổi vở kiểm tra chéo.

Bài 2. HS nêu yêu cầu của bài. GV cho HS thảo luận nhóm đôi rồi làm vào Vở bài tập Toán. Đại diện các nhóm báo cáo kết quả, HS nhận xét sau đó chũa bài của mình.

Bài 3. HS đọc nêu yêu cầu của bài. Gọi ba HS lên làm bài trên bảng (mỗi HS làm 1 bài). Cả lớp làm vào Vở bài tập Toán.

– Cho HS nhận xét bài làm của bạn và chũa bài. HS đổi vở kiểm tra chéo.

Bài 4. HS thảo luận nhóm 4 và thao tác trên bộ đồ dùng dạy học. Đại diện các nhóm nêu cách ghép. Các bạn nhận xét.



HĐ 3. Vận dụng

Bài 5. GV chiếu hình ảnh BT 5 lên màn hình hoặc cho HS quan sát SGK rồi nêu yêu cầu của bài. Sau đó thảo luận theo nhóm 4: Cách phát biểu bài toán và nêu phép tính tương ứng.

Đáp án: $10 + 5 = 15$, $5 + 10 = 15$ hoặc $15 - 5 = 10$, $15 - 10 = 5$ đều được.



HĐ 4. Cùng cỗ bài bằng trò chơi “Chinh phục đỉnh Olympia”: 1 bài về kiểm tra kĩ năng đặt tính, 1 bài về phép cộng hoặc trừ không nhớ trong phạm vi 20 và 1 bài về dãy tính hoặc cho HS làm miệng để cùng cỗ ba kĩ năng trên (nếu không có điều kiện).

59. HĐTN: Em khám phá các nhóm vật

MỤC TIÊU

- Khám phá, phát hiện các nhóm vật thường thấy theo nhóm đôi.
- Khám phá, phát hiện các nhóm vật thường thấy theo nhóm ba.
- Khám phá, phát hiện các nhóm vật thường thấy theo nhóm bốn.
- Khám phá, phát hiện các nhóm vật thường thấy theo nhóm năm.
- Chia sẻ cùng gia đình và người thân những điều em khám phá được.

TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

Bước 1. Giao nhiệm vụ:

- GV chia lớp thành 4 nhóm.
- Giao cho hai nhóm làm chủ đề 1 và hai nhóm làm chủ đề 2.
- Hướng dẫn từng nhóm hiểu yêu cầu công việc của nhóm mình.
- Các nhóm về thực hiện nhiệm vụ.

Bước 2. HS báo cáo kết quả trải nghiệm:

- GV cho các nhóm báo cáo kết quả.
- Các bạn thảo luận và bổ sung.
- Hoàn thiện báo cáo.
- Tổng kết: nhóm nào làm tốt hơn sẽ được khen.

Bước 3. Giao lưu – chia sẻ:

- Trưng bày kết quả trải nghiệm ở một góc lớp.
- Nhắc HS kể lại cho gia đình và người thân về kết quả trải nghiệm của lớp em.
- Khuyến khích HS nêu các câu đố tương tự bài đã học.

60. Đo độ dài

MỤC TIÊU

- So sánh được độ dài hai vật.
- Đo được độ dài bằng gang tay, sải tay, bước chân,...

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; vài đoạn tre dùng để đo độ dài lớp học, đoạn tre nhỏ để đo độ dài mặt bàn, thước kẻ, bút chì cho từng HS.
- Tranh vẽ như SGK.

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

GV có thể tổ chức cho HS chơi trò chơi, hoặc đố vui với cả lớp liên quan đến hiểu biết xung quanh độ dài, như: so sánh quãng đường đi của các bạn từ nhà đến trường, so sánh chiều cao các bạn,... Từ đó dẫn dắt vào bài.



HĐ 2. Hình thành kiến thức mới

◆ Dài hơn, ngắn hơn, dài bằng nhau

- HS làm việc theo nhóm đôi: So sánh độ dài thước kẻ và bút chì, hai bút chì với nhau (dòng tùng cắp thước và bút chì xuống mặt bàn theo cách so đũa, chú ý rằng kết quả so sánh độ dài hai bút chì chưa chắc giống SGK). HS nêu và giải thích kết quả.
- GV cho HS quan sát các băng giấy trong từng cặp và nêu kết quả so sánh độ dài các băng giấy.

◆ Cách đo độ dài

- GV yêu cầu HS đo độ dài mặt bàn bằng gang tay, hai bạn cùng bàn kiểm tra thao tác đo và kết quả đo (kết quả là gần đúng).
- GV cho một bạn lên bảng và hướng dẫn đo độ dài lớp băng sải tay (kết quả có thể là hơn 2 sải tay hoặc gần 3 sải tay,...). Một vài bạn khác lên đo và nêu kết quả.
- Cho hai nhóm HS thực hành đo độ dài lớp học bằng bước chân, các nhóm khác đo độ dài lớp học bằng đoạn tre. Các nhóm thông báo kết quả. Cả lớp nhận xét.



HĐ 3. Thực hành – luyện tập

Bài 1. HS quan sát tùng tranh trong Vở bài tập Toán, so sánh độ dài các đồ vật và điện Đ/S vào ô trống:

- Bút chì ngắn hơn đoạn gỗ, đoạn gỗ dài hơn bút chì,
- Bút mực dài hơn bút xoá, bút xoá ngắn hơn bút mực,
- Lược dài bằng lọ keo khô, lược và lọ keo khô dài bằng nhau.

Bài 2. GV cho HS quan sát mẫu, giải thích tại sao ghi số 1, tại sao ghi số 2 trên các đoạn thẳng, sau đó cho HS làm việc theo nhóm đôi và tìm số thích hợp thay cho dấu ?.



HĐ 4. Vận dụng

Bài 3. GV cho HS làm việc theo nhóm, mỗi nhóm nhận 1 nhiệm vụ: đo chiều dài mặt bàn bằng gang tay, đo chiều dài bảng học bằng sải tay,... Các nhóm thông báo kết quả đo.

GV lưu ý: gang tay, sải tay, bước chân... là các *đơn vị đo độ dài*, kết quả khác nhau phụ thuộc người đo, đây là *đơn vị đo tự quy ước*.

Bài 4. GV cho HS quan sát, ước lượng chiều dài lớp học (ghi vào vở). Một vài HS đo chiều dài nền lớp học và kiểm tra ước lượng của mình, cả lớp theo dõi cách làm.



HĐ 5. GV cho HS củng cố lại về cách so sánh độ dài hai đồ vật; cách đo độ dài bằng gang tay, sải tay, bước chân. GV lưu ý: gang tay, sải tay, bước chân,... là những đơn vị đo tự quy ước, với những bạn khác nhau có thể cho kết quả đo khác nhau.

Với lớp học có nhiều HS khá, GV có thể cho HS nêu thêm những từ nào có thể thay cho từ “dài” để nói về độ dài của đồ vật, đối tượng (ví dụ như “cao”).

HS thảo luận và nêu các từ khác nhau và kèm ví dụ minh họa, các bạn nhận xét, GV làm trọng tài (ví dụ “rộng”, “sâu”, “cao”,...).

61. Xăng-ti-mét

MỤC TIÊU

- Nhận biết được đơn vị đo độ dài xăng-ti-mét.
- Sử dụng được thước thẳng có vạch chia xăng-ti-mét để đo độ dài các đồ vật cụ thể.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1.
- Băng giấy, kéo, keo dán giấy, thước kẻ có vạch chia xăng-ti-mét.

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

GV cho HS nêu kết quả và cách làm khi đo chiều dài cái bàn. GV cho HS thảo luận: với những bạn khác nhau, đo chiều dài mặt bàn bằng gang tay thì kết quả có giống nhau không? Vì sao?

GV gợi ý, ta sẽ làm quen với đơn vị đo quốc tế, khi sử dụng đơn vị đo quốc tế thì kết quả đo của mọi người đều như nhau.



HĐ 2. Hình thành kiến thức mới: Xăng-ti-mét

- GV cho HS quan sát hình vẽ trong SGK (có vẽ đoạn băng giấy màu cam và thước đo có vạch chia xăng-ti-mét), chỉ tay vào đoạn 1 cm (như SGK) và nói: “độ dài đoạn băng giấy màu cam là 1 xăng-ti-mét”.
- GV giới thiệu: *xăng-ti-mét* là đơn vị đo độ dài, xăng-ti-mét kí hiệu là cm.
- GV hướng dẫn HS xác định độ dài của đoạn băng giấy màu tím trong SGK bằng thước kẻ có vạch chia xăng-ti-mét. Áp mép thước sát với một mép của đoạn băng giấy, dịch chuyển để một đầu của đoạn băng giấy khớp với vạch số 0, nhận thấy đầu kia khớp với vạch số 3. Kết luận: Đoạn băng giấy màu tím dài 3 xăng-ti-mét.



HĐ 3. Thực hành – luyện tập

Bài 1. GV cho HS nhìn hình vẽ trong SGK, viết độ dài của các đồ vật thay cho từng ô trống trong Vở bài tập Toán.

Bài 2. GV cho HS quan sát từng hình vẽ, xác định cách đặt thước đúng, cách đặt thước sai và giải thích tại sao. Lưu ý HS cách A sai vì đặt băng giấy không đọc theo mép thước, cách B sai vì một đầu của đoạn băng giấy không khớp với vạch 0 của thước.

Bài 3. GV cho HS dùng thước đo độ dài của các vật, con vật trong các tranh vẽ ở SGK. HS tự đo rồi viết kết quả vào Vở bài tập Toán. Hai bạn kiểm tra chéo cách đo và kết quả đo, cách đọc số đo.



HĐ 4. Vận dụng

Bài 4. GV cho HS đọc đề bài, cùng nhau thảo luận cách làm. Sau đó làm việc theo cặp, dán băng giấy cắt được vào Vở bài tập Toán.



HĐ 5. Củng cố

- GV cho HS củng cố về: đơn vị đo độ dài xăng-ti-mét, viết tắt xăng-ti-mét là cm. Cách đo độ dài các đồ vật.
- GV cho HS nêu ví dụ về những đồ vật có thể đo độ dài theo xăng-ti-mét thì phù hợp.

62. Luyện tập

MỤC TIÊU

- Đo được độ dài một số đồ vật bằng thước thẳng có vạch chia xăng-ti-mét.

ĐỒ DÙNG DAY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1.
- Thước có vạch chia xăng-ti-mét, băng giấy, sợi dây, kéo.

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DAY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. GV cho HS nhắc lại cách đo độ dài đồ vật bằng thước có vạch chia xăng-ti-mét.
Thử ước lượng độ dài của một vài đồ vật (đơn vị đo là xăng-ti-mét).



HĐ 2. Thực hành – luyện tập

Bài 1. HS tự làm bài tập, quan sát và điền vào từng ô trống trong Vở bài tập Toán.

Bài 2. HS làm việc nhóm đôi, một bạn dùng thước đo, một bạn kiểm tra thao tác đo của bạn rồi xác định kết quả đo, hai bạn đổi vai trò cho nhau. Các bạn thống nhất kết quả rồi điền số đo thích hợp vào ô trống trong Vở bài tập Toán.

GV cũng có thể hỏi thêm: Đồ vật nào dài nhất? Đồ vật nào ngắn nhất?

Bài 3. HS làm việc cá nhân rồi nêu kết quả đo. Hai bạn kiểm tra chéo về cách đo và kết quả đo của nhau. Chú ý rằng kết quả sẽ là gần đúng (ngón tay út của em dài gần 3 xăng-ti-mét,...).



HĐ 3. Vận dụng

Bài 4. GV cho HS đọc đề bài, cùng nhau thảo luận cách làm. Sau đó làm việc theo cặp, cắt băng giấy theo yêu cầu của bài.

Bài 5. Làm việc nhóm đôi. HS quan sát hình vẽ, thảo luận, phân tích đề bài và nêu cách làm. HS nhầm phép cộng và nêu kết quả là 10 cm. GV cho HS đo và kiểm tra xem có đúng là 10 cm không (đo trên tranh vẽ của SGK).



HĐ 4. GV cho HS cung cấp về: – Đơn vị đo độ dài xăng-ti-mét.

- Cách dùng thước có vạch chia xăng-ti-mét để đo độ dài.
- Ước lượng số đo độ dài một số vật quen thuộc theo xăng-ti-mét.

Cho HS đo và cắt ra một đoạn dây có độ dài cho trước.

63. Luyện tập chung

MỤC TIÊU

- Ước lượng và dùng thước đo được độ dài các vật.
- Cộng, trừ được số đo độ dài với đơn vị xăng-ti-mét.
- Tìm được phép cộng phù hợp với câu hỏi của bài toán có lời văn.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1.
- Thước có vạch chia xăng-ti-mét; tranh phóng to hình vẽ trong SGK.
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. GV cho HS nhắc lại cách đo độ dài đồ vật bằng thước có vạch chia xăng-ti-mét. Thủ ước lượng độ dài của một vài đồ vật (đơn vị đo là bước chân hoặc xăng-ti-mét).



HĐ 2. Thực hành – luyện tập

Bài 1. HS làm việc nhóm đôi, một bạn dùng thước đo, một bạn kiểm tra thao tác đo của bạn rồi xác định kết quả đo, hai bạn đổi vai trò cho nhau. Các bạn thống nhất kết quả để tìm ra số đo thích hợp vào Vở bài tập Toán. GV gọi HS nêu kết quả số đo.

Bài 2. GV hướng dẫn HS cộng, trừ hai số đo độ dài với đơn vị xăng-ti-mét (theo mẫu). HS tự làm bài vào Vở bài tập Toán, GV gợi ý, giúp đỡ những HS gặp khó khăn. GV gọi HS trả lời và nhận xét bài làm của HS.



HĐ 3. Vận dụng

Bài 3. HS làm việc theo nhóm, thống nhất kết quả để tìm ra số thích hợp thay cho dấu ?. GV gọi đại diện các nhóm nêu kết quả của nhóm mình và nhận xét bài làm của HS.

Bài 4. Tìm phép tính, nêu câu trả lời là một nội dung mới mang tính thực hành giải quyết vấn đề liên quan đến phép tính cộng với yêu cầu HS nhận biết được ý nghĩa thực tế của phép cộng thông qua hình vẽ, tranh ảnh hoặc tình huống thực tiễn. Trên cơ sở đó HS viết được phép tính cộng phù hợp với câu trả lời của bài toán có lời văn; tính đúng kết quả và nêu câu trả lời.

a) VỚI BÀI MẪU

Có thể tiến hành theo các bước như sau:

1. GV hướng dẫn HS quan sát tranh vẽ (trong SGK hoặc tranh phóng to trên bảng/máy chiếu) cùng tình huống xảy ra để có bài toán: “*Trên sân trường có 5 bạn đang chơi, thêm 3 bạn chạy tới. Hỏi có tất cả bao nhiêu bạn?*”. Gọi một vài HS đọc lại bài toán.

- GV hỏi, HS trả lời: Bài toán cho biết gì? (có 5 bạn đang chơi, có thêm 3 bạn nữa).
- Hãy nêu câu hỏi của bài toán? (Hỏi có tất cả bao nhiêu bạn?). Với câu hỏi này ta phải làm gì? (tìm xem có tất cả bao nhiêu bạn).

2. *Tìm phép tính phù hợp với câu trả lời*

- GV gợi ý HS trả lời các câu hỏi: “Bài toán đã cho biết những gì?” (bài toán cho biết có 5 bạn đang chơi, thêm 3 bạn chạy tới); “Bài toán hỏi gì?” (Hỏi có tất cả bao nhiêu bạn?), HS khác nhắc lại câu trả lời.
- Hướng dẫn HS tìm phép tính phù hợp trả lời câu hỏi “*Hỏi có tất cả bao nhiêu bạn?*” ta cần tìm mối quan hệ này với những gì đã biết. Từ đó giúp HS trả lời “Phải làm phép tính cộng: Lấy 5 cộng với 3 bằng 8, ở đây 8 chỉ 8 bạn. Vậy câu trả lời là: *Có tất cả 8 bạn*. HS khác nêu lại câu trả lời.
- GV viết phép tính (như SGK) và hướng dẫn HS viết: phép tính; dưới phép tính là: $5 + 3 = 8$ (bạn) và nêu câu trả lời.
- Cho HS đọc lại phép tính một, hai lượt. GV chỉ vào phép tính, nêu lại để nhấn mạnh và yêu cầu HS thông nhất cách trình bày như SGK.

Lưu ý: Tên đơn vị, danh số đặt trong ngoặc liền với kết quả phép tính.

Tìm phép tính, nêu câu trả lời

HS làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán, GV chú ý giúp đỡ HS còn khó khăn chưa tìm ra được phép cộng $6 + 3 = 9$ (con gà).

Bài 5. Đây cũng là dạng toán liên quan đến phép tính cộng, song không phải dạng “thêm vào” mà là dạng “gộp lại”. GV hướng dẫn tương tự bài 4 (mẫu).



HĐ 4. GV cho HS cung cấp về:

- Đơn vị đo độ dài xăng-ti-mét.
- Cách dùng thước có vạch chia xăng-ti-mét để đo độ dài.
- Ước lượng số đo độ dài một số vật quen thuộc theo xăng-ti-mét.

64. Luyện tập chung

MỤC TIÊU

- Đọc, viết được các số trong phạm vi 20.
- Thực hiện được phép cộng, trừ không nhớ trong phạm vi 20.
- Nhận dạng được các hình đã học.
- Tìm được phép trừ phù hợp với câu hỏi của bài toán có lời văn.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bảng phụ.
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Chia lớp thành các nhóm rồi giao việc: Viết các số theo thứ tự tăng dần từ 0 đến 20 và thực hiện tính: $12 + 5$; $18 - 6$; $13 + 6 - 7$ vào bảng phụ. Đại diện các nhóm đọc kết quả. GV nhận xét kết quả làm việc của các nhóm và chuyển tiếp vào bài học mới.



HĐ 2. Thực hành – luyện tập

Bài 1. HS làm việc theo nhóm. Các bạn trong nhóm thống nhất kết quả để tìm ra số thích hợp thay cho dấu ? và làm vào Vở bài tập Toán. GV gọi đại diện nhóm nêu kết quả. GV nhận xét kết quả làm việc của các nhóm và kết luận. HS đổi vở kiểm tra chéo.

Bài 2. HS tự làm bài vào Vở bài tập Toán, với HS gặp khó khăn GV gợi ý, giúp đỡ. GV gọi HS trả lời và nhận xét bài làm của bạn.

Bài 3. HS làm việc nhóm đôi, chẳng hạn ở ý a) một bạn đếm số hình (số hình chữ nhật, số hình vuông) một bạn kiểm tra kết quả đếm rồi cùng so sánh số hình chữ nhật với số hình vuông để từ đó khẳng định chọn Đ hay S thay cho dấu ?. Sau đó hai bạn đổi vai trò cho nhau. Ý b) và ý c) hướng dẫn tương tự.



HĐ 3. Vận dụng

Bài 4. Tìm phép tính, nêu câu trả lời là một nội dung mới mang tính thực hành giải quyết vấn đề liên quan đến phép tính trừ với yêu cầu HS nhận biết được ý nghĩa thực tế của phép trừ thông qua hình vẽ, tranh ảnh hoặc tình huống thực tiễn. Trên cơ sở đó HS viết được phép trừ phù hợp với câu trả lời của bài toán có lời văn và tính đúng kết quả.

a) VỚI BÀI MẪU

Có thể tiến hành theo các bước như sau:

1. GV hướng dẫn HS quan sát tranh vẽ (trong SGK hoặc tranh phóng to trên bảng/máy chiếu) cùng tình huống xảy ra để có bài toán: “Trên sân trường có 8 bạn đang chơi, một lúc sau có 3 bạn chạy đi. Hỏi còn lại bao nhiêu bạn?”. Gọi một vài HS đọc lại bài toán.

– GV hỏi, HS trả lời: Bài toán cho biết gì? (có 8 bạn đang chơi, một lúc sau có 3 bạn chạy đi).

– Hãy nêu câu hỏi của bài toán? (Hỏi còn lại bao nhiêu bạn?). Với câu hỏi này ta phải làm gì? (tìm xem còn lại bao nhiêu bạn).

2. Tìm phép tính phù hợp với câu trả lời

– GV gợi ý HS trả lời các câu hỏi: “Bài toán đã cho biết những gì?” (bài toán cho biết có 8 bạn đang chơi, sau đó có 3 bạn chạy đi); “Bài toán hỏi gì?” (Hỏi còn lại bao nhiêu bạn?), HS khác nhau trả lời.

– Hướng dẫn HS tìm phép tính phù hợp trả lời câu hỏi “Hỏi còn lại bao nhiêu bạn?” ta cần tìm mối quan hệ này với những gì đã biết. Từ đó giúp HS trả lời “Phải làm phép tính trừ: Lấy 8 trừ 3 bằng 5, ở đây 5 chỉ 5 bạn. Vậy câu trả lời là: “Còn lại 5 bạn”. HS khác nhau trả lời.

– GV viết phép tính (như SGK) và hướng dẫn HS viết dưới phép tính là: $8 - 3 = 5$ (bạn) và nêu câu trả lời.

– Cho HS đọc lại phép tính một, hai lượt. GV chỉ vào phép tính, nêu lại để nhấn mạnh và yêu cầu HS thống nhất cách trình bày như SGK.

Lưu ý: Tên đơn vị, danh số đặt trong ngoặc liền với kết quả phép tính.

b) TÌM PHÉP TÍNH, NÊU CÂU TRẢ LỜI

HS làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán, GV chú ý giúp đỡ HS còn khó khăn chưa tìm ra được phép trừ $9 - 3 = 6$ (con cá).

Bài 5. Đây cũng là dạng toán liên quan đến phép tính trừ, song không phải dạng “bớt đi” mà là dạng “tách ra”. GV hướng dẫn tương tự bài 4 (mẫu).



HĐ 4. GV cho HS củng cố về:

– Các số trong phạm vi 20.

– Cộng, trừ không nhớ trong phạm vi 20.

– Các hình đã học (hình vuông, hình chữ nhật, hình tròn, hình tam giác).

65. HĐTN: Tìm hiểu lớp em

MỤC TIÊU

- Vận dụng được việc đọc, đếm các số và so sánh các số (trong phạm vi 20) vào việc tìm hiểu về bạn bè trong lớp, tăng cường gắn bó tình bạn.
- Vận dụng được việc đếm các số vào tìm hiểu về số cửa ra vào, số cửa sổ của phòng học và sắp xếp bàn ghế ở lớp học.
- Gắn việc hiểu biết về các hình (hình vuông, hình chữ nhật, hình tròn,...) với những gì gần gũi nhìn thấy ở lớp học.

TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

Tổ chức HĐTN “*Tìm hiểu lớp em*” được chia làm 3 bước, cụ thể như sau:

Bước 1. Giao nhiệm vụ, tổ chức thực hiện

GV nêu rõ nhiệm vụ “*Tìm hiểu lớp em*” thông qua việc tổ chức khám phá ở 3 chủ đề. Cụ thể là:

- *Chủ đề 1. “Các bạn trong lớp em”*: Nhiệm vụ tìm hiểu bao gồm các nội dung đã nêu (gợi ý) ở SGK, chẳng hạn như: Lớp em có mấy tổ? Số bạn nam, nữ ở mỗi tổ; So sánh số bạn nam (số bạn nữ) trong các tổ;... Thông qua việc khám phá này các em vận dụng được việc học các số và so sánh các số (trong phạm vi 10) với tìm hiểu về bạn bè trong lớp, trong tổ của mình, tăng cường tình cảm gắn bó lẫn nhau.
- *Chủ đề 2. “Lớp học của em”*: Nhiệm vụ tìm hiểu bao gồm các nội dung đã nêu (gợi ý) ở SGK, chẳng hạn như: Số cửa ra vào; số cửa sổ của phòng học; lớp có mấy dãy bàn;... Thông qua việc khám phá này các em vận dụng được việc học về các số,... với tìm hiểu về trang trí, sắp xếp bàn ghế ở lớp học thân yêu, nơi học tập hằng ngày của các em.
- *Chủ đề 3. “Hình dạng các đồ vật trong lớp học”*: Nhiệm vụ tìm hiểu bao gồm các nội dung đã nêu (gợi ý) ở SGK, chẳng hạn như: các đồ vật trong lớp học có dạng hình chữ nhật (bảng lớp, tranh treo tường,...), hình tròn (đồng hồ,...), hình vuông, hình tam giác,... Thông qua việc khám phá này các em thấy rõ việc học về các hình (hình vuông, hình chữ nhật, hình tròn,...) gắn với những gì gần gũi nhìn thấy ở lớp học thân yêu của các em.

Để thực hiện bước 1 này GV có thể tiến hành lần lượt như sau:

1. Chia nhóm: Để thực hiện nhiệm vụ trên, có thể chia lớp thành 6 nhóm.
2. Giao nhiệm vụ (giao việc) cho từng nhóm: nhóm 1, nhóm 2 làm chủ đề 1; nhóm 3, nhóm 4 làm chủ đề 2 và nhóm 5, nhóm 6 làm chủ đề 3.

3. Về việc tổ chức thực hiện của các nhóm: Trong quá trình thực hiện, GV theo dõi và hỗ trợ khi cần thiết, chẳng hạn như hướng dẫn các nhóm phân công phần việc của cá nhân HS trong nhóm, giám sát quá trình làm của các nhóm,...

Bước 2. HS trình bày kết quả trải nghiệm

- GV cho các nhóm trình bày kết quả khám phá.
- Các bạn thảo luận và bổ sung.
- Hoàn thiện kết quả khám phá.
- Tổng kết: Khuyến khích, khen ngợi các nhóm làm việc tích cực.

Bước 3. Giao lưu – chia sẻ

- Trưng bày kết quả hoạt động trải nghiệm ở một góc lớp (nếu có).

Nhắc HS kể lại cho gia đình và người thân về kết quả hoạt động trải nghiệm của lớp em.

66. Các số tròn chục

MỤC TIÊU

- Nhận biết, đọc và viết được các số tròn chục.
- Nhận biết được thứ tự các số tròn chục trong phạm vi 100.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bảng phụ; các bó chục que tính.
- Tranh vẽ phóng to hình trong SGK.

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

GV có thể cho HS ôn về số 10, nếu các loại đồ vật thường được gộp lại thành nhóm 10 (chẳng hạn trứng gà, chòng bát, bó đũa,...). GV có thể đưa ra hình ảnh hoặc vật thật: 1 bó 10 que tính, 1 khay 10 quả trứng, 1 chòng bát gồm 10 chiếc.



HĐ 2. Hình thành kiến thức mới

Giới thiệu các số tròn chục

Tổ chức cho HS làm việc theo nhóm đôi trên que tính theo hướng dẫn của GV.

a) *Số tròn chục từ 1 chục đến 9 chục.*

- GV giới thiệu: 10 được gọi là 1 chục.

GV giờ 1 bó 10 que tính và nói: Ta có 10 que tính, gọi là 1 chục que tính. (HS làm theo GV).

- GV treo bảng phụ (như trong SGK), lần lượt gắn 1, 2, 3 thẻ chục que tính, hướng dẫn HS nêu số chục, cách viết số và cách đọc số tương ứng.
- GV cho HS đọc tên các chục và tên số tương ứng:

Một chục – mươi

Hai chục – hai mươi

.....

Chín chục – chín mươi

b) *Số 100* (HS làm việc theo nhóm để đủ số lượng que tính).

- GV cho HS thêm 1 chục nữa thành 10 chục. Hướng dẫn HS bó thành một bó lớn.
- GV hướng dẫn: Mười bó chục bó thành một bó lớn hơn, ta gọi là *một trăm*. Một trăm viết là **100**.



HĐ 3. Thực hành – luyện tập

Bài 1. GV cho HS quan sát SGK, phân tích cách làm mẫu: 1 chục, viết là 10, đọc là mươi.

- Sau đó cho HS tự làm tiếp các ý còn lại vào Vở bài tập Toán.
- Cả lớp thống nhất kết quả.

Bài 2. GV cho HS tự làm bài vào Vở bài tập Toán:

- Đếm thấy mỗi cột đều gồm 10 (1 chục) khối lập phương. Đếm số cột rồi tìm số thích hợp thay cho dấu ?.
- HS kiểm tra chéo kết quả làm bài của nhau.

Bài 3. GV cho HS tự làm: trước hết quan sát để thấy quy luật viết các số tròn chục. Sau đó tìm số thích hợp thay cho dấu ?.

- Cả lớp thống nhất kết quả, đọc to các số tròn chục theo thứ tự:
- Từ 10 đến 100.
 - Từ 100 đến 10.



HĐ 4. Vận dụng

Bài 4. GV cho HS tự làm vào Vở bài tập Toán. HS quan sát, thấy các nải chuối đều có 10 quả. Có 4 nải chuối tất cả. Từ đó tìm số thích hợp thay cho dấu ?.

Các bạn kiểm tra chéo kết quả làm bài của nhau.



HĐ 5. Cứng cối

GV có thể tổ chức cho HS cứng cối về:

- Một chục, một trăm, các số tròn chục.
- Nêu ví dụ về các đồ vật trong cuộc sống thường được bó, đóng gói thành các chục.

67. Luyện tập

MỤC TIÊU

- Nhận biết, đếm, đọc, viết được các số tròn chục.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bảng phụ.
- Tranh vẽ phóng to các hình trong SGK.

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động: GV có thể cho HS chơi trò chơi để ôn về:

- Nhận biết, đọc các số tròn chục.
- Nêu ví dụ về các đồ vật trong cuộc sống thường được bó, đóng gói thành các chục.



HĐ 2. Thực hành – luyện tập

Bài 1. HS nêu yêu cầu của bài. HS làm việc cá nhân vào Vở bài tập Toán, đại diện HS trình bày kết quả và nhận xét. HS đổi vở kiểm tra chéo.

Bài 2. GV hướng dẫn HS phân tích cách làm. Chẳng hạn với tranh đầu tiên: có 4 khay trứng gà, mỗi khay có 1 chục quả trứng, ta có 4 chục quả trứng, ta chọn số 40.

- HS tự làm với các tranh còn lại.

– GV cho HS nêu kết quả chọn, chẳng hạn, mỗi bó que tính gồm 1 chục que, có 8 bó là 8 chục que tính, ta chọn số 80; Mỗi vòng hạt gồm 1 chục hạt, có 6 vòng hạt, ta chọn số 60,...

Bài 3. HS tự làm bài vào Vở bài tập Toán, chọn số chục với cách ghi số tương ứng. HS kiểm tra chéo kết quả làm bài của nhau.

Bài 4. HS tự làm bài vào Vở bài tập Toán, GV cho HS thông nhất kết quả và giải thích cách làm.



HĐ 3. Vận dụng

Bài 5. GV cho HS đọc đề bài, phân tích: có 4 chục khối lập phương, cần lấy cho đủ 3 chục khối lập phương.

HS tự chọn (có thể có các cách lấy khác nhau).

GV cho HS khoanh trên bảng phụ, cả lớp nhận xét kết quả.



HĐ 4. Củng cố

GV có thể cho HS ôn về: Nhận biết các số tròn chục; Đọc, viết các số tròn chục.

Viết tiếp các số tròn chục trong một dãy có vài số tròn chục cho trước.

68. Các số có hai chữ số

MỤC TIÊU

- Đọc, viết được các số có hai chữ số có hàng đơn vị khác 1, 4, 5.
- Nhận biết được cấu tạo số có hai chữ số.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bảng phụ có nội dung BT 1, 3.
- Hình ảnh phần bài mới, BT 1.
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động: Cho HS chơi trò chơi “Truyền điện” về đếm các số từ 1 đến 20 và ngược lại. Từ đó dẫn dắt HS vào bài mới.



HĐ 2. Đọc, viết và nhận biết cấu tạo số có hai chữ số (hàng đơn vị khác 1, 4, 5)

- GV chiếu video clip phần bài mới trong SGK lên màn hình hoặc cho HS quan sát trong SGK.
- GV tay trái cầm 2 bó chục que tính, tay phải cầm 7 que tính: cho HS nhận xét: tay trái cô có mấy que tính, tay phải cô có mấy que tính, cả hai tay cô có bao nhiêu que tính. Viết là **27**, đọc là *hai mươi bảy*, số này có **2 chục** và **7 đơn vị**, GV chỉ lần lượt vào các ô ở dòng thứ nhất trong bảng.
- GV cho HS thao tác: Tay trái HS cầm 3 bó chục que tính, tay phải cầm 8 que tính và nhận xét lần lượt như trên để chốt lại cách đọc, viết số và cấu tạo số 38.

- Thực hiện tương tự với các số còn lại trong bảng.
- Cho HS nhắc lại cung cấp cách đọc, viết và câu tạo số trong bảng.



HĐ 3. Thực hành – luyện tập

Bài 1. HS thảo luận nhóm đôi rồi làm vào Vở bài tập Toán, sau đó sử dụng máy chiếu vật thể (nếu có) hoặc gắn bài lên bảng và chừa cho HS.

Bài 2. HS nêu yêu cầu của bài rồi làm bài vào Vở bài tập Toán.

GV chiếu bài làm của một số HS để chừa bài. HS đổi vở kiểm tra chéo.

Bài 3. GV treo bảng phụ và chọn hai đội chơi trò chơi “*Tiếp sức*” với nội dung của bài 3 (mỗi đội 1 câu), sau đó GV nhận xét và HS ghi bài.



HĐ 4. Vận dụng

Bài 4. HS nêu yêu cầu của bài. GV cho HS đếm các bạn trong lớp rồi trả lời.



HĐ 5. Cung cấp bài bằng trò chơi “*Truyền điện*”: Đếm trong phạm vi 100 (tùy chọn số xuất phát).

69. Luyện tập

MỤC TIÊU

- Đọc, viết thành thạo các số có hai chữ số có hàng đơn vị khác 1, 4, 5.
- Thực hiện được việc lắp ghép hình.
- Sử dụng được số có hai chữ số trong cuộc sống.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bảng phụ BT 1, 2; bộ ĐDHT.
- Máy chiếu vật thể (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động: GV treo bảng phụ và chọn hai đội, mỗi đội 3 em cho tham gia trò chơi “*Tiếp sức*” để giải BT 2 (một đội làm câu 1 và một đội làm câu 2).



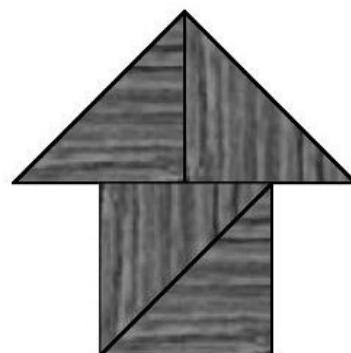
HĐ 2. Cung cấp kỹ năng đọc, viết và nhận biết câu tạo số, kỹ năng lắp ghép hình.

Bài 1. HS nêu yêu cầu của bài rồi làm bài vào Vở bài tập Toán. GV chọn một số bài chừa bằng máy chiếu vật thể hoặc lần lượt cho HS nêu kết quả rồi chừa bài, sau đó đổi vở kiểm tra chéo.

Bài 3. GV chiếu bài 3 lên màn hình hoặc cho HS quan sát SGK, đọc đề bài và nêu yêu cầu của bài. Một số HS nêu câu trả lời.

Bài 4. HS nêu yêu cầu của bài. GV cho HS lấy 4 hình tam giác trong bộ ĐDHT.

- HS thảo luận theo nhóm đôi để lắp ghép.
- Đại diện các nhóm trình bày kết quả và nhận xét.
- *Đáp án:* xem hình bên.



HĐ 3. Vận dụng:

Bài 5. HS nêu yêu cầu của bài.

- HS quan sát, đếm rồi trả lời câu a.
- Thầy (cô) gợi ý cho HS để trả lời câu b.



HĐ 4. Củng cố bài bằng trò chơi “*Rung chuông vàng*”: 1 bài về đọc số, 1 bài về giải toán bằng một phép tính trừ. Chẳng hạn:

Chọn đáp án đúng:

Câu 1. Số 52 đọc là:

- A. Lăm mươi hai B. Năm mươi hai

Câu 2. An có một số bông hoa. An đã cho bạn 4 bông hoa và còn lại 6 bông hoa. Vậy An có tất cả:

- A. 2 bông hoa B. 10 bông hoa

70. Các số có hai chữ số (tiếp theo)

MỤC TIÊU

- Đọc, viết được các số có hai chữ số.
- Nhận biết được cấu tạo số có hai chữ số.
- Đếm được các số từ 1 đến 100.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bảng phụ BT 1, 2, 4; các thẻ chục.
- Video clip phần bài mới (nếu có thể).
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động: Cho HS chơi trò chơi “*Tiếp sức*” đếm xuôi các số tròn chục từ 10 đến 100 và ngược lại. Từ đó dẫn dắt HS vào bài mới.



HĐ 2. Đọc, viết và nhận biết câu tạo số có hai chữ số

- GV chiếu video clip phần bài mới trong SGK lên màn hình hoặc cho HS quan sát trong SGK.
- GV tay trái cầm 1 bó chục que tính, tay phải cầm 5 que tính, cho HS nhận xét: tay trái cô có mấy que tính, tay phải cô có mấy que tính, cả hai tay cô có bao nhiêu que tính. Viết là 15, đọc là *mười lăm*, số này có *1 chục* và *5 đơn vị*, GV chỉ lần lượt vào các ô ở dòng thứ nhất trong bảng.
- GV cho HS thao tác: tay trái HS cầm 2 thẻ chục, tay phải cầm 5 que tính và nhận xét lần lượt như trên để chốt lại cách đọc, viết số và câu tạo số 25.
- Thực hiện tương tự với các số 84, 14, 41 và 11.



HĐ 3. Thực hành – luyện tập

Bài 1. Cho HS thảo luận nhóm đôi rồi làm vào Vở bài tập Toán, sau đó sử dụng máy chiếu vật thể (nếu có) chiếu bài lên bảng và chữa bài cho HS.

Bài 2. HS nêu yêu cầu của bài. GV chia theo dãy: mỗi dãy làm 1 câu (a, b; c) rồi làm vào Vở bài tập Toán.

GV cho đại diện các nhóm nêu kết quả và chữa bài. HS đổi vở kiểm tra chéo.

Bài 3. HS nêu yêu cầu của bài, HS làm việc cá nhân, làm bài vào Vở bài tập Toán.

Bài 4. GV treo bảng phụ và chọn ba đội chơi trò chơi “*Tiếp sức*” (mỗi đội 1 ý), sau đó các bạn nhận xét và HS ghi bài.



HĐ 4. Cùng cô bài bằng trò chơi “*Truyền điện*”:

- Đếm liên tiếp các số có hai chữ số có tận cùng bằng 5: 15, 25,...
- Đếm liên tiếp các số có hai chữ số có tận cùng bằng 1: 11, 21,...
- Đếm liên tiếp các số có hai chữ số có tận cùng bằng 4: 14, 24,...

71. Luyện tập

MỤC TIÊU

- Đọc, viết thành thạo các số có hai chữ số.
- Nhận dạng được các hình đã học.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bảng phụ có nội dung BT 2, 5.
- Máy chiếu vật thể (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động: Cho HS chơi trò chơi “*Truyền điện*”: đếm từ 51 đến 60; đếm từ 88 đến 100.



HĐ 2. Củng cố kỹ năng đọc, viết và nhận biết câu tạo số

Bài 1. HS nêu yêu cầu của bài rồi làm bài vào Vở bài tập Toán. GV chọn một số bài chưa bằng máy chiếu vật thể hoặc lần lượt cho HS nêu kết quả rồi chữa bài, sau đó đổi vở kiểm tra chéo.

Bài 2. GV treo bảng phụ bài 2 lên bảng. HS nêu yêu cầu bài. 1 HS lên bảng làm dòng 1, 1 HS làm dòng 2, 1 HS làm dòng 3, cả lớp làm vào Vở bài tập Toán.

– HS nhận xét và chữa bài làm của bạn trên bảng.

– HS đổi vở kiểm tra chéo.

Bài 3. HS nêu yêu cầu của bài. Từng cá nhân làm vào Vở bài tập Toán. GV chiếu bài của HS hoặc cho HS trình bày bài của mình và chữa.

HS đổi vở kiểm tra chéo.

Bài 4. GV chiếu bài 4 lên màn hình hoặc cho HS đọc đề bài trong SGK và nêu yêu cầu của bài. 1 HS lên bảng làm bài, các HS khác làm bài vào Vở bài tập Toán.

– HS nhận xét và chữa bài làm của bạn trên bảng.

– HS đổi vở kiểm tra chéo.



HĐ 3. Vận dụng: Củng cố kỹ năng nhận dạng hình.

Bài 5.

– GV chiếu bài 5 hoặc cho HS quan sát SGK rồi nêu yêu cầu của bài.

– GV chiếu bài hoặc treo bài làm của một số nhóm và nhận xét.



HĐ 4. Củng cố bài bằng trò chơi “*Chinh phục đỉnh Olympia*”: 1 bài về đọc số có tận cùng bằng 1, 4 hoặc 5; 1 bài về đếm số hình.

72. So sánh các số có hai chữ số

MỤC TIÊU

- So sánh được các số có hai chữ số và vận dụng được vào cuộc sống.
- Xác định được số lớn nhất, số bé nhất trong một nhóm các số.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bảng phụ; các bó que tính (bó chục) và các que tính rời trong bộ ĐDHT.
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

Tổ chức trò chơi “*Truyền điện*”: Đọc số theo thứ tự tiếp theo: Người chơi đầu tiên đứng tại chỗ, đọc một số có hai chữ số, chẳng hạn, số 32 và gọi tên bất kì bạn nào đó trong lớp, bạn có tên đó đứng tại chỗ đọc số theo thứ tự tiếp theo (là số 33). Nếu đọc đúng thì được gọi tên bất kì người bạn nào đó trong lớp (đọc sai thì bị loại khỏi cuộc chơi), bạn được gọi tên đứng tại chỗ đọc số theo thứ tự tiếp theo (là số 34) và đọc tên một bạn trong lớp, cuộc chơi cứ tiếp tục diễn ra như vậy,... GV nhận xét chung về cuộc chơi.



HĐ 2. So sánh các số có hai chữ số

So sánh 85 và 48

- Hướng dẫn HS quan sát hình vẽ trong bài học (hoặc dùng que tính thực) và dựa vào hình ảnh trực quan để nhận ra: 85 có 8 chục và 5 đơn vị, 48 có 4 chục và 8 đơn vị; 85 và 48 có số chục khác nhau: 8 chục lớn hơn 4 chục ($80 > 40$) nên $85 > 48$. Có thể cho HS tự giải thích, ví dụ 85 và 48 đều có 4 chục, 85 còn có thêm 4 chục và 5 đơn vị, tức là có thêm 45 đơn vị, mà 48 chỉ có thêm 8 đơn vị. Ta có $45 > 8$ nên $85 > 48$.
- Tập cho HS nhận biết: nếu $85 > 48$ thì $48 < 85$ (Chẳng hạn, bằng nhận xét và sử dụng hình vẽ, que tính,... để giúp HS tự nhận ra nếu $85 > 48$ thì $48 < 85$).

So sánh 73 và 76

- Hướng dẫn HS quan sát hình vẽ trong SGK (hoặc dùng que tính thực) và dựa vào hình ảnh trực quan để nhận ra: 73 có 7 chục và 3 đơn vị, 76 có 7 chục và 6 đơn vị; 73 và 76 có số chục bằng nhau (cùng có 7 chục), mà $3 < 6$ nên $73 < 76$.
- Tập cho HS nhận biết: nếu $73 < 76$ thì $76 > 73$.

Lưu ý: Chưa yêu cầu HS biết “quy tắc” khi so sánh hai số có hai chữ số nhưng có thể giúp HS tập diễn đạt, so sánh như:

- 56 và 59 đều có 5 chục, mà $6 < 9$ nên $56 < 59$.
- 64 và 92 có số hàng chục khác nhau, 6 chục bé hơn 9 chục, nên $64 < 92$.



HĐ 3. Thực hành – luyện tập

Bài 1. HS làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán. Từng cặp HS kiểm tra bài làm của nhau và GV nhận xét bài làm của HS. Có thể gọi một vài HS giải thích vì sao chọn được dấu ($<$, $>$, $=$) thích hợp khi so sánh hai số trong bài.

Bài 2. HS làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán hoặc có thể chia nhóm để HS trao đổi, tranh luận với nhau và trình bày kết quả ở bảng phụ. GV sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ để chữa bài.

Lưu ý: Không chỉ có một số thích hợp thay cho dấu ?, chẳng hạn: $67 < ?$ thì 92 và 76 đều có thể thay cho dấu ? (vì cả 92 và 76 đều thích hợp).

Bài 3. Cho HS tự nêu yêu cầu của bài, làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán và GV chữa bài. GV cần rèn cho HS nêu các cách giải thích khác nhau. Chẳng hạn: 90 lớn hơn 83, 90 lớn hơn 79 nên 90 là số lớn nhất, hoặc 90 lớn hơn 83, 83 lớn hơn 79, vậy 90 là số lớn nhất.



HĐ 4. Vận dụng

Bài 4. HS nêu yêu cầu của bài và làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán. Với HS gặp khó khăn khi làm bài, GV gợi ý cho HS mối liên hệ giữa “nhiều hơn” với “lớn hơn”, giữa “ít hơn” với “bé hơn” để đưa về bài toán so sánh hai số.

GV cho HS trả lời miệng và yêu cầu giải thích cụ thể vì sao chọn được cụm từ “nhiều hơn” hay cụm từ “ít hơn” phù hợp thay cho dấu ?.



HĐ 5. Củng cố

Yêu cầu HS về nhà tìm hiểu xem trong gia đình ai là người nhiều tuổi nhất, ai là người ít tuổi nhất.

73. Luyện tập

MỤC TIÊU

- Đọc, viết, so sánh thành thạo các số trong phạm vi 100 và vận dụng được trong cuộc sống.
- Sắp xếp được các số theo thứ tự trong phạm vi 100.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bảng phụ.
• Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

Cho HS tìm hiểu và so sánh giữa các đồ vật, đối tượng quen thuộc, chẳng hạn như: So sánh số bạn nam và số bạn nữ trong lớp; So sánh số bàn (ghế) với số HS của lớp; So sánh số HS ngồi ở hai, ba dãy bàn phía trên cùng với số HS ngồi ở hai, ba dãy bàn phía dưới cùng,...



HĐ 2. Thực hành – luyện tập

Bài 1. Cho HS tự nêu yêu cầu của bài và dựa vào mẫu để làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán. Gọi một, hai HS trình bày kết quả và GV chừa bài (có thể sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ).

Bài 2. HS làm bài theo nhóm và trình bày kết quả vào bảng phụ.

GV nhận xét kết quả của mỗi nhóm và chừa bài (có thể sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ).

Bài 3. Cho HS làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán.

Với HS gặp khó khăn, GV hỗ trợ, gợi ý. Cho HS đứng tại chỗ nêu kết quả và HS khác nhận xét. GV kết luận.

Bài 4. Cho HS làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán. GV hỗ trợ, gợi ý cho các HS gặp khó khăn. HS đứng tại chỗ nêu kết quả và HS khác nhận xét, GV kết luận. Có thể lưu ý HS về các số sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn với sắp xếp theo thứ tự tăng dần/ tiến (hoặc các số sắp xếp theo thứ tự từ lớn đến bé với sắp xếp theo thứ tự giảm dần/ lùi).



HĐ 3. Vận dụng

Bài 5. GV giúp HS hiểu dạng bài này là một dạng diễn đạt khác của dạng bài tìm số lớn nhất, số bé nhất trong ba số (có hai chữ số) đã cho và gắn với cuộc sống hằng ngày.

Cho HS làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán. HS đứng tại chỗ nêu kết quả và HS khác nhận xét. GV kết luận.



HĐ 4. Cứng cộ

Thi đố vui, chẳng hạn: Tìm số lớn nhất có hai chữ số; Tìm số bé nhất có hai chữ số; Tìm số lớn nhất có hai chữ số, bé hơn 45.

Yêu cầu HS có kết quả đúng giải thích trước lớp vì sao có kết quả đó với sự hỗ trợ của GV.

74. HĐTN: Em đo độ dài

MỤC TIÊU

- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đo độ dài đã học để đo độ dài các đồ vật xung quanh, đo độ dài các đồ vật, đối tượng trong lớp học và khoảng cách giữa các vật ở ngoài sân trường.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; bảng phụ; các phiếu thực hành đo độ dài (đủ cho các nhóm, mỗi nhóm 3 phiếu cho 3 nhiệm vụ).
- Thước có vạch chia xăng-ti-mét.

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

GV cho HS chơi trò chơi đố nhau: “*Đo theo đơn vị nào*”. GV giới thiệu trò chơi. Một bạn đầu tiên nêu tên một vật hoặc khoảng cách giữa hai vật, chỉ định người trả lời, người trả lời sẽ cho biết đo bằng gang tay, hay bước chân, hay bằng xăng-ti-mét,... là phù hợp. Nếu cả lớp chấp nhận, bạn đó sẽ đố bạn tiếp theo,... Chẳng hạn nếu chỉ định đo độ dài cái bút, thì chọn xăng-ti-mét là phù hợp, chứ không nên dùng gang tay để đo,...



HĐ 2. Thực hành – luyện tập

Đo theo các chủ đề

Việc đo theo các chủ đề có thể được HS tranh thủ thực hiện trong thời gian giải lao. Tiết học dành cho việc báo cáo và thảo luận trên lớp.

a) Chủ đề 1

HS làm việc theo nhóm, phân chia mỗi bạn chọn một đồ vật rồi xác định đơn vị đo, đo và ghi lại kết quả đo. Nhóm kiểm tra kết quả và ghi vào phiếu làm việc của nhóm.

(Chú ý: có thể chọn đơn vị đo là xăng-ti-mét hoặc gang tay khi đo độ dài một số vật như chiều dài bút chì, chiều dài chân bàn,...).

Phiếu có dạng sau:

Tên đồ vật cần đo	Ước lượng	Kết quả đo
Chiều dài bút chì	20 cm	18 cm
Chiều dài chân bàn	Hơn 3 gang tay	4 gang tay

b) Chủ đề 2

HS làm việc theo nhóm như với chủ đề 1, tuy nhiên GV cần cho các bạn trong nhóm lựa chọn các đồ vật/ đối tượng như SGK gợi ý, sau đó phân công hai bạn thực hiện, một bạn đo, một bạn ghi lại kết quả. Sau đó cả nhóm tập hợp lại kết quả vào phiếu thực hành của nhóm.

Khi báo cáo kết quả, GV cần đổi chiều số liệu mà từng nhóm công bố.

c) Chủ đề 3

- HS vẫn làm việc theo nhóm như với chủ đề 1 và chủ đề 2, các bạn trong nhóm chọn khoảng cách đo, mô tả khoảng cách đó trong phiếu thực hành (chẳng hạn khoảng cách từ cây bàng đến cây phượng ở sân trường), chọn đơn vị đo, sau đó thực hiện việc đo, có bạn giám sát và ghi chép kết quả đo.
- Báo cáo kết quả trải nghiệm.
- GV cho các nhóm ghi chép trình bày kết quả thực hiện các nhiệm vụ theo các chủ đề ra bảng phụ.
- Từng nhóm lên trình bày kết quả, các bạn nhóm khác hỏi và cùng thảo luận về: Tính hợp lí của việc chọn đơn vị đo, xác nhận kết quả đo, việc ghi chép kí hiệu kết quả đo có chính xác không.



HĐ 3. Củng cố

- GV củng cố cho HS về đo độ dài, các đơn vị đo độ dài, đặc biệt là về đơn vị đo độ dài xăng-ti-mét.
- GV gợi ý cho HS nhận xét:
 - Kết quả đo độ dài của cùng một đối tượng, khoảng cách nào đó bằng gang tay, bước chân,... của các nhóm là khác nhau vì đơn vị đo phụ thuộc vào cơ thể từng bạn tham gia đo.
 - Nhưng nếu đo độ dài (độ dài quyển sách Toán 1 chặng hạn) bằng xăng-ti-mét thì số đo của các nhóm đều giống nhau, vì đây là độ dài quốc tế, ai đo cũng cho kết quả giống nhau.

75. Luyện tập chung

MỤC TIÊU

- Đọc, viết và nhận biết được cấu tạo số có hai chữ số.
- So sánh và xác định được số lớn nhất, số bé nhất.
- Viết được phép tính phù hợp với câu hỏi của bài toán có lời văn.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1.
- Tranh vẽ phóng to các hình trong SGK.

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

GV có thể tổ chức một số trò chơi quen thuộc, thông qua trò chơi, GV cho HS ôn lại về: Nhận biết số có hai chữ số thông qua hình vẽ, HS nêu được các số tương ứng.



HĐ 2. Thực hành – luyện tập

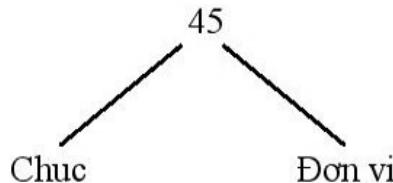
Bài 1. HS nêu yêu cầu của bài rồi làm vào Vở bài tập Toán, sau đó tự nêu cách ghép số với hình vẽ thích hợp. HS thống nhất kết quả ghép, giải thích cách làm.

Bài 2. GV cho HS đọc đề bài và làm hướng dẫn làm chung trên lớp câu a).

– GV có thể minh họa bằng cách biểu diễn sau:

Chục	Đơn vị
4	5

Hoặc



– HS tự làm các câu còn lại vào Vở bài tập Toán.

Bài 3. HS nêu yêu cầu của bài rồi làm bài vào Vở bài tập Toán, sau đó HS nêu kết quả so sánh. GV nhận xét và chừa bài.

Bài 4. GV cho HS tự làm bài vào Vở bài tập Toán. Sau đó HS nêu kết quả chọn và giải thích cách làm, chẵng hạn:

a) Số 9 là số bé nhất vì chỉ có một chữ số nên ta loại số 9. Chỉ xét các số có hai chữ số, so sánh ở hàng chục, có 8 lớn nhất, vậy 80 là số lớn nhất.

b) Số 100 lớn nhất nên loại số 100, với các số có hai chữ số còn lại, ta xét hàng chục, có 2 bé nhất, vậy 27 là số bé nhất.



HD 3. Vận dụng

Bài 5. GV cho HS đọc đề toán, nêu phép tính, trình bày bài giải vào vở bài tập Toán.

Cả lớp thống nhất kết quả. Gọi vài HS nêu câu trả lời. GV nhận xét và chừa bài.



HD 4. Củng cố

GV giúp HS củng cố về so sánh số có hai chữ số. Có thể nêu câu hỏi để đố HS như:

- a) Nêu các số tiếp theo của dãy số: 46; 47; 48;;;
- b) Số có hai chữ số bé nhất là số nào?
- c) Số có hai chữ số lớn nhất là số nào?

76. Luyện tập chung

MỤC TIÊU

- So sánh và xếp thứ tự được các số trong phạm vi 100.
- Lắp ghép được hình theo yêu cầu.
- Viết được phép tính phù hợp với câu hỏi của bài toán có lời văn.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bộ ĐDHT.

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HD 1. Khởi động

GV có thể cho HS củng cố về số có hai chữ số: đếm tiếp từ một số có hai chữ số nào đó trở đi: đếm từ 45 đến 53; hoặc cho HS nêu số nhỏ hơn (lớn hơn) trong hai số đã cho.



HĐ 2. Luyện tập

Bài 1. GV đặt câu hỏi ôn BT đã làm trước đó dạng: 34 gồm mấy chục, mấy đơn vị? 56 gồm mấy chục, mấy đơn vị?

– GV đặt câu hỏi “Số gồm 3 chục và 2 đơn vị là số nào?”.

– HS tự làm BT 1, cả lớp thống nhất kết quả.

Bài 2. HS nêu yêu cầu của bài rồi làm bài vào Vở bài tập Toán, sau đó thống nhất cách làm và kết quả. GV nhận xét và chữa bài. HS đổi vở kiểm tra chéo.

Bài 3. HS tự làm bài rồi giải thích cách làm. Ghi cách xếp (viết các số theo thứ tự từ bé đến lớn và từ lớn đến bé theo yêu cầu của bài tập) vào Vở bài tập Toán.

Bài 4. HS nêu yêu cầu của bài rồi làm việc theo cặp, các bạn thảo luận, thử lắp ghép để được hình theo mẫu, GV cho HS lên lắp ghép bằng bộ hình của GV trên bảng.

Chú ý: Trường hợp HS giải quyết nhanh các BT, GV có thể bổ sung BT cho các HS này bằng các BT mức độ khó hơn.



HĐ 3. Vận dụng

Bài 5. HS tự đọc đề bài và làm bài vào Vở bài tập Toán. Gọi vài HS nêu câu trả lời.



HĐ 4. Củng cố: GV giúp HS củng cố về so sánh các số có hai chữ số.

77. Đồng hồ

MỤC TIÊU

- Bước đầu đọc được giờ đúng trên đồng hồ.
- Bước đầu liên hệ được giờ với các việc diễn ra trong ngày.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1.
- Mô hình đồng hồ của HS.
- Tranh vẽ đồng hồ phóng to hoặc mô hình đồng hồ để làm việc chung cả lớp.

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

GV gợi mở hướng HS tới việc xác định thời gian để HS đi học, bố mẹ đi làm đúng giờ, liên hệ tới việc sử dụng đồng hồ để xem thời gian.



HĐ 2. Hình thành kiến thức mới

Xem đồng hồ

a) Giới thiệu đồng hồ

GV sử dụng mô hình đồng hồ để giới thiệu đồng hồ: mặt đồng hồ, kim ngắn (kim giờ), kim dài (kim phút). HS lấy mô hình đồng hồ cá nhân để cùng theo dõi.

b) Xem giờ đúng

- GV cho kim phút chỉ số 12, kim giờ chỉ số 2. Hướng dẫn khi kim dài chỉ vào vạch số 12 và kim ngắn chỉ vào vạch số 2, ta nói đồng hồ chỉ 2 giờ.
- GV cho kim ngắn (kim giờ) chỉ lần lượt vào số 7, 6, 3, giữ nguyên kim dài (kim phút) chỉ số 12, yêu cầu HS cho biết đồng hồ chỉ mấy giờ.
- GV cho HS quan sát tranh vẽ, yêu cầu HS thảo luận theo nhóm: mô tả trong từng tranh vẽ, đồng hồ chỉ mấy giờ và bạn HS trong tranh đang làm gì?
- Các nhóm HS trao đổi và nêu mô tả của mình.

Lúc 6 giờ sáng, bạn HS tập thể dục; Lúc 7 giờ sáng bạn HS ăn sáng; Lúc 8 giờ sáng, bạn HS học ở trường (lớp).



HĐ 3. Thực hành – luyện tập

Bài 1. GV hướng dẫn HS phân tích đề bài. Trong SGK có vẽ các đồng hồ và ở bên dưới đã có bạn viết kết quả xem đồng hồ tương ứng. Hãy kiểm tra và cho biết kết quả xem đồng hồ nào đúng, kết quả xem nào sai.

- HS làm việc theo nhóm đôi vào Vở bài tập Toán. HS báo cáo kết quả và các bạn nhận xét.
- GV cho HS nêu kết quả làm bài và giải thích.

Chú ý: Đồng hồ thứ hai, kim ngắn chỉ số 6, kim dài chỉ số 12 nên kết quả không phải là 12 giờ mà là 6 giờ.

Bài 2. HS tự làm bài vào Vở bài tập Toán, nhìn đồng hồ rồi viết kết quả xem đồng hồ tương ứng. Các bạn kiểm tra chéo kết quả bài làm của nhau.

Bài 3. GV cho HS quan sát các đồng hồ, sau đó từng HS đọc giờ trên mỗi đồng hồ. Cả lớp nhận xét câu trả lời. HS hoàn thiện bài vào Vở bài tập Toán.



HĐ 4. Vận dụng

Bài 4. GV cho HS làm việc theo nhóm đôi, hỏi nhau và viết câu trả lời vào Vở bài tập Toán.

- Gọi một số HS trả lời trước lớp.
- GV có thể mở rộng thêm câu hỏi dạng này, chẳng hạn: hôm nay em định sẽ làm gì vào lúc 8 giờ tối? vào lúc 9 giờ tối?... (chấp nhận dùng thuật ngữ “8 giờ tối”, “4 giờ chiều”,...).



HD 5. Củng cố

- GV có thể cho HS tập quay kim đồng hồ theo giờ đúng do GV chỉ định: 5 giờ, 3 giờ, 10 giờ, 7 giờ, 12 giờ, 6 giờ,... HS quay kim ngắn (kim dài chỉ số 12) ở mô hình đồng hồ cá nhân theo chỉ định của GV, các bạn kiểm tra chéo kết quả của nhau.

78. Luyện tập

MỤC TIÊU

- Đọc được giờ đúng trên đồng hồ.
- Liên hệ được giờ với các việc diễn ra trong ngày.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bộ ĐDHT.
- Mô hình đồng hồ cho GV và HS.

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HD 1. Khởi động

GV có thể cho HS liên hệ thời gian với một số công việc diễn ra trong ngày của bản thân.

Một vài HS nêu: em làm gì vào lúc 6 giờ? 7 giờ? 8 giờ? 9 giờ? 12 giờ? (trong khuôn khổ buổi sáng).



HD 2. Thực hành – luyện tập

Bài 1. HS tự làm bài, phân tích mẫu và nêu kết quả chọn giờ đúng thích hợp.

Bài 2. GV cho HS đọc và nêu yêu cầu để bài.

- HS xác định: kết quả ghi số giờ ở dưới đồng hồ là đúng hay sai.
- HS tự làm và kiểm tra chéo kết quả của nhau.

Bài 3. GV cho HS làm việc theo nhóm đôi.

- Cho HS thực hành: quay kim đồng hồ trên mô hình đồng hồ cá nhân để được giờ đúng theo chỉ định, HS sẽ có định kim dài chỉ vào số 12.
- Sau đó nghe GV đọc và quay kim ngắn tới vị trí thích hợp, chặng hạn: 6 giờ, 9 giờ, 11 giờ, 1 giờ, 4 giờ, 12 giờ,...

Bài 4. GV cho HS làm việc theo nhóm đôi, lắp ghép các mảnh hình theo mẫu. Kết quả ghép có thể có sai khác. Một vài nhóm lên bảng nêu cách ghép của nhóm mình. Cả lớp nhận xét.



HĐ 3. Vận dụng

Bài 5. GV cho HS đọc đề, GV gợi ý, các tranh vẽ mô tả các hoạt động của gia đình bạn Lâm vào ngày chủ nhật.

- GV cho HS thảo luận theo nhóm: nhìn tranh vẽ ở SGK, mô tả hoạt động ở từng tranh; HS các nhóm sẽ có các cách mô tả khác nhau. Cả lớp thống nhất các tranh sắp theo thứ tự sau:
 - Cả nhà ăn sáng chuẩn bị đi chơi.
 - Cả nhà tới cổng vườn bách thú.
 - Cả nhà tới xem chuồng khỉ.
 - Cả nhà vừa về đến cổng nhà.
- GV cho các bạn nêu sự tương ứng giữa mỗi tranh với đồng hồ thích hợp.
- Các nhóm thảo luận, nêu ý kiến của mình và giải thích.
- Chặng hạn:
 - Cả nhà ăn sáng vào lúc 7 giờ (chuẩn bị đi chơi).
 - Cả nhà tới cổng vườn bách thú vào lúc 9 giờ.
 - Cả nhà xem chuồng khỉ vào lúc 10 giờ.
 - Mọi người về đến nhà lúc 12 giờ.



HĐ 4. Củng cố

GV củng cố cho HS về cách xem đồng hồ bằng cách cho HS đố nhau theo nhóm đôi: Một bạn nêu giờ, bạn kia quay kim đồng hồ thích hợp, sau đó đổi vai trò cho nhau.

79. Các ngày trong tuần lễ

MỤC TIÊU

- Nhận biết được một tuần lễ có 7 ngày và tên gọi, thứ tự các ngày trong tuần lễ.
- Xác định được ngày trong tuần khi xem lịch tờ.
- Liên hệ được ngày trong tuần với một số sự việc trong cuộc sống.

ĐỒ DÙNG DAY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1.
- Lịch tờ to để làm việc chung cả lớp.

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

GV đặt vấn đề tìm hiểu về kinh nghiệm sẵn có của HS về thứ, ngày trong tuần. GV đặt câu hỏi: Hôm nay là thứ mấy? Ngày mai là thứ mấy?... và dẫn dắt vào bài học mới.



HĐ 2. Hình thành kiến thức mới: Các ngày trong tuần lễ

- GV giới thiệu các tờ lịch trong tuần như SGK hoặc các tờ lịch của tuần đang học.
- GV cho HS đọc các ngày trong tuần: thứ Hai, thứ Ba, thứ Tư, thứ Năm, thứ Sáu, thứ Bảy, Chủ nhật.
- Cho HS đếm và cho biết một tuần lễ có 7 ngày.
- GV đặt câu hỏi: Hôm nay là thứ mấy? (HS: hôm nay là thứ...).



HĐ 3. Thực hành – luyện tập

Bài 1. GV cho HS đọc câu hỏi và trả lời từng ý.

Bài 2. GV có thể treo thời khoá biểu phóng to trên bảng. HS trả lời căn cứ vào thời khoá biểu, thứ Hai học các môn là.....

GV có thể mở rộng hỏi HS về thời khoá biểu một số ngày khác trong tuần.

Bài 3. a) HS nêu ý kiến phù hợp với lịch học của lớp.

b) GV cho HS thảo luận nhóm, HS sẽ trả lời theo các câu khác nhau, đồng thời giải thích ý kiến của mình:

- Thông thường các cô, chú công nhân làm việc vào các ngày: thứ Hai, thứ Ba, thứ Tư, thứ Năm, thứ Sáu và nghỉ vào các ngày thứ Bảy, Chủ nhật.

- Cũng có HS nêu ý kiến khác: ở chỗ em các cô, chú công nhân đi làm cả ngày thứ Bảy, có cô, chú đi làm cả ngày Chủ nhật.
- GV có thể bình luận thêm, nhìn chung, nhà nước cho phép đi làm 5 ngày một tuần và nghỉ hai ngày, trong một số trường hợp, công nhân có thể làm vào thứ Bảy và Chủ nhật thì được nghỉ bù, nếu cô, chú nào làm thêm thứ Bảy hoặc Chủ nhật thì được thêm tiền lương.



HĐ 4. Vận dụng

Bài 4. HS tìm hiểu, hỏi nhau xem tuần này có sinh nhật của bạn nào trong tổ không và xác định là ngày nào trong tuần (có thể vài tổ sẽ trả lời: “Tổ em không có bạn nào có sinh nhật trong tuần này.”).



HĐ 5. Củng cố

GV cho HS nêu tên các ngày trong tuần; chia sẻ với các bạn về ngày làm việc và ngày nghỉ trong tuần của những người lớn trong gia đình.

80. Luyện tập

MỤC TIÊU

- Nhận biết được thứ tự các ngày trong tuần lặp.
- Xác định được các ngày trong tuần khi xem lịch tờ hàng ngày.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1.
- Lịch tờ cỡ to để làm việc chung cả lớp.

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

GV cho HS đọc tên các ngày liên tiếp, bắt đầu từ một ngày bất kì trong tuần, chẳng hạn:

- Thứ Năm, thứ Sáu, thứ Bảy, Chủ nhật,…
- Thứ Hai, thứ Ba,…
- Thứ Sáu, thứ Bảy,…
- Chủ nhật,…



HĐ 2. Thực hành – luyện tập

Bài 1. GV cho HS tự làm BT vào Vở bài tập Toán.

Bài 2. HS đọc đề bài và tự làm BT vào Vở bài tập Toán, sau đó thống nhất kết quả.

Bài 3. GV có thể cho thêm các BT khác, như:

– Hôm nay là thứ Hai thì ngày mai là thứ mấy? Hôm qua là thứ mấy?

– Hôm nay là thứ Sáu thì ngày mai là thứ mấy? Hôm qua là thứ mấy?

– Hôm qua là Chủ nhật thì hôm nay là thứ mấy? Ngày mai là thứ mấy?

Bài 4. GV cho HS làm việc theo nhóm, các bạn quan sát tranh và xác định bạn Hoa đang đọc sách vào lúc nào (xem đồng hồ) và thứ mấy (xem lịch tờ trên tường).

GV cho HS liên hệ: Vào thứ Bảy và Chủ nhật có lúc nào em tự học ở nhà không, thường vào lúc mấy giờ?



HĐ 3. Vận dụng

Bài 5. HS đọc đề và phân tích tình huống:

– Sinh nhật bạn Lan vào thứ Bảy.

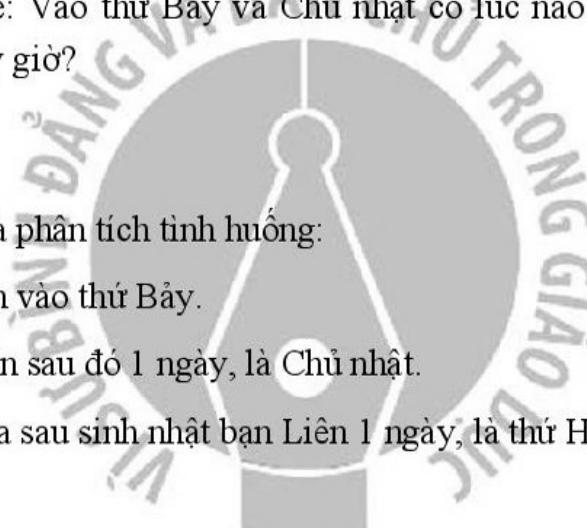
– Sinh nhật bạn Liên sau đó 1 ngày, là Chủ nhật.

– Sinh nhật bạn Hoa sau sinh nhật bạn Liên 1 ngày, là thứ Hai.



HĐ 4. Cứng cộ

GV cho HS cứng cộ về thứ tự các ngày trong tuần. HS có thể chơi trò chơi đố nhau, như: hôm qua là thứ Tư, thì hôm nay là...; ngày mai là...; ngày kia (ngày mốt) là...



81. Phép cộng không nhớ trong phạm vi 100

MỤC TIÊU

- Bước đầu thực hiện được phép cộng không nhớ trong phạm vi 100.
- Bước đầu vận dụng được phép cộng không nhớ trong phạm vi 100 để tính toán.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bảng cài; bảng phụ ghi quy tắc cộng.
- Video clip phần bài mới (nếu có thể).
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động: Cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh, ai đúng”.

- GV chia HS trong lớp thành hai đội, 5 bạn đội 1 lần lượt đọc mỗi người một số có hai chữ số, 5 bạn đội 2 lần lượt ghi lại các số đó lên bảng. Sau đó đổi lại: 5 bạn đội 2 đọc và 5 bạn đội 1 ghi.
- Các bạn nhận xét và tuyên dương đội nào nhanh hơn và đúng.



HĐ 2. Hình thành kiến thức mới: Phép cộng không nhớ trong phạm vi 100.

- HS quan sát SGK.
- GV tay trái cầm 3 thẻ chục, tay phải cầm 2 que tính, cho HS nhận xét: tay trái có có mấy que tính, tay phải có có mấy que tính, cả hai tay có có bao nhiêu que tính. Cài 3 bó chục và 2 que tính lên bảng cài.
- GV tay trái cầm 2 thẻ chục, tay phải cầm 5 que tính, cho HS nhận xét: tay trái có có bao nhiêu que tính, tay phải có có bao nhiêu que tính, cả hai tay có có bao nhiêu que tính. Cài 2 bó chục và 5 que tính lên bảng cài.
- GV viết hoặc chiếu lên màn hình phép tính $32 + 25$ theo cột dọc.
- GV cho HS nhận xét:
 - 2 que tính với 5 que tính bằng 7 que tính. Vậy 2 cộng 5 bằng 7, viết 7 (GV viết lên bảng hoặc chiếu hàng chữ lên màn hình).
 - 3 chục với 2 chục bằng 5 chục. Vậy 3 cộng 2 bằng 5, viết 5 (GV viết lên bảng hoặc chiếu hàng chữ lên màn hình).
- GV: Ta có $32 + 25 = 57$.

Làm tương tự với phép tính: $32 + 7$.

- GV treo bảng phụ ghi quy tắc cộng trong SGK lên bảng hoặc chiếu lên màn hình, sau đó cho một số HS nhắc lại.



HĐ 3. Thực hành – luyện tập

Bài 1. Cho HS nêu yêu cầu bài 1. GV treo 3 bảng phụ ghi 3 ý trong BT 1, gọi 3 HS lên bảng làm bài, ở dưới HS làm vào Vở bài tập Toán.

- HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng và chừa.
- HS đổi vở kiểm tra chéo.

Bài 2. HS đọc đề.

- GV chia theo dãy bàn: mỗi dãy làm 1 phép tính vào Vở bài tập Toán.
- GV chiếu bài làm của đại diện mỗi dãy lên màn hình hoặc HS trình bày và chừa bài.
- HS hoàn thiện bài 2 vào Vở bài tập Toán.

Bài 3. HS nêu yêu cầu của bài.

- GV gọi 1 HS lên bảng làm bài. Cả lớp làm vào vở.
- HS nhận xét bài của bạn trên bảng và chừa.
- HS đổi vở kiểm tra chéo.

**HĐ 4.** Vận dụng

Bài 4. GV chiếu bài 4 lên màn hình hoặc cho HS đọc trong SGK và nêu yêu cầu của bài.

- HS thảo luận nhóm đôi và làm bài vào Vở bài tập Toán.
- GV chiếu bài của HS lên bảng hoặc HS trình bày bài làm của mình.
- HS nhận xét và chừa. HS đổi vở kiểm tra chéo.

**HĐ 5.** Cùng cỗ bài bảng trò chơi “Rung chuông vàng” nếu có thể hoặc làm miệng:

1 bài phép cộng không nhớ trong phạm vi 100; 1 bài cộng không nhớ số có một chữ số với số có hai chữ số; 1 bài cộng không nhớ số có hai chữ số.

82. Luyện tập

MỤC TIÊU

- Thực hiện được phép cộng không nhớ trong phạm vi 100.
- Vận dụng được phép cộng không nhớ trong phạm vi 100 để tính toán và xử lí các tình huống trong cuộc sống.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bảng phụ có nội dung BT 2, 3.
- Máy chiếu vật thể (nếu có thể).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



- HĐ 1.** Khởi động: GV cho treo ba bảng phụ (mỗi bảng 1 cột của bài 1, tiết 81) và gọi 3 HS tham gia trò chơi “Ai nhanh, ai đúng” để làm bài trên bảng phụ. Ai giải nhanh nhất và đúng sẽ được thưởng.



HĐ 2. Củng cố kĩ năng cộng không nhớ

Bài 1. HS nêu yêu cầu của bài. Cho HS làm miệng lần lượt.

Bài 2. GV chiếu bài 2 lên màn hình hoặc cho HS quan sát SGK và nêu yêu cầu của bài. HS làm vào Vở bài tập Toán.

- GV chọn một số bài làm của HS chiếu lên hoặc cho đại diện HS trình bày rồi chừa.
- HS đổi vở kiểm tra chéo.

HĐ 3. Củng cố kĩ năng cộng không nhớ, so sánh số trong phạm vi 100.

Bài 3. HS quan sát SGK rồi nêu yêu cầu của bài.

- GV chia hai nhóm, một nhóm làm cột 1, một nhóm làm cột 2 vào bảng phụ.
- GV cho đại diện các nhóm báo cáo kết quả và chừa bài.
- HS hoàn thiện các ý còn lại vào Vở bài tập Toán.

Bài 4. HS nêu yêu cầu của bài.

- GV gọi 3 HS lên bảng làm bài. Cả lớp làm vào Vở bài tập Toán.
- HS nhận xét bài của bạn trên bảng và chừa.
- HS đổi vở kiểm tra chéo.



HĐ 4. Vận dụng

Bài 5. HS quan sát SGK rồi nêu yêu cầu của bài.

- GV gọi 1 HS lên bảng làm bài. Cả lớp làm vào Vở bài tập Toán.
- Các bạn nhận xét bài làm của bạn trên bảng và chừa bài.
- Đổi vở kiểm tra chéo.

Đáp án: $12 + 6 = 18$ hoặc $6 + 12 = 18$.



HĐ 5. Củng cố bài bảng trò chơi “Chinh phục đỉnh Olympia”: 1 bài về phép cộng không nhớ, 1 bài về bài toán có lời văn, 1 bài về cộng không nhớ kết hợp so sánh số.

83. Phép trừ không nhớ trong phạm vi 100

MỤC TIÊU

- Bước đầu thực hiện được phép trừ không nhớ trong phạm vi 100.
- Bước đầu vận dụng được phép trừ không nhớ trong phạm vi 100 để tính toán và xử lí các tình huống trong cuộc sống.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bảng cài; bảng phụ ghi quy tắc trừ và nội dung BT 1.
- Video clip phần bài mới (nếu có).
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động: Cho HS chơi trò chơi “*Truyền điện*” về bảng trừ trong phạm vi 9.



HĐ 2. Hình thành kiến thức mới: Phép trừ không nhớ trong phạm vi 100

– HS quan sát SGK.

– GV tay trái cầm 5 thẻ chục, tay phải cầm 7 que tính, cho HS nhận xét: tay trái có bao nhiêu que tính, tay phải có bao nhiêu que tính, cả hai tay có bao nhiêu que tính. Cài 5 bó chục và 7 que tính lên bảng cài.

– GV tay trái cầm 3 thẻ chục, tay phải cầm 2 que tính, cho HS nhận xét: tay trái có bao nhiêu que tính, tay phải có bao nhiêu que tính, cả hai tay có bao nhiêu que tính. Cài 3 bó chục và 2 que tính lên bảng cài.

– GV viết hoặc chiếu lên màn hình phép tính $57 - 32$ theo cột đọc.

– GV cho HS nhận xét:

○ 7 que tính trừ 2 que tính bằng 5 que tính. Vậy 7 trừ 2 bằng 5 , viết 5 (GV viết lên bảng hoặc chiếu hàng chữ lên màn hình).

○ 5 chục trừ 3 chục bằng 2 chục. Vậy 5 trừ 3 bằng 2 , viết 2 (GV viết lên bảng hoặc chiếu hàng chữ lên màn hình).

– GV: ta có $57 - 32 = 25$.

– Làm tương tự với: $39 - 7$ và $48 - 43$.

– GV treo bảng phụ ghi quy tắc trừ trong SGK lên bảng hoặc chiếu lên màn hình, sau đó cho một số HS nhắc lại.



HĐ 3. Thực hành – luyện tập

Bài 1. HS nêu yêu cầu bài 1. GV treo ba bảng phụ ghi 3 ý trong BT 1, gọi ba HS lên bảng làm bài, ở dưới HS làm vào Vở bài tập Toán.

– HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng và chừa bài.

– HS đổi vở kiểm tra chéo.

Bài 2. HS lên bảng làm bài. Cả lớp làm vào Vở bài tập Toán.

– HS nhận xét bài của bạn trên bảng, sau đó đổi vở kiểm tra chéo.



HĐ 4. Vận dụng

Bài 3. HS nêu yêu cầu của bài. HS thảo luận nhóm đôi rồi làm vào vở. HS nêu kết quả và nhận xét bài của bạn. Đôi vở kiểm tra chéo.

Bài 4. Tương tự bài 3.



HĐ 5. Củng cố bài bằng trò chơi “*Rung chuông vàng*” hoặc làm miệng: 1 bài phép trừ không nhớ hai số có hai chữ số, 1 bài trừ không nhớ số có hai chữ số với số có một chữ số, 1 bài trừ hai số có hai chữ số có hàng chục bằng nhau.

84. Luyện tập

MỤC TIÊU

- Thực hiện được phép trừ không nhớ trong phạm vi 100.
- Nhận dạng được các đồ vật có dạng khối hộp chữ nhật và khối lập phương.
- Vận dụng được phép trừ không nhớ trong phạm vi 100 để tính toán.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; ba bảng phụ có nội dung BT 1, tiết 83.
- Bảng phụ có nội dung BT 2.
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động: GV cho treo ba bảng phụ (mỗi bảng 1 cột của bài 1, tiết 83) và gọi ba HS tham gia trò chơi “*Ai nhanh, ai đúng*” để giải bài trên bảng phụ. Ai giải nhanh nhất và đúng sẽ được thưởng.



HĐ 2. Củng cố kỹ năng trừ không nhớ

Bài 1. HS nêu yêu cầu của bài. Cho HS làm miệng lần lượt từng ý.

Bài 2. GV chiếu bài 2 lên màn hình hoặc cho HS quan sát SGK, nêu yêu cầu của bài. GV chia lớp thành ba nhóm, mỗi nhóm làm một ý vào bảng phụ.

- GV chọn một số bài làm của HS chiếu lên hoặc cho đại diện HS trình bày rồi chữa bài.
- HS làm hoàn thiện các ý còn lại vào Vở bài tập Toán.

HĐ 3. Củng cố kĩ năng cộng, trừ số đo độ dài

Bài 3. HS quan sát SGK rồi nêu yêu cầu của bài.

- HS thảo luận nhóm đôi và làm bài vào Vở bài tập Toán.
- GV gợi ý: Cộng, trừ các số với nhau, tìm kết quả rồi viết thêm đơn vị đo.
- GV cho đại diện các nhóm báo cáo kết quả và chừa bài.



HĐ 4. Vận dụng

Bài 4. HS chơi trò “*Truyền điện*” làm tùng ý của bài 4.

Bài 5. Cho HS lần lượt theo các bước sau:

- Ước lượng chiều dài bước chân rồi dùng thước kiểm tra lại.
- Gọi một số HS thực hiện theo quy trình trên.
- So sánh kết quả ước lượng và kết quả đo thực.



HĐ 5. Củng cố bài bằng trò chơi “*Chinh phục đỉnh Olympia*”: 1 bài về phép trừ không nhớ, 1 bài về bài toán có lời văn, tìm phép trừ thích hợp trong phạm vi 100, 1 bài về đếm hình.

85. Luyện tập chung

MỤC TIÊU

- Thực hiện thành thạo phép cộng, phép trừ không nhớ trong phạm vi 100 và vận dụng để xử lí các tình huống trong cuộc sống.
- Lắp ghép được các hình theo yêu cầu.

ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; ba bảng phụ bài 1, tiết 84.
- 4 mảnh gỗ hình tam giác và 1 mảnh gỗ hình vuông trong bộ ĐDHT.
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động: GV cho treo ba bảng phụ và gọi ba HS tham gia trò chơi “*Ai nhanh, ai đúng*” để giải bài trên bảng phụ.
Ai giải nhanh nhất và đúng sẽ được thưởng.



HĐ 2. Củng cố kĩ năng cộng, trừ không nhớ trong phạm vi 100

Bài 1. HS nêu yêu cầu của bài và làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán. HS báo cáo kết quả và chừa bài. HS chừa bài vào Vở bài tập Toán.

Bài 2. HS nêu yêu cầu của bài. Cho HS làm bài cá nhân và đổi vở kiểm tra chéo nhau.

GV chọn một số bài làm của HS chiếu lên rồi chữa bài. HS làm hoàn thiện bài làm.

Bài 3. Cho HS làm bài cá nhân. HS báo cáo kết quả và GV chữa bài. HS chữa bài vào Vở bài tập Toán.

HĐ 3. Lắp ghép được hình theo yêu cầu

Bài 4. Cho HS làm việc theo nhóm. GV sử dụng máy chiếu để chữa bài.



HĐ 4. Vận dụng

Bài 5. HS nêu yêu cầu của bài. Cho HS làm bài cá nhân. HS báo cáo kết quả và chữa bài. HS chữa vào bài của mình. Với HS gặp khó khăn chưa tìm được phép tính phù hợp GV gợi ý dạng toán “thêm vào” hay “gộp lại”?



HĐ 5. Củng cố bài bằng trò chơi “*Chinh phục đỉnh Olympia*”: 1 bài về phép trừ không nhớ trong phạm vi 100, 1 bài về giải toán với một phép tính trừ trong phạm vi 100, 1 bài về đếm hình.

86. Cộng, trừ nhầm các số tròn chục

MỤC TIÊU

- Thực hiện được cộng, trừ nhầm các số tròn chục trong phạm vi 100.
- Vận dụng được cộng, trừ nhầm các số tròn chục vào cuộc sống.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bảng phụ.
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

- Cho HS thực hiện phép tính:

$$\begin{array}{r} 20 \\ + \\ \hline 40 \\ \dots \end{array} \qquad \begin{array}{r} 60 \\ - \\ \hline 40 \\ \dots \end{array}$$

- Cho HS nhận xét phép cộng, phép trừ ở trên với các số đều tròn chục. GV nêu: Trong thực tế ta có thể thực hiện cộng, trừ nhầm các số tròn chục một cách dễ dàng, từ đó chuyển tiếp vào bài mới.



HĐ 2. Cộng, trừ nhầm các số tròn chục

♦ Công nhẩm các số tròn chục

- Cho HS đọc thầm nội dung này trong SGK (phần đóng khung ở trên).
 - GV viết lên bảng bài toán $20 + 40 = ?$ và yêu cầu HS nêu: 20 là mấy chục? (20 là 2 chục), 40 là mấy chục? (40 là 4 chục). Viết lên bảng:
Nhẩm: $20 = 2$ chục; $40 = 4$ chục.
 - GV hỏi: hai chục cộng bốn chục bằng mấy chục? (hai chục cộng bốn chục bằng sáu chục). Viết lên bảng: 2 chục + 4 chục = 6 chục.
 - GV hỏi: 6 chục là bao nhiêu đơn vị? (sáu chục là sáu mươi đơn vị).
 - GV viết lên bảng: 6 chục = 60 , vậy $20 + 40 = 60$.

Lưu ý: Trình bày phần viết lên bảng như ở phần đóng khung trong SGK.

♦ Trù nhầm các số tròn chục

Cách làm tương tự ở nội dung công nhầm các số tròn chục.



HĐ 3. Thực hành – luyện tập

Bài 1. HS tính nhẩm, gọi một vài HS trả lời miệng, HS khác nhận xét. GV nhận xét, sửa sai sót cho HS (nếu có).

Bài 2. HS làm bài cá nhân hoặc có thể chia nhóm để HS trao đổi, thảo luận với nhau và làm bài vào Vở bài tập Toán. GV sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ để chửa bài.

Bài 3. Cho HS tự nêu yêu cầu của bài, làm bài cá nhân và GV chũa bài. GV cần lưu ý HS với phép tính có các số đo độ dài (cm), ta thực hiện như phép tính thông thường với các số rồi gắn thêm đơn vị đo độ dài vào kết quả.



HĐ 4. Vận dụng

Bài 4. Cho HS làm bài cá nhân, với HS gặp khó khăn, GV gợi ý HS nhớ lại phép tính cộng phù hợp với câu trả lời của bài toán dạng “gộp lại, gom lại”. Gọi một HS lên bảng trình bày. HS khác nhận xét và GV kết luận.



HD 5. Củng cố

Cho HS đếm nhầm: 10, 20, 30..... 90, 100.

1 chuc, 2 chuc,....., 9 chuc, 10 chuc.

87. Luyện tập

MỤC TIÊU

- Thực hiện thành thạo cộng, trừ nhầm các số tròn chục trong phạm vi 100.
- Vận dụng được cộng, trừ nhầm các số tròn chục vào cuộc sống.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bảng phụ.
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

Có thể tổ chức dưới dạng trò chơi “Truyền điện” Bài 1 (tính nhầm) của tiết 86.



HĐ 2. Thực hành – luyện tập

Bài 1. Cho HS tính nhầm, GV gọi một số HS trả lời miệng, HS khác nhận xét.

– GV nhận xét, sửa chỗ sai cho HS hoặc có thể tổ chức dưới dạng trò chơi “Tiếp sức” với ba đội chơi.

Bài 2. Cho HS làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán.

HS đứng tại chỗ nêu kết quả từng phép tính và kết quả cuối cùng.

– HS khác nhận xét. GV kết luận.

Bài 3. HS làm bài theo nhóm và trình bày kết quả vào Vở bài tập Toán.

– GV nhận xét kết quả của mỗi nhóm và chữa bài (có thể sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ).

Bài 4. Cho HS làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán. Với HS gặp khó khăn, GV hỗ trợ, gợi ý. Cho HS đứng tại chỗ nêu kết quả và HS khác nhận xét. GV kết luận.

– Có thể lưu ý HS nhận xét về so sánh số để có thể chọn dấu + hay dấu – (ở ý 1, ý 2).



HĐ 3. Vận dụng

Bài 5. GV gợi ý HS liên tưởng tìm phép tính phù hợp với câu trả lời của dạng toán “bớt đi, cho đi”.

Cho HS làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán. HS đứng tại chỗ nêu kết quả và HS khác nhận xét. GV kết luận.



HĐ 4. Củng cố

- Thi đố vui, chặng hạn: Tìm số lớn nhất có hai chữ số mà hai chữ số đó khác nhau; tìm số bé nhất có hai chữ số mà hai chữ số đó giống nhau; tìm số lớn nhất có hai chữ số, bé hơn 80.
- Yêu cầu HS có kết quả đúng giải thích trước lớp vì sao có kết quả đó với sự hỗ trợ của GV.

88. Luyện tập chung

MỤC TIÊU

- Thực hiện được phép cộng, trừ nhằm trong phạm vi 100.
- Thực hiện thành thạo phép cộng, trừ không nhớ trong phạm vi 100 và vận dụng được vào cuộc sống.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; Các hình chiếu PowerPoint như ở SGK.
- Bảng phụ ghi nội dung BT 1.
- Bộ ĐDHT.

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

- GV tổ chức hoạt động linh hoạt. Có thể tổ chức bằng một trò chơi vận động thật nhanh hoặc chơi tiếp sức bài 1, tiết 87. Gồm ba đội chơi, mỗi đội có 2 bạn. Mỗi đội phải thực hiện các phép tính ở 1 cột của bài 1 (diễn các kết quả vào phép tính viết sẵn trên bảng phụ). Đội nào nhanh, đúng sẽ thắng.
- GV chừa bài từng đội, chốt kết quả đúng. HS dưới lớp đối chiếu với bài của mình.



HĐ 2. Thực hành – luyện tập

Bài 1. HS làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán.

- GV cho HS chừa bài rồi đổi vở, kiểm tra chéo kết quả.

Bài 2. GV chiếu bài 2 lên bảng hoặc cho HS quan sát SGK.

- HS nêu yêu cầu bài toán.
- HS làm bài vào Vở bài tập Toán.
- GV chừa bài tập, HS đổi chiếu bài của mình, GV chốt cách đặt tính và tính.

Bài 3. GV chiếu bài 3 lên bảng hoặc cho HS quan sát SGK.

- HS làm bài vào Vở bài tập Toán.
- GV lưu ý cho HS cách tính đổi với phép tính có cả dấu + và dấu -: tính từ trái qua phải.
- GV chữa bài tập, HS đổi chiếu bài của mình.

Bài 4. GV chiếu bài 4 lên bảng hoặc cho HS quan sát SGK.

- HS thực hiện nhóm đôi, tìm hiểu yêu cầu bài toán.
- Lấy trong bộ ĐDHT gồm 2 khối hộp chữ nhật và 2 khối lập phương như trong SGK, thảo luận nhóm lắp thành 1 khối hộp chữ nhật.
- GV chữa bài, HS đổi chiếu bài trên bảng.



HĐ 3. Vận dụng

Bài 5. GV chiếu bài 5 lên bảng hoặc cho HS quan sát SGK.

- Hướng dẫn học sinh tóm tắt bài toán:

Tổ 1: 40 vỏ chai

Tổ 2: 42 vỏ chai

Cả hai tổ: ? vỏ chai

- Học sinh tự tìm phép tính và nêu câu trả lời.

- GV chữa bài trên bảng.

- HS đổi chiếu bài làm của mình.



HĐ 4. Củng cố

- GV củng cố thực hiện phép cộng, trừ nhầm trong phạm vi 100.

Có thể tổ chức chơi trò chơi.

89. HĐTN: Khám phá ngôi trường em học

MỤC TIÊU

- Khám phá để biết tên, địa chỉ trường em học; các thầy, cô trong Ban Giám hiệu, thầy, cô chủ nhiệm lớp em. Trường em có bao nhiêu thầy, cô giáo (trong đó có bao nhiêu thầy giáo, bao nhiêu cô giáo). Trường em có bao nhiêu cô, chú làm việc ở thư viện, phòng y tế và phòng bảo vệ.
- Em khám phá để biết trường em có tất cả bao nhiêu phòng học. Sân trường, khu vui chơi, sân vận động, phòng tập đa năng nằm ở vị trí nào trong trường. Mỗi khối 1, 2, 3, 4, 5 có mấy lớp và trường em có tất cả bao nhiêu lớp.
- Em khám phá để biết trong trường em có những đồ vật nào có dạng hình vuông, hình tròn, hình chữ nhật, hình tam giác, khối hộp chữ nhật và khối lập phương.
- Em khám phá để đứng ở cổng trường mô tả được bên phải nhìn thấy gì? Bên trái nhìn thấy gì?
- Chia sẻ cùng gia đình và người thân những điều em khám phá được.

TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

Bước 1. Giao nhiệm vụ:

- GV chia lớp thành bốn nhóm.
- Giao cho một nhóm làm chủ đề 1, hai nhóm làm chủ đề 2 và một nhóm làm chủ đề 3.
- Các nhóm thực hiện nhiệm vụ.

Bước 2. HS báo cáo kết quả trải nghiệm:

- GV cho các nhóm báo cáo kết quả.
- Các bạn thảo luận và bổ sung.
- Hoàn thiện báo cáo.
- Tổng kết: nhóm nào làm tốt hơn sẽ được thưởng.

Bước 3. Giao lưu – chia sẻ:

- Trung bày kết quả trải nghiệm ở một góc lớp.
- Nhắc HS kể lại cho gia đình và người thân về kết quả trải nghiệm của lớp em.

90. Ôn tập về các số trong phạm vi 100

MỤC TIÊU

- Tách được số.
- Đọc, viết, đếm và sắp xếp được các số có hai chữ số.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1;
- các hình chiếu PowerPoint như ở SGK.
- Bảng phụ, một quả bóng da hoặc nhựa.

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động: GV tổ chức hoạt động linh hoạt. Có thể tổ chức bằng một trò chơi vận động thật nhanh hoặc chơi chuyên bóng, khi bóng đến tay bạn nào bạn đó phải nói đúng số lớn nhất trong các số sau: 28, 19, 51, 72 mà GV đã ghi sẵn lên bảng và phổ biến luật chơi.



HĐ 2. Thực hành – luyện tập

Bài 1. GV chiếu bài 1 lên màn hình hoặc cho HS quan sát SGK.

- Hướng dẫn HS nêu cách làm và chừa bài theo mẫu ở phần thứ nhất. HS đọc lại các số vừa viết.
- HS làm bài vào Vở bài tập Toán, GV chừa bài.

Bài 2. GV chiếu bài 2 lên màn hình hoặc cho HS quan sát SGK, nêu yêu cầu của bài.

- HS làm bài cá nhân. GV chừa bài.

Bài 3. GV chiếu bài 3 lên màn hình hoặc cho HS quan sát SGK.

- GV hướng dẫn HS làm bài theo nhóm đôi và làm bài vào Vở bài tập Toán.
- Đại diện các nhóm trình bày. GV chiếu kết quả đúng.
- HS đôi chiếu bài làm của mình.

Bài 4. GV chiếu bài 4 lên màn hình hoặc cho HS quan sát trong SGK và nêu yêu cầu của bài.

- HS phân tích bài toán và tìm thấy dấu hiệu của bài toán: Mỗi số đứng ngay cạnh sau hơn số trước là 10. Cứ như vậy HS sẽ tìm được các số thích hợp thay cho dấu ?.
- GV chừa bài, HS đôi chiếu bài của mình.



HĐ 3. Củng cố kỹ năng giải toán bằng một phép tính trừ

Bài 5. GV chiếu bài 5 lên màn hình hoặc cho HS quan sát trong SGK.

- HS phân tích bài toán.
- Viết phép tính, trả lời câu hỏi vào Vở bài tập Toán.
- GV chừa bài, HS đổi chiếu bài của mình.

Đáp án: $98 - 45 = 53$ (cm).



HĐ 4. Củng cố

- GV củng cố đọc, viết các số trong phạm vi 100.
- Có thể tổ chức chơi trò chơi.

91. Ôn tập về các số trong phạm vi 100 (tiếp theo)

MỤC TIÊU

- Đọc, viết, đếm thành thạo các số trong phạm vi 100.
- So sánh thành thạo các số trong phạm vi 100.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1.
- Các hình chiếu PowerPoint với nội dung như ở SGK; bảng phụ.

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

GV tổ chức hoạt động linh hoạt (có thể tổ chức bằng một trò chơi vận động thật nhanh hoặc tổ chức trò chơi tiếp sức gồm hai đội chơi, mỗi đội có 6 HS, mỗi HS sẽ phải thực hiện một dòng của bảng ở BT 1).



HĐ 2. Thực hành – luyện tập

Bài 1. GV chiếu bài 1 hoặc cho HS quan sát SGK rồi nêu yêu cầu của bài. HS làm vào Vở bài tập Toán. GV chiếu bài làm của một số HS, các bạn nhận xét và chừa. HS đổi vở kiểm tra chéo.

Bài 2. Hướng dẫn HS làm theo mẫu (26 gồm 2 chục và 6 đơn vị sẽ viết là $26 = 20 + 6$).

HS làm bài rồi chữa bài.

Bài 3. GV chiếu bài 3 hoặc cho HS quan sát SGK rồi nêu yêu cầu.

– HS làm bài vào Vở bài tập Toán.

– HS nêu kết quả và chữa bài.

Bài 4. HS lần lượt đọc đề rồi làm miệng từng câu. HS nhận xét trả lời của bạn và chữa.

– HS viết kết quả vào vở.



HĐ 3. Vận dụng: Củng cố kỹ năng giải toán bằng một phép tính trừ

Bài 5. HS thảo luận nhóm đôi rồi làm bài. Đại diện một số nhóm nêu kết quả và chữa. HS đổi vở kiểm tra chéo.



HĐ 4. Củng cố: Có thể củng cố bằng trò chơi “*Chinh phục đỉnh Olympia*” bằng các bài: Ba bài tương tự các bài 1, 4 và 5.

92. Ôn tập về so sánh các số trong phạm vi 100

MỤC TIÊU

- So sánh được các số trong phạm vi 100.
- Sắp xếp được các số theo thứ tự trong phạm vi 100.
- Vận dụng được so sánh các số vào cuộc sống.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bảng phụ; 3 bộ bìa, mỗi bộ gồm 9 tấm bìa đánh số từ 1 đến 9 (có dây đeo).
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động: Có thể tổ chức trò chơi “Sắp xếp các số có hai chữ số theo thứ tự từ bé đến lớn”: Chia làm ba đội chơi, mỗi đội 6 bạn, số bạn trong lớp còn lại làm giám khảo và cổ động viên, cổ vũ các đội chơi.

– *Luật chơi:* Mỗi đội đều đứng ở vị trí xuất phát và cách đều các bộ bìa (có đánh số).

Khi có hiệu lệnh, người chơi chạy đến lấy 1 tấm bìa (có đánh số) của đội mình và

trở về vị trí xuất phát và kết đôi với 1 bạn của đội mình tạo thành một số có hai chữ số theo quy ước số này có hàng đơn vị lớn hơn hàng chục (ví dụ bạn A có số là 5, bạn B có số là 2 thì cặp này có số là 25/xếp đôi là BA). Như vậy mỗi đội chơi sẽ có ba cặp đôi tương ứng với ba số, mỗi số đều là số có hai chữ số. Đội nào xếp hàng theo thứ tự từ bé đến lớn (Sắp xếp ba số có hai chữ số theo thứ tự từ bé đến lớn) đúng và nhanh nhất đội đó thắng cuộc.



HĐ 2. Thực hành – luyện tập: Ôn tập về so sánh số có hai chữ số trong phạm vi 100.

Bài 1. Cho HS làm bài cá nhân. GV hỗ trợ, gợi ý cho HS yếu, kém. Cho HS đứng tại chỗ nêu kết quả và HS khác nhận xét. GV sửa sai sót cho HS (nếu có) và kết luận.

Bài 2. Để làm được bài, HS phải so sánh 4 số có hai chữ số (mức cao hơn với so sánh 3 số). Cho HS làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán. HS đứng tại chỗ nêu kết quả, HS khác nhận xét. GV kết luận.

Bài 3. Đây là dạng bài toán mới đòi hỏi HS suy luận, GV có thể gợi mở, chẳng hạn số lớn nhất có hai chữ số thì chữ số hàng chục và chữ số hàng đơn vị phải là chữ số nào? (chữ số 9). Vậy đó là số nào? (số 99). Cho HS làm bài theo nhóm và trình bày kết quả vào Vở bài tập Toán. GV nhận xét kết quả của mỗi nhóm và chữa bài (có thể sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ).



HĐ 3. Vận dụng

Bài 4. HS làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán, HS đổi vở cho nhau để kiểm tra kết quả. GV nhận xét và chữa bài (có thể sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ).

Bài 5. Cho HS làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán. HS đứng tại chỗ nêu kết quả và HS khác nhận xét. GV kết luận.



HĐ 4. Củng cố

Cho HS so sánh số lượng các đồ vật, đối tượng nào đó quen thuộc, thường gặp trong cuộc sống. Chẳng hạn, ở trong lớp: so sánh số HS nam với số HS nữ, so sánh số bàn hoặc ghế với số HS của lớp; giữa các lớp với nhau như: GV cho trước số HS của lớp 1A, 1B, 1C, 1D trong trường rồi cho HS tìm ra lớp đông HS nhất, lớp ít HS nhất (Lưu ý HS thường dùng “đông nhất” thay cho “nhiều nhất”).

93. Ôn tập về phép cộng, phép trừ không nhớ trong phạm vi 100

MỤC TIÊU

- Thực hiện được phép cộng, phép trừ không nhớ trong phạm vi 100.
- Vận dụng phép cộng, phép trừ không nhớ để tính toán và xử lý các tình huống trong cuộc sống.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1.
- Bảng phụ.

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động: GV cho HS chơi trò chơi luyện tính nhẩm, trong đó ôn về các bảng cộng, trừ đã học.



HĐ 2. Thực hành – luyện tập

Bài 1. Có thể tổ chức chơi trò chơi luyện nhẩm, cũng có thể cho HS đố nhau theo cặp.

Bài 2. GV cho HS tự đặt tính rồi tính; HS kiểm tra kết quả làm bài của nhau theo cặp.

Bài 3. GV cho HS nêu cách tính: tính từ trái qua phải: $36 - 10 + 3 = 26 + 3 = 29$.

Cũng có thể cộng nhẩm từng phép tính, ghi kết quả phép tính trung gian ở dưới rồi nhẩm tiếp:

$$\underline{36 - 10 + 3 = 29}$$

26

Bài 4. GV cho HS tự làm bài, HS kiểm tra chéo kết quả bài làm của nhau. GV có thể bổ sung thêm bài tập cho những HS hoàn thành nhiệm vụ chung trước các bạn.



HĐ 3. Vận dụng

Bài 5. GV cho HS tự nêu các số cần thay cho từng dấu ?. Một HS nêu cách làm và kết quả. HS khác nêu câu trả lời.



HĐ 4. Củng cố: GV tổ chức trò chơi củng cố về các dạng tính sau: cộng, trừ nhẩm trong phạm vi 100 và tính nhẩm với các số tròn chục.

94. Ôn tập về phép cộng, phép trừ không nhớ trong phạm vi 100 (tiếp theo)

MỤC TIÊU

- Thực hiện thành thạo các phép cộng, phép trừ không nhớ trong phạm vi 100.
- Thực hiện được các phép cộng, phép trừ nhầm trong phạm vi 100.
- Vận dụng được phép cộng, phép trừ không nhớ vào cuộc sống.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1.
- Bảng phụ có nội dung BT 2, 3, 4.

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động: GV cho HS chơi trò chơi luyện tính nhầm, trong đó ôn về các bảng cộng, trừ đã học.



HĐ 2. Thực hành – luyện tập

Bài 1. Có thể tổ chức chơi trò chơi luyện nhầm, cũng có thể cho HS đố nhau theo cặp.

Bài 2. GV cho 4 HS lên bảng làm, cả lớp làm vào Vở bài tập Toán.

- HS nhận xét và chữa bài làm của bạn trên bảng.
- HS đổi vở kiểm tra chéo.

Bài 3. GV cho HS nêu cách tính: tính từ trái qua phải: $25 + 34 - 42 = 59 - 42 = 17$.

Cũng có thể cộng nhầm từng phép tính, ghi kết quả phép tính trung gian ở dưới rồi nhầm tiếp:

$$\begin{array}{r} \underline{25 + 34 - 42 = 17} \\ 59 \end{array}$$

Bài 4. GV cho HS tự làm bài, HS kiểm tra chéo kết quả bài làm của nhau. GV giúp đỡ những HS yếu, kém hoàn thành bài làm.



HĐ 3. Vận dụng

Bài 5. GV cho HS tự tìm phép tính thích hợp. Một HS nêu cách làm và kết quả.



HĐ 4. Củng cố: GV tổ chức trò chơi củng cố về các dạng tính sau: cộng, trừ nhầm trong phạm vi 100 và tính nhầm với các số tròn chục.

95. Ôn tập về hình học

MỤC TIÊU

- Xác định được số thứ tự trong dãy các hình.
- Nhận dạng được các hình đã học.
- Lắp ghép được hình theo yêu cầu.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bộ ĐDHT.
- Video clip BT 2, 3 trong SGK.
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động: HS chơi trò “*Truyền điện*” làm BT 3: Gọi 1 HS nêu đồ vật có dạng hình tròn rồi chỉ tiếp bạn khác đến khi không nêu được là thua. Tương tự với các ý còn lại.



HĐ 2. Củng cố kĩ năng nhận dạng hình:

Bài 1. HS nêu yêu cầu của bài sau đó lần lượt làm miệng các ý a, b, c.

HS nhận xét bài làm của bạn.

Bài 2. GV chiếu bài 2 lên màn hình hoặc cho HS quan sát trong SGK, nêu yêu cầu của bài.

– HS thảo luận nhóm đôi rồi làm bài. Đại diện một số nhóm báo cáo kết quả và chừa bài.

Bài 3. GV hướng dẫn tương tự bài 2.

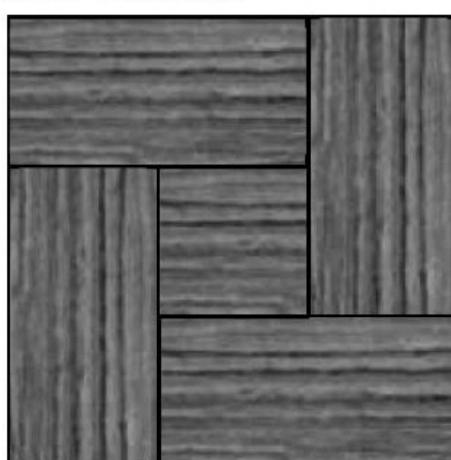
HĐ 3. Củng cố kĩ năng lắp ghép hình

Bài 4. HS quan sát SGK và nêu yêu cầu của bài.

– HS thảo luận nhóm đôi rồi thao tác trên bộ ĐDHT.

– Đại diện nhóm báo cáo kết quả, các bạn nhận xét và chừa bài.

Đáp án: Có nhiều cách ghép, chẳng hạn:



Bài 5. HS thực hiện ghép hình theo yêu cầu các ý a, b.

GV khuyến khích HS đưa ra nhiều đáp án khác nhau.



HĐ 4. Củng cố bài bằng trò chơi “*Chinh phục đỉnh Olympia*”: 1 bài về đếm hình; 1 bài về ghép hình (nếu có thể).

96. Ôn tập về đại lượng

MỤC TIÊU

- Đo được độ dài một số vật bằng thước thẳng có vạch chia xăng-ti-mét.
- Đọc được giờ đúng trên đồng hồ.
- Liên hệ được giờ đúng trên đồng hồ với một số việc hằng ngày.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1.
- Thước có vạch chia xăng-ti-mét, mô hình đồng hồ.

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

GV cho HS khởi động ôn về các thứ, ngày trong tuần. Có thể thông qua bài hát thiếu nhi quen thuộc: *Cả tuần đều ngoan* – nhạc sĩ Phạm Tuyên (Thứ Hai là ngày đầu tuần,...)



HĐ 2. Thực hành – luyện tập

Bài 1. GV cho HS làm việc nhóm đôi, mỗi bạn đều quan sát và ước lượng độ dài từng đoạn băng giấy. Sau đó các bạn thay nhau thực hiện thao tác đo, nêu kết quả đo (đơn vị đo là xăng-ti-mét). So sánh kết quả đo được với số đo ước lượng.

Bài 2. HS đọc đề, nêu cách làm bài. Sau đó từng HS viết phép tính vào Vở bài tập Toán.

– GV cho một HS nêu phép tính, HS khác nêu câu trả lời, cả lớp nhận xét.

Bài 3. GV cho HS tự tính sau đó thông nhất cách làm và kết quả.

– GV nhấn mạnh cần viết đơn vị đo xăng-ti-mét kèm theo số đo ở kết quả tính.

Bài 4. GV cho HS làm việc theo nhóm đôi. Sau đó cả lớp thống nhất kết quả.

– Chú ý trường hợp 12 giờ đúng, lúc đó kim dài và kim ngắn cùng chỉ vào số 12.

Bài luyện thêm: GV có thể yêu cầu HS quay kim đồng hồ để được giờ đúng, HS quay kim đồng hồ sau các lệnh của GV, chẳng hạn: 6 giờ; 2 giờ; 9 giờ; 11 giờ; 1 giờ; 12 giờ,... (HS luôn giữ kim dài chỉ vào số 12, chỉ quay kim ngắn).



HĐ 3. Vận dụng

Bài 5. GV Cho HS làm việc theo nhóm, quan sát tranh và thảo luận câu trả lời. Với mỗi câu a) hoặc b) một nhóm trình bày kết quả để các nhóm khác nhận xét.



HĐ 4. Củng cố

- GV cho HS nêu thời gian chỉ việc xảy ra trong cuộc sống hằng ngày.
- Có thể tổ chức trò chơi “nêu công việc và quay kim đồng hồ” như sau:
Chơi theo hai đội, số người hai đội bằng nhau:
 - Một HS đội 1 nêu sự kiện và thời gian: vào 7 giờ sáng hôm qua em tập thể dục.
Một HS đội 2 quay kim đồng hồ chỉ 7 giờ (kim ngắn chỉ số 7, kim dài chỉ số 12).
 - HS khác ở đội 2 nêu sự kiện và thời gian: Mẹ em thường đi chợ vào lúc 6 giờ sáng.
Một HS đội 1 quay kim đồng hồ chỉ 6 giờ.

Cả lớp kiểm soát, đánh giá và hô “Đúng” hoặc “Sai”. Và cứ tiếp tục trò chơi như vậy đến khi mỗi đội đều hết lượt.

97. Ôn tập cuối năm

MỤC TIÊU

- So sánh thành thạo các số trong phạm vi 100.
- Thực hiện thành thạo phép cộng, phép trừ không nhớ trong phạm vi 100.
- Xem được giờ đúng trên đồng hồ.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bảng phụ.
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động: GV cho HS chơi trò chơi ôn luyện về các bảng cộng, trừ đã học.



HĐ 2. Thực hành – luyện tập

Bài 1. GV cho HS tự làm bài, HS kiểm tra chéo kết quả bài làm của nhau. GV chữa bài.

Bài 2. Cho HS làm bài theo nhóm. GV kiểm tra kết quả của các nhóm trên bảng phụ và có thể sử dụng máy chiếu bài làm của một hoặc vài nhóm nào đó lên bảng lớp.

Bài 3. HS tự làm bài vào Vở bài tập Toán, sau đó kiểm tra chéo kết quả bài làm của nhau. GV giúp đỡ HS gấp khó khăn và chữa bài.

Bài 4. GV cho HS tự đặt tính và tính, HS kiểm tra chéo kết quả bài làm của nhau. GV có thể bổ sung thêm BT cho những HS hoàn thành nhiệm vụ chung trước các bạn.



HĐ 3. Vận dụng

Bài 5. a. GV cho HS quan sát đồng hồ rồi tìm số phù hợp thay vào các dấu ?. Gọi một vài HS nêu cách làm và GV nhận xét, chữa bài.

b. Cho HS thảo luận nhóm. GV gọi đại diện nhóm trả lời, nhận xét kết quả.



HĐ 4. Cứng cối: GV tổ chức trò chơi cứng cối về các dạng tính sau: cộng, trừ nhầm không nhớ trong phạm vi 100 và tính nhầm với các số tròn chục.

98. Ôn tập cuối năm

MỤC TIÊU

- Đếm thành thạo các số trong phạm vi 100.
- Thực hiện thành thạo phép cộng, phép trừ không nhớ trong phạm vi 100 và vận dụng được vào cuộc sống.
- Đếm được các khối hình.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bộ ĐDHT; bảng phụ.
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

GV tổ chức hoạt động linh hoạt (có thể tổ chức bằng một trò chơi vận động thật nhanh hoặc tổ chức trò chơi tiếp sức gồm hai đội chơi, mỗi đội có 6 HS, mỗi HS sẽ phải thực hiện đếm 10 số liên tiếp, chẳng hạn có thể bắt đầu từ số 41).



HĐ 2. Thực hành – luyện tập

Bài 1. GV gợi ý: a) Số sau hơn số trước mấy đơn vị? b) Số sau kém số trước mấy đơn vị?

– HS làm bài cá nhân và đổi vở kiểm tra chéo cho nhau. GV kiểm tra kết quả và chữa bài.

Bài 2. HS nêu yêu cầu của bài và làm bài vào Vở bài tập Toán, sau đó kiểm tra chéo kết quả bài làm của nhau.

– GV giúp đỡ HS còn gặp khó khăn và chữa bài.

Bài 3. HS nêu cách tính: tính từ trái qua phải.

– GV cho HS tự làm bài, HS đổi vở kiểm tra chéo kết quả bài làm của nhau.

Bài 4. GV nêu yêu cầu bài toán, lưu ý HS đếm cả những khối lập phương bị che khuất. HS làm bài theo nhóm. GV kiểm tra kết quả của các nhóm và có thể chiếu bài làm của một vài nhóm nào đó lên bảng lớp.



HĐ 3. Vận dụng

Bài 5. HS nêu yêu cầu của bài. Cho HS làm bài cá nhân. HS báo cáo kết quả và chữa bài. HS chữa vào bài của mình. Với HS còn lúng túng chưa tìm được phép tính phù hợp GV gợi ý dạng toán “bớt đi” hay “tách ra”? GV gọi một HS nêu câu trả lời.



HĐ 4. Cứng cối: Có thể cứng cối bằng trò chơi “*Chinh phục đỉnh Olympia*”: 1 bài về phép cộng không nhớ trong phạm vi 100; 1 bài về phép tính cộng phù hợp với câu trả lời của bài toán có lời văn. Nếu còn thời gian cho HS chia thành các nhóm 3, dùng bộ ĐDHT xếp các hình như BT 4 để kiểm tra lại kết quả.

99. Ôn tập cuối năm

MỤC TIÊU

- Đọc, viết thành thạo các số trong phạm vi 100.
- Sắp xếp được nhóm 4 số theo thứ tự tăng dần, giảm dần.
- Thực hiện thành thạo các phép cộng, trừ không nhớ trong phạm vi 100 và vận dụng được vào cuộc sống.
- Nhận dạng được các hình đã học.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bảng phụ.
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

Có thể cho HS chia nhóm và thi đố nhau: chẳng hạn, nêu tên các đồ vật có dạng hình chữ nhật, hình tròn, khối lập phương,...



HĐ 2. Thực hành – luyện tập

Bài 1. GV cho HS làm việc cá nhân vào Vở bài tập Toán, GV hỗ trợ những HS gặp khó khăn.

- Gọi một, hai HS trình bày bài làm trên bảng phụ, HS khác nhận xét.
- GV sửa lại và kết luận (có thể dùng máy chiếu hoặc bảng phụ).
- HS đổi vở kiểm tra chéo nhau.

Bài 2. Cho HS làm việc theo nhóm. Đại diện nhóm trình bày kết quả. GV nhận xét.

Bài 3. Cho HS làm việc cá nhân vào Vở bài tập Toán và đổi vở cho nhau.

- Gọi HS nêu kết quả.
- GV nhận xét và chữa bài (nếu cần).



HĐ 3. Vận dụng

Bài 4. Làm việc theo nhóm. Đại diện các nhóm nêu câu trả lời.

- GV nhận xét câu trả lời của từng nhóm.

Bài 5. Làm việc cá nhân, làm bài vào Vở bài tập Toán.

- GV giúp đỡ HS còn lúng túng để tìm ra phép cộng thích hợp, chẳng hạn hỏi: đây là dạng toán “thêm vào” hay “bớt đi”? Vì sao là phép tính cộng?...
- Gọi một vài HS nêu câu trả lời.



HĐ 4. Củng cố bài bằng trò chơi “Rung chuông vàng” hoặc làm miệng: 1 bài phép cộng không nhớ hai số có hai chữ số; 1 bài trừ không nhớ số có hai chữ số với số có một chữ số; 1 bài trừ hai số có hai chữ số có hàng đơn vị bằng nhau.

100. Ôn tập cuối năm

MỤC TIÊU

- Thực hiện thành thạo các phép cộng, trừ không nhớ trong phạm vi 100 và vận dụng được vào cuộc sống.
- Nhận dạng được các hình đã học.

ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bảng phụ.
- Máy chiếu (nếu có).

GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU



HĐ 1. Khởi động

Có thể cho HS chia nhóm và thi đố nhau: chẳng hạn, nêu tên các đồ vật có dạng hình vuông, hình tam giác, hình hộp chữ nhật,...



HĐ 2. Thực hành – luyện tập

Bài 1. HS làm việc cá nhân, GV hỗ trợ những HS gặp khó khăn (chưa hiểu rõ yêu cầu của bài, thực hiện phép tính sai,...).

– GV gọi một, hai HS trình bày bài làm trên bảng, HS khác nhận xét. GV sửa lại và kết luận (có thể dùng máy chiếu hoặc bảng phụ).

Bài 2. HS làm việc cá nhân vào Vở bài tập Toán và đổi vở kiểm tra chéo cho nhau. Gọi một vài HS nêu kết quả.

Bài 3. Cho HS làm việc theo nhóm. Đại diện nhóm trình bày kết quả. GV hướng dẫn các em ghi kết quả các phép tính vào mỗi tảng đá, sau đó tìm đường đi.



HĐ 3. Vận dụng

Bài 4. Làm việc theo nhóm. Đại diện các nhóm nêu câu trả lời. GV nhận xét câu trả lời của từng nhóm.

GV có thể hỏi thêm câu hỏi dạng trắc nghiệm, ví dụ:

- “Viên bi có dạng khối hộp chữ nhật, đúng hay sai?”
- “Ngôi sao có dạng hình tam giác, đúng hay sai?”

Bài 5. Làm việc cá nhân. GV giúp đỡ HS còn lúng túng để tìm ra phép trừ thích hợp, chẳng hạn hỏi: đây là dạng toán “thêm vào” hay “bớt đi”? Vì sao không phải là phép tính cộng?...



HĐ 4. Củng cố

Có thể cho HS làm những bài toán với các số liệu, đồ vật, đối tượng nào đó quen thuộc ở lớp, thường gặp trong cuộc sống, chẳng hạn:

- Số bàn học:.....?, số ghế ngồi:.....?
 - Tất cả có bao nhiêu bàn học và ghế ngồi trong lớp?
 - Số cây trồng (hoặc chăm sóc) mà mỗi tổ HS đảm nhiệm là bao nhiêu?
 - Tất cả có bao nhiêu cây trồng (hoặc chăm sóc) mà hai (ba, bốn) tổ HS đảm nhiệm?
- Nếu còn thời gian GV có thể hỏi thêm HS về ngày, giờ như: Hôm nay là thứ mấy? Mấy giờ thì lớp em tan học?...

MỤC LỤC

Trang

Phần một GIỚI THIỆU CHUNG

A. TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN TOÁN LỚP 1	3
B. GIỚI THIỆU BỘ HỌC LIỆU TOÁN 1	5

Phần hai HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI TRONG SGK TOÁN 1

1. Vị trí quanh ta	13
2. Nhận biết các hình	14
3. Luyện tập	16
4. Các số 1, 2, 3	17
5. Luyện tập	18
6. So sánh các số trong phạm vi 3	20
7. Các số 4, 5, 6	22
8. Đếm đến 6	23
9. So sánh các số trong phạm vi 6	24
10. Các số 7, 8, 9	26
11. Đếm đến 9	28
12. Luyện tập	29
13. So sánh các số trong phạm vi 9	30
14. Luyện tập	32
15. Số 0	33
16. Số 10	34
17. Tách số	35
18. Phép cộng	37
19. Luyện tập	39
20. Bảng cộng 1 trong phạm vi 10	40
21. Luyện tập	41
22. Luyện tập chung	42

23. Phép trừ	44
24. Luyện tập	46
25. Bảng cộng 2 trong phạm vi 10	48
26. Luyện tập	50
27. Bảng trừ trong phạm vi 5	52
28. Luyện tập	53
29. Bảng cộng 3 trong phạm vi 10	55
30. Luyện tập	57
31. Bảng trừ trong phạm vi 6	59
32. Luyện tập	60
33. Bảng cộng 4 trong phạm vi 10	61
34. Luyện tập	63
35. Số 0 trong phép cộng	65
36. Luyện tập	67
37. Số 0 trong phép trừ	68
38. Luyện tập	70
39. Bảng cộng 5 trong phạm vi 10	72
40. Luyện tập	74
41. Bảng trừ trong phạm vi 7	75
42. Luyện tập	77
43. Bảng cộng 6, 7, 8, 9 trong phạm vi 10	78
44. Luyện tập	80
45. Bảng trừ trong phạm vi 8	81
46. Luyện tập	83
47. Bảng trừ trong phạm vi 9	84
48. Luyện tập	85
49. Bảng trừ trong phạm vi 10	86
50. Luyện tập	88
51. Ôn tập về hình học	89
52. Ôn tập về các số trong phạm vi 10	90
53. Ôn tập về phép cộng và phép trừ	91
54. Các số trong phạm vi 20	92
55. Luyện tập	93

56. Phép cộng không nhớ trong phạm vi 20	94
57. Phép trừ không nhớ trong phạm vi 20	96
58. Luyện tập	98
59. HĐTN: Em khám phá các nhóm vật	99
60. Đo độ dài	99
61. Xăng-ti-mét	101
62. Luyện tập	103
63. Luyện tập chung	104
64. Luyện tập chung	106
65. HĐTN: Tìm hiểu lớp em	108
66. Các số tròn chục	109
67. Luyện tập	111
68. Các số có hai chữ số	112
69. Luyện tập	113
70. Các số có hai chữ số (tiếp theo)	114
71. Luyện tập	115
72. So sánh các số có hai chữ số	117
73. Luyện tập	119
74. HĐTN: Em đo độ dài	120
75. Luyện tập chung	122
76. Luyện tập chung	123
77. Đồng hồ	124
78. Luyện tập	126
79. Các ngày trong tuần lễ	128
80. Luyện tập	129
81. Phép cộng không nhớ trong phạm vi 100	130
82. Luyện tập	132
83. Phép trừ không nhớ trong phạm vi 100	133
84. Luyện tập	135
85. Luyện tập chung	136
86. Cộng, trừ nhầm các số tròn chục	137
87. Luyện tập	139
88. Luyện tập chung	140

89. HĐTN: Khám phá ngôi trường em học	142
90. Ôn tập về các số trong phạm vi 100	143
91. Ôn tập về các số trong phạm vi 100 (tiếp theo)	144
92. Ôn tập về so sánh các số trong phạm vi 100.....	145
93. Ôn tập về phép cộng, phép trừ không nhớ trong phạm vi 100	147
94. Ôn tập về phép cộng, phép trừ không nhớ trong phạm vi 100 (tiếp theo).....	148
95. Ôn tập về hình học.....	149
96. Ôn tập về đại lượng	150
97. Ôn tập cuối năm.....	151
98. Ôn tập cuối năm.....	152
99. Ôn tập cuối năm.....	153
100. Ôn tập cuối năm.....	154



**Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.**

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHAN XUÂN THÀNH

Biên tập nội dung: NGUYỄN XUÂN BÌNH – TRẦN THỊ THU – NGUYỄN HỌC THỨC

Thiết kế sách: ĐỖ HỮU PHÚ – NGUYỄN HỌC THỨC

Trình bày bìa: PHẠM HOÀI THANH

Sửa bản in: TRẦN THỊ THU

Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH GIÁO DỤC

**Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
và Công ty Cổ phần Phát hành Sách Giáo dục.**

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyền thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Công ty Cổ phần Phát hành Sách Giáo dục.

SÁCH GIÁO VIÊN **TOÁN 1**

Mã số:.....

In.....bản (QĐ...), khổ 19 x 26,5 cm

Đơn vị in:.....địa chỉ....

Cơ sở in:.....địa chỉ.....

Số ĐKXB:

Số QĐXB:..../ QĐ – GD ngày... tháng... năm 2020

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 2020.

Mã ISBN: